

Phố Cannery Row

tiểu thuyết
Phạm Văn dịch



TAO DÂN

Tu sách
Nobel Văn chương

John Steinbeck

NHÀ XUẤT BẢN
HỘI NHÀ VĂN

PHỐ CANNERY ROW

—★—

Tác giả: John Steinbeck

Dịch giả: Phạm Văn

Đoạt giải: Nobel Văn chương 1962

Phát hành: Tao Đàn

Nhà xuất bản Hội Nhà Văn 8/2018

CREDITS

—★—

SCAN: songuyento

TEXT: Trúc Quỳnh & pinoko

ĐÓNG GÓI: Trúc Quỳnh

ebook@vctvegroup

update 29-02-2024

John Steinbeck

John Steinbeck (1902-1968) sinh tại Salinas, tiểu bang California. Thuở nhỏ ông thường đi làm thêm ở các nông trại trong vùng, và về sau đem kinh nghiệm ấy vào tác phẩm của mình. Ông học trung học ở Salinas, sau đó theo ban Văn chương Anh ở Đại học Stanford nhưng không tốt nghiệp.

Năm 1925 Steinbeck đến New York để sống bằng nghề viết văn và làm báo, nhưng thất bại và lại trở về California. Sau một thời gian làm đủ loại việc, như hái trái cây, phu hồ, thợ sơn, thợ vẽ, thợ đo đạc ở Big Sur, gác đàn ở Lake Tahoe, ông và vợ về sống nơi căn nhà tranh của cha ông tại Pacific Grove trong hạt Monterey. Nhưng khủng hoảng kinh tế khiến ông lại thất bại. Ông phải nhận trợ cấp xã hội, đôi khi ăn cắp thịt trong chợ để chia với bạn. Năm 1930, Steinbeck gặp nhà hải sinh vật học Ed Ricketts (1897-1948), một người am hiểu nhiều lĩnh vực, từ môi sinh, triết học tới âm nhạc và nghệ thuật, là chủ một phòng thí nghiệm sinh vật học ở Monterey. Ricketts giúp đỡ và có nhiều ảnh hưởng tới sự nghiệp của Steinbeck, và cũng là hình ảnh của nhân vật Doc trong *Phố Cannery Row*.

Sau khi xuất bản một số truyện vừa nhưng không được chú ý, Steinbeck bắt đầu nổi tiếng nhờ cuốn *Tortilla Flat* (1935), viết về một nhóm dân quê ở Monterey sau Thế chiến thứ nhất sống

bên lề xã hội. Tiếp đó ông đưa ra một loạt tác phẩm ngày nay trở thành kinh điển: *In Dubious Battle* (1936), *Of Mice and Men* (1937), *The Red Pony* (1937), *The Grapes of Wrath* (1939, giải Pulitzer), *The Pearl* (1947), *East of Eden* (1952), *Sweet Thursday* (1954), và tập du ký về chuyến đi vòng quanh nước Mỹ, *Travels with Charley: In Search of America* (1962). Ông cũng viết kịch bản cho nhiều bộ phim như *The Forgotten Village* (1940), *Lifeboat* (1943) và *Viva Zapata!* (1950).

Phần lớn tác phẩm của ông được viết bằng giọng văn bình dị nhưng không kém phần dữ dội, đề cập tới những ước mơ tầm thường hay các cảm xúc mơ hồ lẫn khuất trong tiềm thức mỗi người, trong mối mâu thuẫn sâu đậm giữa các tầng lớp xã hội. Giới thợ thuyền, những người thất nghiệp và bị phá sản, nông dân và công nhân nông nghiệp di trú theo mùa màng, những kẻ bị loại ra ngoài dòng chảy của cuộc đời hoặc không được có quyền làm người, họ hiện diện đầy đó như hoài niệm về những người mà ông thân thiết nhưng ngày nay không còn mấy ai nhắc đến hay chú ý đến họ nữa. Bối cảnh trong tác phẩm của Steinbeck thường là nơi ông sinh ra và gắn bó, như Salinas, Monterey, Carmel, Pacific Grove, Point Lobos, Big Sur, Santa Cruz, Seaside, Soledad..., với các nông trại, những lối mòn, muông thú, cây cỏ, núi đồi, sông biển, mây trời, hơi gió, màu sống và sắc nắng quen thuộc của California.

Con dấu Steinbeck dùng để đóng trên các lá thư của ông in hình con lợn có cánh với hàng chữ Latin “Ad Astra Per Alia Porci” (Bay lên sao trời trên đôi cánh lợn) để nói lên ước mơ của

một kẻ vụng về nhưng muốn bay cao với những toan tính của mình, và đó cũng là ước mơ của phần lớn nhân vật trong các tác phẩm của ông.

Ông nhận giải Nobel Văn chương năm 1962, và mất ở New York năm 1968.

Phố Cannery Row (1945) kể câu chuyện về tình bạn của đủ loại hạng người có cá tính hoàn toàn khác biệt, thuộc các tầng lớp khác nhau, phần lớn là dưới đáy xã hội, sống trên dãy phố có các nhà máy đóng hộp cá mòi tại bờ biển Monterey, bang California thời kinh tế khủng hoảng giữa thập niên 1930 và trước Thế chiến thứ hai. Bản dịch này dựa theo bản tiếng Anh của Nhà xuất bản Bantam Books, in lần thứ 26, New York, 1971.

Tháng 5-2018

Phạm Văn

Lời giới thiệu

Phố Cannery Row của John Steinbeck kể lại cuộc sống quanh dãy phố có các nhà máy đóng hộp cá mòi trên bờ biển Monterey vào khoảng giữa thập niên 1930, lúc khủng hoảng kinh tế toàn cầu vẫn chưa dứt hẳn. Cách Steinbeck dựng truyện rất cổ điển, không ra vẻ thời thượng hay làm dáng độc đáo, không đao to búa lớn, không khoa trương gõ trống mời gọi sự chú ý. Bằng giọng văn bình dị điểm chút khôi hài, vừa có âm điệu như thơ, vừa trần trụi như nắng quê ông, Steinbeck ghi lại tập quán và giấc mơ của mỗi nhân vật rồi để họ tự trôi đi, tự kết nối và lan ra như sóng biển đến mọi ngóc ngách của cuộc đời, giống như ông viết ở đầu sách, chỉ “*mở trang giấy ra và để các câu chuyện tự nó bò vào*”...

Cannery Row

Phố Cannery Row ở Monterey, bang California, là bài thơ, là mùi hôi thối, là tiếng ken két, là sắc nắng, là âm điệu, tập quán, nỗi nhớ, giấc mơ. Cannery Row là tụ hội và phân tán, là sắt và thiếc, là gỉ sét và gỗ vụn, là vỉa hè sứt mẻ và những lô đất đầy cỏ dại với đồng đồ phế thải, là mấy nhà máy đóng hộp cá mòi quây tôn mũi, là các quán rượu rẻ tiền huyên náo, là hiệu ăn và ổ điểm, là tiệm tạp hóa nhỏ chật ních, phòng thí nghiệm và lữ quán xập xệ. Có lần một gã nói dân sống ở đó là “gái điểm, ma cô, bọn cờ bạc, và tụi chó đẻ”, nghĩa là gã nói tới hết Mọi Người. Nhưng nếu nhìn qua một thấu kính khác, gã có thể nói đám đó cũng là “thần linh, thiên sứ, đáng tử đạo và thánh nhân”.

Buổi sáng sau khi đoàn tàu đánh cá mòi đã bắt được mẻ cá, mấy chiếc tàu kéo lưới vừa ì ạch tiến vào vịnh vừa hú còi. Những chiếc tàu chở nặng cập bờ, nơi các nhà máy đóng hộp thò đuôi xuống vịnh. Mô tả bằng hình ảnh thò đuôi xuống là chọn cách nói cho có ý tứ, vì nếu bảo nhà máy há miệng xuống vịnh thì chúng ta sẽ thấy kinh tởm hơn khi liên tưởng tới đàn cá mòi đóng hộp lòi ra phía sau. Lúc ấy còi nhà máy hú vang, khắp thị trấn đàn ông đàn bà vội vàng mặc quần áo chạy xuống đi làm dưới Phố. Rồi những chiếc ô tô bóng lộn chở tầng lớp trên đến: giám thị, kế toán viên, chủ nhân, họ biến vào văn phòng.

Rồi từ thị trấn đổ ra đám dân Ý-tà-lô và Ba Tàu và Ba Lan*, đàn ông đàn bà mặc quần dài, đi ủng cao su và đeo tạp dề vải dầu. Họ chạy đến moi ruột, cắt, xếp, nấu và đóng hộp cá. Cả phố rầm rầm, rì rì, quát tháo và lách cách, trong khi đoàn tàu đổ ra dòng cá bạc, và chiếc tàu nổi lên càng lúc càng cao cho đến khi hết sạch cá. Nhà máy đóng hộp âm âm, lách cách, và kêu rin rít cho đến khi con cá cuối cùng đã được moi ruột, cắt, nấu và đóng hộp. Rồi tiếng còi lại rít lên, và bọn Ý-tà-lô, Ba Tàu và Ba Lan, đàn ông đàn bà, ướt sũng, tanh hôi, mệt mỏi, phân tán, lầm lũi lên đồi về thị trấn. Cannery Row trở lại như cũ: yên lặng và huyền bí. Phố trở lại đời sống bình thường của nó. Đám vô công rồi nghề câu kình ngủ dưới cây bách đen, bây giờ ra ngồi trên đồng thùng tô nô gỉ sét trong lô đất uống. Các cô nhà Dora ló ra đón chút nắng nếu có nắng. Doc thả bộ từ Phòng thí nghiệm Sinh Vật Miền Tây, băng qua đường tới tiệm tạp hóa của Lee Chong để mua hai lít bia. Henri họa sĩ sục sạo như chó săn giữa đồng đồ phế thải trên lô đất Cỏ mọc, tìm phụ tùng hay mẫu gỗ hoặc miếng kim loại cần thiết cho chiếc tàu hắc đang đóng. Rồi bóng tối len vào, và đèn đường bật lên trước nhà Dora - ngọn đèn là ánh trăng vĩnh hằng ở Cannery Row. Khách khứa đến Phòng Sinh Vật Miền Tây tìm Doc, và ông băng qua đường tới tiệm của Lee Chong để mua năm lít bia.

Làm sao có thể ghi lại một cách sống động bài thơ và mùi hôi thối và tiếng ken két - sắc nắng, âm điệu, tạp quán và giấc mơ? Khi đi thu nhặt hải sản, bạn sẽ gặp loài giun bẹt và mỏng manh tới nỗi hầu như không thể bắt nó nguyên lành, vì cứ chạm đến

là nó rách tan. Bạn phải để tự ý nó rỉ rả bò dần lên lưỡi dao, rồi nhẹ nhàng nhấc nó lên thả vào chai nước biển của bạn. Có lẽ đó là cách viết cuốn sách này: mở trang giấy ra và để các câu chuyện tự nó bò vào.

Chương 1

Tiệm tạp hóa của Lee Chong không phải là mẫu mực của sự ngăn nắp, nhưng nó là một phép lạ về mặt hàng. Tiệm nhỏ và chật ních, chỉ một gian, nhưng trong đó người ta tìm được mọi thứ họ cần hay muốn có để sống và để vui: áo quần, thực phẩm tươi và đồ hộp, rượu, thuốc lá, đồ đánh bắt cá, máy móc, ghe tàu, dây thừng, mũ, sườn lợn. Bạn có thể mua ở tiệm Lee Chong đôi dép, bộ kimono lụa, một bi đông rượu và xì gà. Bạn có thể tính toán ghép món này với món kia để có một thứ phù hợp với hầu hết mọi tâm trạng. Món duy nhất Lee Chong không có thì bạn có thể tìm thấy ở nhà Dora bên kia lô đất.

Tiệm tạp hóa mở cửa lúc hừng đông và chỉ đóng lại sau khi đồng xu lang bạt cuối cùng đã được tiêu xài hay đã nghỉ đêm. Chẳng phải là Lee Chong tham lam. Ông không tham, nhưng nếu ai muốn tiêu tiền thì ông sẵn sàng. Vị trí của Lee trong cộng đồng làm ông ngạc nhiên hết sức. Ngày tháng trôi qua, mọi người ở Cannery Row đều thiếu tiền ông. Lee chẳng bao giờ thúc giục khách hàng, nhưng khi món nợ quá lớn thì ông không cho thiếu nữa. Thay vì cuộc bộ lên đòi để vào thị trấn mua hàng, khách nợ thường trả hay cố trả.

Lee có bộ mặt tròn và nhả nhận. Ông nói một thứ tiếng Anh trịnh trọng mà chẳng bao giờ dùng đến âm R. Hỏi các bang hội

Tàu ở California thanh toán nhau, đôi khi Lee chợt thấy có kẻ treo giá mạng ông. Khi ấy ông bí mật tới San Francisco, vô bệnh viện cho đến khi rắc rối qua đi. Chẳng ai biết ông làm gì với tiền của ông. Có lẽ ông không có tiền. Có thể tiền bạc của ông nằm hết trong các món nợ người ta chưa trả. Nhưng ông sống sung túc và được tất cả láng giềng kính nể. Ông tin khách hàng cho tới khi sự tin tưởng trở thành lỗ bịch. Đôi khi ông sai lầm trong kinh doanh, nhưng ông sẽ biến những sai lầm ấy thành hảo ý có lợi, nếu không còn cách nào khác. Biệt thự Lữ thú và Quán thịt nướng* là một vụ như vậy. Ai khác sẽ coi vụ giao dịch đó là thua lỗ hoàn toàn, nhưng Lee Chong thì không.

Chỗ của Lee Chong trong tiệm tạp hóa là phía sau quầy xì gà. Máy tính tiền bên trái và bàn tính nằm bên phải. Tủ kính bày những điều xì gà nâu, các gói thuốc lá Bull Durham, Duke's Mixture, Five Brothers, trong khi các hàng kệ trên tường sau lưng ông bày những chai nửa lít, một phần tư lít và 100ml Old Green River, Old Town House, Old Colonel, và loại rượu được ưa chuộng nhất là Old Tennessee, một loại rượu mạnh pha trộn nhiều thứ, bảo đảm ủ lâu bốn tháng, cực rẻ và dân trong xóm gọi là Giày Quần Vợt Cũ*. Lee Chong có lý do để đứng giữa rượu và khách hàng. Thỉnh thoảng một số kẻ có đầu óc rất thiết thực định đánh lạc hướng ông qua một góc khác trong tiệm. Bà con họ hàng, cháu trai, con trai và con dâu chờ chực khắp tiệm, nhưng Lee không bao giờ rời quầy xì gà. Mặt quầy kính là bàn làm việc của ông. Hai bàn tay bụ bẫm thanh tú của ông đặt trên mặt kính, ngón tay cử động như những khúc xúc xích nhỏ

không yên. Chiếc nhẫn cưới lớn bằng vàng trên ngón giữa của tay trái là món trang sức duy nhất của ông, và ông lặng lẽ gõ nhẹ nó lên tấm cao su thối tiền từ lâu đã mòn vẹt những u cao su nhỏ. Miệng Lee đầy đặn và nhân từ, khi cười lóe lên ánh vàng sang cả và ấm áp. Ông đeo kính bán nguyệt, và vì nhìn mọi vật qua mắt kính, ông phải ngửa đầu ra sau để thấy đằng xa. Tính lãi hay hạ giá, cộng hay trừ, ông giải quyết bằng cách khảy mấy ngón tay xúc xích nhỏ không ngừng trên bàn tính, trong khi cặp mắt nâu thân thiện của ông đảo khắp tiệm và rằng ông lóe tới khách hàng.

Một hôm chập tối ông đứng tại chỗ của ông trên chông báo cho ấm chân, ngẫm nghĩ vừa hài vừa buồn về thỏa thuận làm ăn đã đạt được chiều hôm đó rồi lại tái thỏa thuận lần nữa cũng chiều hôm đó. Khi ra khỏi tiệm, nếu đi chéo qua lô đất cỏ mọc, len lỏi giữa đồng thùng tô nô lớn gỉ sét mà nhà máy đóng hộp vút ra, bạn sẽ gặp một lối mòn trong đám cỏ dại. Theo lối mòn đó đi qua khỏi cây bách, băng qua đường ray xe lửa, lên dốc gà*, bạn sẽ tới căn nhà dài và thấp, từ lâu dùng làm chỗ chứa bột cá. Đó chỉ là một căn phòng rất lớn lợp mái của một ông lịch thiệp hay lo tên là Horace Abbeville. Horace có hai vợ và sáu con. Trải qua nhiều năm ông đã xoay xở bằng cách năn nỉ và thuyết phục để có món nợ tiền chợ không thua ai ở Monterey. Chiều hôm ấy ông vào tiệm tạp hóa, bộ mặt nhay cảm mệt mỏi của ông tỏ ra nao núng khi thấy vẻ lạnh lùng thoáng hiện trên mặt Lee. Ngón tay bụ bẫm của Lee gõ lên tấm cao su. Horace ngửa lòng bàn tay trên quầy xì gà. Ông nói không rào đón: “Tôi nghĩ tôi nợ ông

nhiều tiền lắm.”

Rằng Lee lóe lên cảm kích cách nhập đề rất khác với những gì ông đã từng nghe. Ông nghiêm nghị gật đầu, nhưng ông chờ xảo thuật sắp hiện hình.

Horace thè lưỡi liếm môi, liếm kĩ từ bên này qua bên kia. Ông nói: “Tôi không muốn lũ con tôi mang cái nợ đó trên đầu. Nè, tôi dám chắc bây giờ một phong kẹo bạc hà ông cũng không cho tụi nó mua thiếu.”

Mặt Lee Chong đồng ý với kết luận ấy, ông nói: “*Nhiều tiền lắm gôi.*”

Horace nói tiếp: “Ông biết căn nhà của tôi bên kia đường ray trên đó, chỗ chứa bột cá.”

Lee Chong gật đầu. Bột cá đó của ông.

Horace tha thiết: “Nếu tôi giao ông cái nhà đó... rồi ông sẽ xóa hết nợ cho tôi chứ?”

Lee Chong ngửa đầu ra sau, nhìn Horace đắm đắm qua tròng kính bán nguyệt, trong khi đầu ông tính chớp nhoáng các món nợ và tay phải cử động không ngừng trên bàn tính. Ông thấy cái nhà ọp ẹp và lô đất có thể có giá trị nếu nhà máy đóng hộp muốn khuếch trương. Lee Chong nói: “Ừ.”

Horace có vẻ đang vội: “Nào, đem sổ nợ ra, rồi tôi sẽ viết giấy bán cái nhà đó cho ông.”

Lee nói: “Hổng cần sổ sách. Tui làm giấy tả-hết-nợ.”

Họ thỏa thuận xong một cách đường hoàng, và Lee Chong đưa thêm chai 100ml Giày Quần Vợt Cũ. Sau đó Horace

Abbeville bước thẳng tấp băng ngang lô đất, vượt cây bách, qua đường ray, lên dốc gà, vào căn nhà mới lúc này còn là của ông, và ông tự sát trên đồng bột cá. Tuy vụ đó chẳng dính líu gì tới truyện này, từ đó về sau tụi nhóc nhà Abbeville, bất kể má nó là bà nào, không bao giờ thiếu thanh kẹo bạc hà.

Nhưng trở lại chuyện lúc chập tối. Horace nằm trên bộ ván, kim tiêm hóa chất tẩm liệm ghim trên người, hai bà vợ ông ngồi trên bậc thềm quàng tay ôm nhau (họ là bạn thân cho tới khi xong đám tang, sau đó họ chia đàn con và chẳng bao giờ nói gì với nhau nữa). Lee Chong đứng phía sau quây xì gà, cặp mắt nâu huyền của ông soi rọi vào nỗi buồn Tàu đời đời diêm tĩnh. Ông biết mình chẳng làm gì được, nhưng ông ước rằng ông đã biết và có lẽ đã cố giúp. Tận đáy lòng ân cần và hiểu biết của Lee có phần nào cho rằng quyền tự tử của một người là bất khả xâm phạm, nhưng đôi khi bạn bè có thể khiến cho tự tử trở nên không cần thiết. Lee đã trả chi phí đám tang và gửi một chậu đầy hàng hóa cho hai gia đình khốn khó.

Bây giờ Lee Chong làm chủ căn nhà Abbeville - mái tốt, sàn tốt, hai cửa sổ và một cửa cái. Đúng, trong nhà chất đồng bột cá, mùi của nó phảng phất và thẩm thấu. Lee Chong định dùng nó làm chỗ chứa hàng tạp hóa, kiểu như nhà kho, nhưng rồi bỏ ý đó sau khi nghĩ lại. Nó xa quá và bất cứ ai cũng có thể chui qua cửa sổ. Lúc ông đang gõ cái nhẫn vàng lên tấm cao su thối tiền và ngẫm nghĩ vấn đề thì cửa mở, Mack bước vào. Mack là đàn anh, lãnh tụ, cố vấn, và trong chừng mực nào đó là kẻ lợi dụng một nhóm vài đứa có chung đặc tính là không gia đình, không

tiền, không ước muốn nào ngoài đồ ăn, thức uống và mần nguyện. Nhưng trong khi phần lớn thiên hạ lúc đi tìm sự mần nguyện đã tự hủy hoại mình và mệt mỏi không đạt tới đích, thì Mack và đồng bạn của gã đạt đến sự mần nguyện một cách hững hờ, lạng lẽ, và từ tốn hấp thụ nó. Mack và Hazel, một thanh niên rất khỏe, Eddie tay bồi rượu ở La Ida khi quán thiếu người, Hughie và Jones thỉnh thoảng bắt ếch và mèo cho Phòng Sinh Vật Miền Tây, bọn họ hiện đang sống trong mấy cái thùng tô nô lớn gỉ sét trên lô đất cạnh lô của Lee Chong. Đúng vậy, bọn họ ở trong thùng tô nô khi trời ẩm ướt, nhưng khi thời tiết tốt, họ sống dưới bóng cây bách đen trên đỉnh lô đất. Cành cây tỏa xuống thành mái che để ta có thể nằm dưới đó nhìn dòng chảy và sinh khí của Cannery Row.

Lee Chong hơi căng thẳng khi Mack bước vào, mắt ông liếc nhanh khắp tiệm để cầm chắc Eddie hay Hazel hay Hughie hay Jones không vào theo rồi lơ lững tản ra giữa đám hàng hóa.

Mack nói không úp mở với vẻ thành thật đặc thẳng: “Lee, tui với Eddie và tui nó nghe nói ông làm chủ căn nhà Abbeville.”

Lee Chong gật đầu chờ đợi.

“Tui với đám bạn tui nghĩ nên xin ông cho tui tui dọn vô đó.” Gã nói vội thêm. “Tui tui sẽ giữ gìn cơ ngơi. Hồng để ai phá cửa vô hay làm hư cái gì. Ông biết mà, bọn con nít có thể đập bể cửa sổ...” Mack gợi ý. “Nhà có thể cháy rụi nếu hồng có ai để mắt trông chừng.”

Lee ngửa đầu ra sau và nhìn vào mắt Mack qua tròng kính bán nguyệt, ngón tay gõ nhịp của Lee chậm lại trong khi ông

đắn đo suy nghĩ. Mắt của Mack tỏ ý tốt, thân thiện và ước muốn làm vui lòng mọi người. Vậy tại sao Lee Chong cảm thấy hơi bị tù túng? Tại sao đầu óc ông rón rén như con mèo len lỏi đi qua bụi xương rồng? Lời đề nghị được đưa ra một cách tử tế, gần như với tinh thần thiện nguyện. Đầu Lee tính trước mọi khả năng... không, mọi điều gần như chắc chắn sẽ xảy ra, và ngón tay ông gõ càng chậm hơn. Ông hình dung mình từ chối lời yêu cầu của Mack và thấy kính cửa sổ vỡ. Khi ấy Mack lại đề nghị coi chừng và giữ gìn cơ ngơi cho Lee lần nữa... và sau khi từ chối lần thứ hai, Lee có thể ngửi thấy khói, thấy ngọn lửa nhỏ bò lên vách tường. Mack và các bạn gã sẽ cố giúp dập tắt lửa. Ngón tay Lee từ từ ngưng lại trên tấm cao su thối tiền. Ông thua. Ông biết mình thua. Ông chỉ còn nước tìm cách giữ thể diện, và Mack có vẻ rất rộng lượng về điều ấy. Lee nói: “Anh muốn thuê chỗ của tui phải hông? Anh muốn ở đó như khách sạn hả?”

Mack toét miệng cười và rộng lượng thốt lên: “À... *í kiếng* hay thiệt. Ừ. Bao nhiêu?”

Lee ngẫm nghĩ. Ông biết mình đòi giá bao nhiêu cũng không thành vấn đề. Đằng nào ông cũng sẽ không nhận được tiền thuê nhà. Ông chỉ có thể biến nó thành một khoản tiền thật cụ thể cho đỡ mất mặt. Lee nói: “Năm đô một tuần.”

Mack đóng tuồng tới cuối. Gã nói lấp lửng: “Tui phải bàn với tụi nó coi sao. Ông hổng bớt còn bốn đô một tuần được sao?”

Lee nói chắc nịch: “Năm đô.”

Mack nói: “Ồ, để tui coi tụi nó nói sao.”

Và sự việc là như vậy. Mọi người đều vui vẻ. Nếu nghĩ Lee

Chong thua lỗ hoàn toàn thì ít ra trong đầu ông không tính toán kiểu đó. Cửa sổ không vỡ. Lửa không phụt cháy, và dù không bao giờ thu được tiền thuê nhà, nhưng mỗi khi bọn ở thuê có tiền, và bọn họ rất hay có, thì bọn họ chẳng bao giờ nghĩ tới tiêu tiền ở chỗ nào khác ngoài tiệm tạp hóa của Lee Chong. Trong tay ông nắm gọn một nhóm khách có khả năng tích cực mua hàng. Nhưng hơn thế nữa. Nếu một gã say gây rắc rối trong tiệm, nếu tụi nhóc từ New Monterey tràn xuống định ăn cướp, Lee Chong chỉ cần gọi và bọn thuê nhà của ông sẽ chạy tới giúp. Ngoài ra còn một mối ràng buộc xa hơn nữa: ta không thể ăn cắp của người đã hảo tâm giúp mình, số lon đậu, cà chua, sữa và dưa hấu mà Lee Chong không bị mất còn đáng giá hơn số tiền cho thuê nhà. Và nếu mấy tiệm tạp hóa ở New Monterey bỗng dưng bị rò rỉ hàng hóa nhiều hơn trước thì đó chẳng phải là việc của Lee Chong.

Bọn choai choai dọn vào, bột cá dọn ra. Không ai biết kẻ nào đặt tên mà căn nhà từ đó về sau được gọi là Biệt thự Lữ thú và Quán thịt nướng. Trong thùng tô nô và dưới cây bách không có chỗ bày bàn ghế và mấy món đồ thanh tao xinh xắn, những thứ vốn là đặc trưng và cũng là giới hạn của văn minh. Một khi đã dọn vào Biệt thự Lữ thú, đám choai choai bắt đầu trang bị đồ đạc. Một cái ghế xuất hiện, một cái chõng rồi một cái ghế nữa. Tiệm bán đồ dùng trong nhà chẳng bao giờ biết được rằng họ đã tình nguyện cung cấp một thùng sơn đỏ, và khi một cái bàn hay chiếc ghế gác chân mới xuất hiện thì nó sẽ được sơn, không những làm cho nó rất đẹp mà còn cải trang nó tới một mức độ

nào đó trong trường hợp người chủ trước của nó nhìn vào. Và Biệt thự Lữ thú và Quán thịt nướng bắt đầu hoạt động. Đám choai choai có thể ngồi trước cửa nhìn xuống qua bên kia đường ray, ngang lô đất, qua đường, tới ngay cửa sổ phía trước của Phòng Sinh Vật Miền Tây. Ban đêm bọn họ có thể nghe tiếng nhạc từ phòng thí nghiệm. Mắt họ dõi theo Doc băng qua đường tới tiệm Lee Chong mua bia. Và Mack nói: “Ông Doc đó là người tốt. Mình nên làm cái gì cho ông.”

Chương 2

Lời là biểu tượng và là lực cuốn hút loài người, cảnh vật, cây cỏ, nhà máy, và người Bắc Kinh. Rồi Vật trở thành Lời rồi lại trở thành Vật, nhưng được vặn xoắn và đan kết lại thành một mẫu hình dị thường. Lời cuốn hút Cannery Row, tiêu hóa nó rồi phun ra, và Phố nhận lấy ánh lung linh của thế giới xanh biếc và của biển phản chiếu bầu trời. Bán tạp hóa không chỉ là nghề của ông già Tàu Lee Chong. Nó là nghiệp. Có lẽ ông là tính ác được tính thiện giữ cho thẳng bằng và lơ lửng - một hành tinh Á châu được Lão Tử giữ trong quỹ đạo đồng thời lìa khỏi Lão Tử bằng lực ly tâm của bàn tính và máy thu tiền - Lee Chong lơ lửng, quay vòng, xoay tròn giữa hàng hóa và ma quỷ. Một kẻ cứng rắn vì một lon đậu - một kẻ dịu dàng với xương cốt của ông nội mình. Vì Lee Chong đào ngôi mộ ở mũi đất China Point và thấy xương trắng ngà, đầu lâu còn dính tóc bạc xác xơ. Lee cẩn thận gói ghém hài cốt, xương đùi và xương ống chân xếp thật thẳng, xương sọ ở giữa, xương chậu và xương đòn chung quanh, và xương sườn cong hai bên. Rồi Lee Chong đóng hộp gửi ông nội đã giong vượt biển phía tây để về nơi an nghỉ cuối cùng trong lòng đất đã được tổ tiên ông làm cho linh thiêng.

Mack và đám choai choai cũng quay vòng trong quỹ đạo của họ. Họ là Đức hạnh, Ân sủng, Phong nhã của một Monterey

điên rồ vội vàng nham nhở và một Monterey bao la, nơi con người với nỗi sợ hãi và đói khát hủy hoại bao tử họ trong trận chiến giành thức ăn, nơi con người thêm khát tình yêu hủy hoại mọi thứ đáng yêu quanh họ. Mack và đám choai choai là Phong nhã, Đức hạnh, Ân sủng. Trên thế gian bị hổ báo loét bao tử cai trị, trâu bò ốm o đè nén, chó rừng mù ăn xác thối, Mack và đám choai choai ăn uống một cách thanh lịch với hổ báo, vuốt ve đàn bê hoảng hốt, và gói vụn bánh lại để nuôi mòng biển ở Cannery Row. Người ta lợi ích gì khi chiếm được cả thế giới rồi về cơ ngơi của mình với một vết loét bao tử, một tiền liệt tuyến sưng, và mắt kính hai tròng? Mack và đám choai choai tránh bẫy, vòng qua thuốc độc, né sợi dây thòng lọng, trong khi cả một thế hệ những kẻ bị bẫy, bị đánh thuốc độc, và bị trói chặt chửi bới họ và xỉ vả họ là đồ vô tích sự, là hậu vận sẽ đen đủi, là vết nhơ cho thị trấn, là kẻ cắp, đồ vô lại, bọn vô công rồi nghề. Ông Cha chúng ta trong thiên nhiên với năng khiếu tồn tại cùng sói đồng, chuột cống nâu, chim sẻ, ruồi nhặng và sâu bọ, hẳn phải có tình yêu thương vĩ đại khôn cưỡng đối với bọn vô tích sự, bọn làm xấu thị trấn, bọn vô công rồi nghề, và Mack cùng đám choai choai. Đức hạnh và ân sủng và lười biếng và say mê. Ông Cha chúng ta trong thiên nhiên.

Chương 3

Tiệm Lee Chong nằm bên phải lô đất trống (không ai hiểu tại sao lại gọi nó là lô đất trống, vì trên đó chồng chất nôi súp de cũ, thùng tô nô gỉ sét, những khúc gỗ vuông lớn, và hàng đồng thùng sắt 20 lít). Trên cao phía sau lô đất trống là đường ray xe lửa và Biệt thự Lữ thú. Nhưng sát ranh giới bên trái lô đất là nhà thổ trang nghiêm và oai vệ của Dora Flood, chốn giải trí kiểu cũ, đúng đắn, sạch sẽ, lương thiện, nơi nam giới có thể uống một ly bia giữa đám bạn bè. Nó không phải là hộp đêm rẻ tiền bịp bợm, mà là một câu lạc bộ vững vàng đức hạnh, được Dora xây dựng, duy trì và đưa vào khuôn phép. Với 50 năm làm tú bà và kỹ nữ, với kinh nghiệm sử dụng những năng khiếu đặc biệt tế nhị và chân thành, với lòng nhân hậu và tính thực tế nhất định, bà được giới trí thức, kẻ có học và những người đại loại kính nể. Cũng vì lẽ ấy hội đoàn phụ nữ uốn éo và dâm dật của các bà có chồng đã ghét bà, vì chồng họ tuy tôn trọng gia đình nhưng không thích ở nhà cho lắm.

Dora là một phụ nữ vĩ đại, một phụ nữ to lớn vĩ đại với mái tóc màu cam rực lửa và thích mặc áo dạ hội màu lá cây chói lọi. Bà điều hành nhà thổ một giá, lương thiện, không bán rượu mạnh, và không cho phép nói lớn tiếng hay tục tằn trong nhà bà. Một số kỹ nữ của bà hơi thiếu tích cực vì tuổi tác và đau yếu,

nhưng Dora không bao giờ bỏ rơi họ, mặc dù như bà nói một số không trở bí quyết ba lần mỗi tháng nhưng ăn đúng ba bữa mỗi ngày. Trong phút tình nghĩa với địa phương, Dora đặt tên cho chỗ của bà là Nhà hàng Cờ Gấu*, và theo lời kể là nhiều người đã vào gọi bánh mì thịt. Bình thường trong nhà có mười hai cô, kể cả các cô lớn tuổi, một tay bếp gốc Hy Lạp, và một ông được coi là gác đàn nhưng cũng đảm nhận luôn mọi thứ việc tế nhị và nguy hiểm. Ông ta ngăn chặn ẩu đả, tống cổ bọn say, xoa dịu chứng kích động, chữa bệnh nhức đầu, và trông coi quây rượu. Ông băng vết đứt và chỗ bầm, tán gẫu với cốm, và vì hơn phân nửa các cô là tín đồ phái Khoa học Kitô, ông cùng họ đọc lớn cuốn *Khoa học và Sức khỏe** mỗi sáng Chúa nhật. Người tiền nhiệm của ông kém chừng mực hơn, gặp kết thúc bi thảm mà ta sẽ nói sau, nhưng Alfred vượt thắng hoàn cảnh và nâng môi trường xung quanh lên cùng với mình. Ông biết kẻ nào nên ở đó và kẻ nào không nên ở đó. Ông biết về gia cảnh của các cư dân Monterey nhiều hơn bất kỳ ai trong thị trấn.

Còn Dora, bà sống thận trọng. Vì trái với pháp luật, ít nhất trên giấy tờ, bà phải tuân theo luật lệ gấp đôi kẻ khác. Nhất định không có bọn say sưa, không ẩu đả, không tục tằn, nếu không họ đóng cửa Dora. Cũng vì bất hợp pháp, Dora phải rất mực bác ái. Ai cũng xâu xé bà. Nếu cảnh sát tổ chức khiêu vũ quyên tiền cho quỹ hưu bổng của họ và mọi người góp một đô la, Dora phải cho năm chục đô. Phòng Thương mại chỉnh trang vườn của họ, mỗi nhà buôn góp năm đô, nhưng họ xin Dora và bà đưa một trăm. Mọi nơi khác cũng vậy, Hồng thập tự, Quỹ Cộng đồng, Hội

Nam Hướng đạo, dẫn đầu bằng đóng góp cho họ là đồng tiền tội lỗi vô thừa nhận, không công bố, dơ bẩn và trơ trẽn của Dora. Nhưng bà bị nặng nhất là hồi kinh tế suy thoái. Ngoài việc từ thiện bình thường, Dora nhìn thấy bọn trẻ đói ở Cannery Row, các ông bố thất nghiệp và các bà lo lắng, thế là Dora chi tiền chợ tứ phía trong hai năm và gần sạt nghiệp vì vậy. Các cô của Dora được huấn luyện kỹ và dễ thương. Họ chẳng bao giờ trò chuyện với đàn ông ngoài phố dù ông ta mới ghé tới tối hôm trước.

Trước khi ông bảo vệ hiện nay là Alfie nhận việc, Nhà hàng Cờ Gấu xảy ra một thảm kịch làm ai cũng buồn. Ông bảo vệ hồi trước tên William, một người da sạm đáng vẻ cô đơn. Ban ngày khi ít việc, ông đâm ra chán bầu bạn với phụ nữ. Ông nhìn ra cửa sổ thấy Mack và đám choai choai ngồi trên thùng tô nô nơi lô đất trống, đứng đưa chân giữa đám cỏ cắm quỳ, vừa đón nắng vừa chậm rãi bàn triết lý về những vấn đề lý thú nhưng chẳng có gì quan trọng. Quan sát họ, thỉnh thoảng ông thấy họ lấy ra nửa lít Giày Quần Vợt Cũ, chùi cổ chai vào tay áo, rồi đưa này tới đĩa khác đưa lên uống. Và William bắt đầu ao ước được nhập vào cái nhóm thú vị ấy. Một hôm ông bước ra ngồi lên thùng tô nô. Đối thoại ngưng bật, và một sự im lặng thù nghịch khó chịu bao trùm cả nhóm. Một lát sau William chán chường quay về Cờ Gấu, ông nhìn qua cửa sổ thấy đối thoại lại sôi nổi làm ông buồn. Mặt ông sạm và xấu, miệng ông méo mó trầm ngâm.

Hôm sau ông lại tới, lần này ông đem theo nửa lít rượu mạnh. Mack và đám choai choai uống rượu, xét cho cùng họ

đâu có điên, nhưng họ chỉ nói “chúc may mắn” và “coi kìa”.

Một lát sau William quay về Cờ Gấu, ông nhìn bọn họ qua cửa sổ và nghe Mack cao giọng nói: “Nhưng mà tiên sư nó, tao ghét thằng ma cô!”Ồ, điều này dĩ nhiên không đúng sự thật, nhưng William không biết. Mack và bọn choai choai chỉ không thích William.

Thế là William đau lòng. Bọn vô công rồi nghề không chịu giao thiệp với ông. Họ cảm thấy ông quá thấp so với họ. William vốn là người sống nội tâm và tự trách mình. Ông đội mũ lên, đi men theo biển ra tới tận Hải đăng. Ông đứng trong nghĩa trang nhỏ xinh xắn lúc nào cũng nghe có tiếng sóng vỗ. William có những suy nghĩ đen tối và chán chường. Chẳng ai yêu mến ông. Chẳng ai chú ý tới ông. Họ có thể gọi ông là ông bảo vệ, nhưng ông là ma cô - một gã ma cô bẩn thỉu, một thứ hèn hạ nhất trần gian. Rồi ông nghĩ mình có quyền sống hạnh phúc như bất kỳ ai, Chúa ơi ông có quyền. Ông giận dữ trở về, nhưng cơn giận tan biến khi ông về tới Cờ Gấu và leo lên bậc thêm. Trời đã chập tối, máy hát đĩa đang chơi bài *Harvest Moon*, và William nhớ tới cô gái làng chơi đầu tiên có lần chịu bồ bịch với ông đã thích bài hát đó trước khi cô ta bỏ đi lấy chồng và biến mất. Bài hát làm ông cực kỳ buồn thảm. Dora đang uống trà trong phòng khách phía sau lúc William bước vào. Bà hỏi: “Chuyện gì vậy, ông bệnh hả?”

William nói: “Không. Nhưng mà nhằm nhò gì! Tôi thấy nản quá. Chắc tôi tự tử cho rồi.”

Đời Dora đã đối phó với nhiều kẻ loạn thần kinh. Phương

châm của bà là bông đùa cho họ qua cơn. Bà nói: “Ôi dào, tùy ông lúc nào thấy tiện thì làm, nhưng đừng làm dơ thắm.”

William nản lòng, ông chậm rãi bước ra, xuống hành lang rồi gõ cửa phòng Eva Flanagan. Cô có mái tóc đỏ và đi xưng tội mỗi tuần. Eva rất ngoan đạo trong một gia đình đông anh chị em, nhưng cô hay say sưa bốc đồng. Cô đang sơn móng tay và làm tèm lem lúc William vào, ông biết cô bị cấm cung, mà Dora không cho cô nào bị cấm cung được làm việc. Ngón tay cô sơn tới đốt đầu tiên, cô tức giận nói: “Ông bị cái gì vậy?” William cũng nổi giận. Ông dữ tợn nói: “Tôi đi tự tử.”

Eva rít lên với ông. Cô hét: “Như vậy là tội lỗi bản thủ, tội tệ, hôi hám,” rồi “Đúng lúc tui bị vùi dập đủ để đông tới East St. Louis chứ đâu có như ông chỉ bị thấp khớp. Ông là đồ khốn nạn vô tích sự!” Cô vẫn còn chửi ông sau khi William đã đóng cửa phòng và đi ra bếp. Ông chán phụ nữ lắm rồi. Gặp gã Hy Lạp sẽ dễ chịu hơn sau khi gặp đàn bà.

Gã Hy Lạp đeo tạp dề bự, tay áo xắn lên, đang rán sườn lợn trong hai cái chảo lớn, lật miếng sườn bằng cây móc nước đá. “Ê, Kits. Khỏe không?” Sườn lợn xèo xèo, sột soạt trong chảo.

William nói: “Tao hồng biết, Lou. Nhiều khi tao nghĩ tốt nhất là... xoẹt!” Ông kéo ngón tay ngang cổ họng.

Gã Hy Lạp đặt cây móc nước đá lên bếp rồi xắn tay áo lên cao hơn. Gã nói: “Tao cho mày biết tao nghe như vậy, Kits. Tao nghe đại khái thì chó sủa là chó không cắn.” Bàn tay William với lấy cây móc nước đá, ông cầm nó vừa vặn trong tay. Ông nhìn sâu vào cặp mắt đen của gã Hy Lạp, thấy gã không tin và thích thú.

Khi ấy ông nhìn trùng trùng, mắt gã Hy Lạp trở nên rối loạn rồi lo lắng. Và William thấy biến đổi, trước tiên thấy gã Hy Lạp biết ông có thể làm, rồi gã Hy Lạp biết ông sẽ làm. Ngay khi ông thấy điều ấy trong mắt gã Hy Lạp, William biết ông phải làm. Ông buồn vì bây giờ nó có vẻ vớ vẩn. Bàn tay ông giơ lên, cây móc nước đá đập vào tim ông. Nó đập vào dễ dàng một cách lạ lùng. William là nhân viên bảo vệ trước khi có Alfred. Mọi người thích Alfred. Ông có thể ngồi trên mấy cái thùng tô nô với Mack và dám choai choai bất cứ lúc nào. Thậm chí ông có thể lên thăm Biệt thự Lữ thứ.

Chương 4

Chập tối vào lúc trời vừa nhá nhem, Cannery Row xảy ra một chuyện lạ. Chuyện xảy ra vào khoảng sau khi mặt trời lặn và trước khi đèn đường bật lên. Khi đó có một khoảnh khắc tĩnh mịch tranh tối tranh sáng. Một ông Tàu già xuống đò, đi ngang Biệt thự Lữ thứ, xuống dốc gà rồi đi xuyên qua lô đất trống. Ông đội cái nón rơm bệt cũ mềm, mặc đồ jeans xanh, cả áo lẫn quần, xỏ đôi giày nặng, một bên đế giày bị bong ra vỡ lẹp bẹp xuống đất lúc ông bước. Tay ông cầm cái giỏ mây đầy nắp. Mặt ông gầy, sạm và nổi lằn như miếng khô bò, cặp mắt già nua của ông màu nâu, ngay cả lòng trắng cũng nâu và sâu hoắm tới nỗi trông như trong hang nhìn ra. Ông đi qua đúng lúc nhá nhem, băng ngang đường rồi đi xuyên qua chỗ đất trống giữa Phòng Sinh Vật Miền Tây và Nhà máy đóng hộp Hediondo*. Sau đó ông băng qua bãi cát nhỏ và biến mất giữa đồng cột và trụ thép chống đỡ cầu tàu. Từ lúc ấy tới bình minh không ai gặp ông nữa.

Nhưng tới bình minh, lúc đèn đường đã tắt mà trời chưa rạng, ông Tàu già rón rén ra khỏi đồng cột, băng ngang bãi cát và qua đường. Chiếc giỏ mây của ông lúc này nặng, ướt sũng và tong tỏng nước. Đế giày bong của ông vỡ lẹp bẹp trên đường. Ông lên đò tới dãy phố thứ hai, đi qua cổng của một hàng rào ván gỗ cao, và không ai thấy ông nữa cho đến chập tối. Người

đang ngủ nghe tiếng giày ông vồ lép bẹp ngang qua, họ tỉnh giấc trong giây lát. Đã nhiều năm như thế nhưng chẳng ai quen với ông. Vài kẻ nghĩ ông là Chúa Trời, các cụ già nghĩ ông là Thần Chết, và trẻ con nghĩ ông là ông Tàu già hết sức buồn cười, vì trẻ con luôn luôn nghĩ cái gì già cũ và kỳ lạ là buồn cười. Nhưng bọn trẻ không trêu chọc hay quát mắng ông như đáng lẽ chúng phải làm, vì ông toát ra quanh mình một vẻ đáng sợ.

Duy có một thằng nhóc mười tuổi gan dạ và xinh xắn tên Andy ở Salinas dám chạm trán ông Tàu già. Andy đến thăm Monterey và gặp ông già, nó biết mình phải quát mắng ông chỉ để giữ lòng tự trọng, nhưng ngay cả Andy gan dạ như vậy cũng cảm thấy hơi sợ. Andy nhìn ông đi ngang tối này qua tối khác, trong khi bốn phận và nỗi khiếp sợ của nó giằng co nhau. Rồi một tối Andy gồng mình bước đi sau ông già và cất tiếng hát the thé chói tai: “Chệt Ching-Chong ngồi trên đường ray... Ông da trắng tới chặt đuôi mày.”

Ông già đứng dừng rồi quay lại. Andy ngừng. Cặp mắt nâu sâu hoắm nhìn Andy và đôi môi mỏng nổi sọc mấp máy. Andy không bao giờ có thể giải thích hay quên điều xảy ra lúc ấy. Vì đôi mắt căng lớn ra cho tới khi không còn ông Tàu. Khi ấy nó thành một con mắt - một con mắt nâu khổng lồ to như cánh cửa nhà thờ. Andy nhìn xuyên qua cánh cửa nâu trong suốt lấp lánh, nó thấy bên kia là một vùng quê hiu quạnh, phẳng lì hàng dặm đến tận dãy núi dị thường có hình dáng như đầu bò, đầu chó, cúp lều và nấm. Trên cánh đồng có cỏ thô ngắn, và đây đó một gò đất nhỏ. Một con thú bé như chuột chũi ngồi trên mỗi

gò. Sự quạnh hiu - sự đơn độc lạnh lẽo vắng vẻ của cảnh quan khiến Andy rên rỉ vì bị bỏ rơi trong một thế giới không người. Andy nhắm mắt để khỏi phải thấy nữa, và khi mở mắt, nó thấy mình đang ở Cannery Row còn ông Tàu già đang đi lẹp bẹp giữa Phòng Sinh Vật Miền Tây và Nhà máy đóng hộp Hediondo. Andy là thằng nhỏ duy nhất đã từng làm điều đó và nó sẽ không bao giờ làm như thế nữa.

Chương 5

Phòng Sinh Vật Miền Tây nằm ngay bên kia đường, đối diện với lô đất trống. Tiệm tạp hóa của Lee Chong chéo phía bên phải, Nhà hàng Cờ Gấu của Dora chéo phía bên trái. Phòng Sinh Vật Miền Tây kinh doanh những món hàng lạ và đẹp. Bán những sinh vật dễ thương của biển, bọt biển, muông biển, hải quỳ, sao biển, sao tua và sao thái dương, trai, điệp, hàu và sò, những chủng loài bé nhỏ đa dạng diệu kỳ, những loài hoa biển sinh động, sên biển và ốc biển, nhím biển tròn xoe có gai nhọn như kim, cua và loài giáp xác, tôm rồng tí hon, tôm búng, và tôm ma trong suốt tới nỗi gần như không bắt bóng. Phòng Sinh Vật Miền Tây bán sâu bọ, ốc, nhện, rắn chuông, chuột, ong mật, và thằn lằn độc to tướng. Tất cả đều để bán. Có cả trẻ chưa sinh, còn nguyên vẹn hay đã cắt lát mỏng gắn lên bản kính. Đám học sinh có cá mập đã ráo máu, tĩnh mạch và động mạch của chúng được bơm màu xanh và vàng để có thể dùng dao mổ lần theo hệ tuần hoàn. Mấy con mèo cũng được bơm màu vào động mạch và tĩnh mạch, ếch cũng thế. Bạn có thể đặt mua mọi loài sinh vật ở Phòng Sinh Vật Miền Tây, không sớm thì muộn bạn cũng sẽ có.

Đó là tòa nhà thấp nhìn ra đường. Tầng hầm dùng làm kho chứa, các hàng kệ dưới đó cao sát tới trần để đầy chai lọ đựng

thú vật đã được bảo quản. Trong tầng hầm có bồn rửa với dụng cụ ướp xác và ống tiêm. Rồi bạn đi qua sân sau, tới cái lán có mái che dựng trên cột đóng xuống biển, ở đây có nhiều bể chứa sinh vật lớn, cá mập, cá đuối, bạch tuộc, mỗi loài trong bể riêng làm bằng bê tông. Phía trước tòa nhà có cầu thang dẫn lên, và một cánh cửa mở vào văn phòng nơi đặt bàn giấy chất đống những lá thư chưa bóc, mấy tủ hồ sơ, và một két sắt mở toang. Có lần két sắt lỡ đóng lại và không ai biết mã số khóa. Trong két có lon cá mòi đã khai và một mẫu pho mát Roquefort. Trước khi nhà sản xuất khóa kịp gửi số khóa đến, trong két sắt có vấn đề. Đó là lúc Doc nghĩ ra cách trả thù ngân hàng nếu nhờ có ai muốn. Ông nói: “Thuê két sắt ở ngân hàng, cất vô đó nguyên một con cá hồi còn tươi rồi đi biệt tám sáu tháng.” Sau khi gặp rắc rối với két sắt, thức ăn bị cấm không được cất trong đó nữa. Thức ăn cất trong các tủ đựng hồ sơ. Phía sau văn phòng là một gian chứa nhiều bể nuôi thủy sinh vật. Ở đó cũng có kính hiển vi và bản kính, tủ thuốc, hộp đựng ống nghiệm, mấy cái bàn dài để làm việc và máy móc nhỏ, hóa chất. Phòng này tỏa mùi - mùi thuốc bảo quản, sao biển khô, nước biển, tinh dầu bạc hà, thuốc tẩy và giấm, mùi giấy nâu gói hàng, rơm và dây buộc, mùi chất dung môi và ête, mùi khí ozone từ máy móc, mùi thép mỏng và dầu nhờn lỏng từ kính hiển vi, mùi dầu chuối và ống cao su, mùi vớ len phơi khô và giày ủng, mùi rắn chuông hăng hắc, và mùi mốc đáng sợ của lũ chuột. Len lỏi qua cửa sau là mùi tẩy bệ và hào khí thủy triều rút, mùi muối và bụi nước khi thủy triều lên.

Phía trái văn phòng là thư viện. Vách ngăn là những kệ sách cao tới trần, thùng đựng các tập sách mỏng, tờ rơi, sách đủ loại, tự điển, bộ bách khoa, thơ, kịch. Cái máy hát đĩa lớn đứng dựa tường với hàng trăm đĩa hát xếp bên cạnh. Dưới cửa sổ là cái giường gỗ đỏ, trên tường và trên kệ sách ghim mấy bức tranh in của Daumiers, Graham, Titian, Leonardo và Picasso, Dalí và George Grosz, gần đây đó vừa tầm mắt để bạn có thể ngắm nếu muốn. Gian phòng nhỏ này có vài chiếc ghế đầu và ghế dài, dĩ nhiên là có giường. Có lần khoảng bốn chục người đã có mặt nơi đây cùng một lúc.

Phía sau thư viện hay phòng nghe nhạc này, hay tùy theo cách bạn muốn gọi, là gian bếp, một phòng hẹp có bếp ga, máy nước nóng, và bồn rửa bát. Nhưng trong khi thức ăn cất trong các tủ hồ sơ bên văn phòng, bát đĩa, mỡ chiên và rau lại cất trong mấy tủ sách nhiều ngăn có cửa kính trong bếp. Chẳng phải lập dị gì. Chỉ tình cờ thế thôi. Thịt ba chỉ xông khói, xúc xích và hải sản đen lũng lảng trên trần bếp. Sau bếp là cầu tiêu và buồng tắm có vòi hoa sen. Cầu tiêu rò nước đã năm năm cho tới khi có một vị khách thông minh sáng sửa chữa nó bằng miếng kẹo cao su.

Doc là chủ và điều hành Phòng thí nghiệm Sinh Vật Miền Tây. Dáng người Doc nhỏ nhắn, nhìn tưởng nhỏ, nhưng ông gân guốc và rất khỏe, khi cực kỳ tức giận ông có thể rất hung dữ. Ông để râu, mặt ông nửa giống Chúa Giê-su nửa giống thần satyr, và ông thế nào thì mặt ông nói lên thế ấy. Người ta kể rằng ông đã giúp nhiều cô tránh khỏi rắc rối này để gặp rắc rối

khác. Doc có đôi tay của bác sĩ phẫu thuật não, và một cái đầu nhiệt tình điềm tĩnh. Doc gỡ mũ chào mấy con chó lúc ông lái xe ngang chúng, và đàn chó ngược lên mỉm cười chào ông. Nếu cần ông có thể giết bất kỳ cái gì, nhưng ông không thể làm rách lòng ai chỉ để đùa cợt. Ông có một mối lo sợ rất lớn: sợ bị ướt đầu, sợ tới nỗi hè hay đông ông đều đội mũ đi mưa. Ông sẵn sàng lội vào vũng thủy triều lên tới ngực mà không sợ ướt, nhưng một giọt nước mưa trên đầu cũng làm ông hoảng hốt.

Doc bám trụ ở Cannery Row đã nhiều năm tới nỗi chính ông cũng không ngờ. Ông trở thành suối nguồn triết lý, khoa học và nghệ thuật. Các cô nhà Dora lần đầu tiên nghe những khúc đồng ca và nhạc lễ Gregory* trong phòng thí nghiệm này. Lee Chong lắng nghe thơ Lý Bạch được ngâm bằng tiếng Anh. Henri họa sĩ lần đầu tiên nghe đọc Tử Thư và cảm động tới nỗi đổi qua dùng chất liệu khác. Lúc trước Henri dùng keo, gỉ sắt và lông gà màu sắc sặc sỡ để vẽ, nhưng hắn đổi chất liệu, và bốn bức vẽ kế đó của hắn chỉ dùng vỏ các loại hạt khác nhau. Doc sẽ lắng nghe bất kỳ chuyện dăm dớ nào rồi biến nó thành một thứ minh triết cho bạn. Trí tuệ ông vô hạn - và sự đồng cảm của ông thẳng băng. Ông có thể trò chuyện với trẻ con, giảng cho chúng hiểu những điều rất uyên thâm. Ông sống trong thế giới của những thú diệu kỳ, thú vị. Ông ham muốn nhục dục như thỏ và dịu dàng kinh khủng. Ai biết ông đều mang ơn ông. Và mọi người khi nhớ đến ông đều nghĩ: “Mình phải làm cái gì hay ho cho Doc.”

Chương 6

Doc đang bắt hải sản trong Vũng Thủy Triều Lớn ở mũi bán đảo. Chỗ đó thật tuyệt vời: khi thủy triều lên, sóng bạc đầu từ phao báo hiệu trên vĩa đá ngầm cuộn cuộn tràn vào, khuấy nó lên thành lòng chảo dậy sóng, bọt nổi đặc như kem. Nhưng khi thủy triều rút, vịnh nước nhỏ trở nên tĩnh lặng và yên kiêu. Biển trong vắt, dưới đáy trở nên dị thường với những sinh vật hồi hải, đánh nhau, ăn uống, sinh sản. Lũ cua bò vội từ lá này sang lá khác trên bụi tảo biển dập dềnh. Sao biển ngồi xồm trên con hào con ngao, bám hàng triệu ống giác bé tí của nó xuống rồi từ từ kéo lên với một lực mạnh không thể tưởng cho tới khi con mồi bị tách ra khỏi đá. Khi ấy dạ dày sao biển thò ra ôm lấy thức ăn. Sên biển màu cam, lốm đốm, gân guốc, uyển chuyển trườn trên đá, xống áo nó phát phới như bộ váy của vũ công Tây Ban Nha. Lươn đen ló đầu ra khe hở chờ con mồi. Loài tôm búng đập càng lớp lớp âm ỉ. Thế giới rực màu yên kiêu ấy như được phủ gương. Loài cua mượn hồn chạy nhón nháo dưới đáy cát như bọn trẻ hoảng hốt. Bây giờ tìm thấy một vỏ ốc rỗng ruột mà nó thích hơn cái vỏ ốc đang có, nó bèn bò ra, phơi bày thân xác mềm mại cho kẻ thù trong tích tắc, trước khi nhảy phốc vào cái vỏ mới. Một ngọn sóng vỗ tung tóe lên vách đá ngăn cách, khuấy động làn nước trong vắt trong chốc lát và hòa trộn bọt

nước vào vũng, rồi vũng nước lại trong trẻo, tĩnh lặng và yêu kiều, đầy sát khí. Chỗ này một con cua đánh gãy chân đồng loại. Chùm hải quỳ vươn ra như đóa hoa mềm rục rở, mời gọi bất kỳ loài sinh vật nào mệt mỏi hoang mang đến nằm nghỉ một lát trên các sợi tua của chúng. Và khi một con cua bé hay sinh vật lơ ngơ nào trong vũng thủy triều chịu nhận tấm giấy mời xanh tím, các cánh hoa sẽ bập lại, các tế bào nhọn bắn cây kim nhỏ xíu gây mê vào con mồi, nó sẽ yếu dần và có lẽ sẽ buồn ngủ trong khi chất axit tiêu hóa cay xé làm tan chảy cơ thể nó.

Rồi kẻ sát thủ lén lút, con bạch tuộc, lén ra, chậm chậm, nhẹ nhẹ, trôi như sương mù mờ xám, giả vờ lúc như cỏ dại, lúc như tảng đá, lúc như cục thịt thối, trong khi cặp mắt dê ma quái của nó lạnh lùng quan sát. Nó rỉ rả trôi tới con cua đang ăn, khi đến gần cặp mắt vàng của nó rục cháy và cơ thể nó hồng lên một màu rộn ràng vì mong đợi và cuồng bạo. Rồi thành linh nó chạy nhẹ nhàng trên đầu các tua, dữ tợn như con mèo tấn công. Nó tàn nhẫn nhảy lên con cua, nhả ra một ngụm nước đen, cái khối vùng vẫy ấy mờ đi trong đám mây mực lúc bạch tuộc sát hại con cua. Trên các tảng đá nhô lên khỏi mặt nước, mấy con hàu phì bong bóng ra khỏi hai vỏ khép của chúng, trong khi ốc sao phơi mình cho khô. Đàn ruồi đen lao xuống bãi đá để ăn bất cứ cái gì chúng có thể tìm thấy. Mùi i-ốt hăng hắc của tảo biển, mùi chua của những xác vôi, mùi chất đậm nồng nặc, mùi của tinh dịch và trứng tràn ngập không gian. Trên bãi đá lộ thiên, sao biển phun tinh dịch và trứng giữa những cánh sao của nó. Mùi của sự sống và phồn thịnh, của sự chết và tiêu hóa, của thối rữa

và sinh sản, đè nặng lên không gian. Nước muối bắn vào từ vách đá ngầm, nơi biển cả chờ sức triều cường để nó lại trở thành Vũng Thủy Triều Lớn. Trên vĩa đá ngầm, cái phao báo hiệu rống lên như con bò đực buồn rầu và nhẩn nại.

Doc và Hazel cùng làm việc trong vũng. Hazel sống ở Biệt thự Lữ thú với Mack và đám choai choai. Hazel có cái tên đó một cách tình cờ cũng như cuộc đời nó từ đó về sau. Bà mẹ hay lo của nó đã có bảy đứa con trong tám năm. Hazel là đứa thứ tám, và mẹ nó lẫn lộn không nhớ nó là trai hay gái lúc sinh nó ra. Dù sao bà đã mệt và suy kiệt vì cố lo ăn lo mặc cho bảy đứa con và cha của chúng. Bà đã cố đủ cách kiếm tiền - làm hoa giấy, trồng nấm ở nhà, nuôi thỏ lấy thịt và lông - trong khi chồng bà ngồi trên cái ghế vải ban cho bà đủ mọi lời chỉ bảo, lý lẽ và trách móc. Bà dì Hazel của bà nổi tiếng là có bảo hiểm nhân thọ. Đứa con thứ tám được đặt tên Hazel trước khi bà mẹ hiểu ra Hazel là con trai, khi đó bà đã quen với cái tên và chẳng bao giờ bận tâm đổi tên cho nó. Hazel lớn lên, lãnh bốn năm tiểu học, bốn năm trường cải tạo, và chẳng học được gì ở cả hai nơi. Người ta cho rằng trường cải tạo dạy tính hung dữ và thói tội phạm, nhưng Hazel không chú ý học. Nó ra khỏi trường cải tạo mà vẫn không biết hung dữ cũng như lơ ngơ về phân số hay phép chia phức tạp. Hazel thích nghe nói chuyện, nhưng nó không lắng nghe câu chữ, chỉ nghe âm điệu của lời đối thoại. Nó đặt câu hỏi không để nghe câu trả lời mà chỉ để tiếp tục chuyện trò. Nó hai mươi sáu tuổi, tóc đen, vui tính, khỏe mạnh, sốt sắng và trung thành. Nó thường đi bắt hải sản với Doc, và nó làm rất giỏi một

khi nó hiểu cần bắt cái gì. Ngón tay nó có thể bò như bạch tuộc, có thể nắm và giữ chặt như chùm hải quỳ. Nó đi đứng vững vàng trên bãi đá trơn trượt, và nó thích săn bắt. Doc đội mũ đi mưa và mang ủng cao su lúc làm việc, nhưng Hazel bì bõm với đôi giày vải và cái quần jeans. Họ đang bắt sao biển. Doc có đơn đặt mua 300 con.

Hazel nhặt một con sao biển đẹp tím nhạt dưới đáy vũng rồi ném vào bao cói gần đây của mình. Nó nói: “Hổng biết người ta làm gì với nó?”

Dor hỏi: “Vớ cái gì?”

Hazel nói: “Vớ sao biển. Ông bán nó. Ông gửi đi một thùng. Bọn họ làm gì với nó? Nó đâu có ăn được.”

Doc kiên nhẫn trả lời: “Họ nghiên cứu nó,” và ông nhớ đã trả lời câu này cho Hazel mấy chục lần rồi. Nhưng Doc có một thói không thể bỏ. Khi bất kỳ ai hỏi một câu, Doc nghĩ họ muốn biết câu trả lời. Doc là như vậy. Ông không bao giờ hỏi nếu không muốn biết, và ông không thể hình dung được một bộ óc sẽ hỏi mà không muốn biết. Nhưng Hazel chỉ muốn nghe nói chuyện, nó đã phát minh ra cách biến câu trả lời cho một câu hỏi thành một câu hỏi khác. Như thế khiến cho đối thoại tiếp tục.

Hazel nói tiếp: “Họ nghiên cứu để tìm cái gì? Chúng là sao biển thôi mà. Quanh đây có hàng triệu con. Tui có thể bắt cho ông một triệu con.”

Doc hơi có vẻ biện hộ: “Chúng là sinh vật phức tạp và thú vị. Vả lại, mấy con này sẽ gửi đi Đại học NorthWestern ở vùng Trung Tây.”

Hazel dùng mẹo của nó: “Ở đó họ hổng có sao biển à?”

Doc nói: “Ở đó họ không có biển.”

Hazel nói: “Ồ!” Rồi nó hoảng hốt tìm cách để đưa ra một câu hỏi mới. Nó ghét để đối thoại tắt ngúm như thế. Nó không đủ nhanh. Trong khi nó đang tìm câu hỏi thì Doc đã hỏi một câu. Hazel ghét như vậy, vì nó sẽ phải lục lọi trong đầu một câu trả lời, và lục lọi trong đầu Hazel cũng giống như la cà một mình trong viện bảo tàng bỏ hoang. Đầu Hazel đầy nghẹt những vật trưng bày không xếp loại. Nó không hề quên cái gì, nhưng nó chẳng bao giờ bận tâm sắp xếp ký ức. Mọi thứ được ném lẫn vào nhau như đồ cá dưới đáy chiếc ghe chèo, lưỡi câu, cục chì, dây, cùng mồi và cây móc, tất cả rối tung lên.

Doc hỏi: “Trên Biệt thự thế nào?”

Hazel lùa ngón tay vào mái tóc đen của nó rồi sẫm soi vào đồng hồ độn trong đầu. Nó nói: “Cũng khá. Tui chắc anh chàng Gay sẽ dọn vô ở với tui tui. Vợ nó đánh nó tơi bời. Đánh lúc nó thức thì nó mặc kệ, nhưng bả đợi tới lúc nó ngủ rồi mới đánh nó. Nó bực bội. Nó phải thức dậy để đánh bả, rồi khi nó ngủ trở lại thì bả lại đánh. Nó hổng ngủ nghe gì được vì vậy nó dọn vô ở với tui tui.”

Doc nói: “Chuyện này mới. Hồi trước cô ta hay xin trát tòa tống nó vô tù.”

Hazel nói: “Ừ! Nhưng đó là hồi trước khi họ xây nhà tù mới ở Salinas kia. Trước đây, ba chục ngày là Gay nôn nóng muốn ra, nhưng nhà tù này mới... xà-lim có radio và giường êm, còn sếp ngục là một lão tử tế. Gay vô đó rồi hổng muốn ra. Nó khoái ở tù

tới nổi vợ nó hồng thừa lính bắt nó nữa. Vì vậy bà tìm ra cách đánh nó lúc nó ngủ. Nó nói là muốn khùng. Ông cũng biết như tui... Gay hồng bao giờ thích đánh bà. Nó chỉ đánh để giữ lòng tự trọng. Nhưng nó mệt chuyện đó quá. Tui chắc bây giờ nó sẽ tới ở với tui tui.”

Doc đứng thẳng lên. Sóng bắt đầu vỗ qua vách đá ngăn cách Vũng Thủy Triều Lớn với biển. Thủy triều đang lên và những dòng nước nhỏ từ biển đã bắt đầu tràn lên bãi đá. Gió mát thổi vào từ cái phao báo hiệu, và tiếng bầy hải sư sủa qua mũi đất vọng tới. Doc đẩy cái mũ đi mưa ra sau gáy. Ông nói: “Mình bắt đủ sao biển rồi,” và nói thêm, “Nè, Hazel, tôi biết chú có sáu, bảy con bào ngư chưa đủ kích thước để bắt dưới đáy bao của chú. Nếu ông kiểm ngư chặn mình lại thì chú nói là của tôi, lấy theo giấy phép của tôi... đúng không?”

Hazel nói: “Ừa... ừi trời.”

Doc ân cần nói: “Nè, giả thử tôi có đơn đặt hàng bào ngư, và có thể ông kiểm ngư nghĩ tôi lấy quá số lượng cho phép. Giả thử ông ta nghĩ tôi ăn bào ngư.”

Hazel nói: “Ừa... ừi trời.”

“Cũng giống như ủy ban còn công nghiệp. Đầu óc họ luôn nghi ngờ. Họ cứ nghĩ tôi uống cồn. Ai cũng bị họ nghĩ như vậy.”

“Ừa, ông hồng uống à?”

Doc nói: “Chút thôi. Họ pha thêm mấy thứ có mùi vị thấy ghê vô cồn, mà nấu lại nó mất công lắm.”

Hazel nói: “Thứ đó hồng dở lắm. Tui với Mack bữa nọ nhấp

một chút. Họ pha cái gì vô vậy?”

Doc định trả lời thì ông thấy đó lại là mảnh khốe của Hazel. Ông nói: “Đi thôi.” Ông vác bao sao biển của ông lên vai. Và ông đã quên mấy con bào ngư bất hợp pháp dưới đáy bao của Hazel.

Hazel theo ông ra khỏi vũng thủy triều, lên lối đi trơn trượt tới mặt đất cứng. Những con còng nhỏ nhốn nháo hoảng hốt tránh đường họ. Hazel cảm thấy nên chôn chặt đề tài bào ngư.

Nó gợi chuyện: “Tay họa sĩ đó quay lại Biệt thự.”

Doc nói: “Vậy hả?”

“Ừ! Ông coi nè, nó làm toàn bộ hình của tụi tôi bằng lông gà, rồi bây giờ nó nói phải làm lại hết trơn bằng vỏ hạt cứng. Nó nói nó đổi... chất... chất liệu.”

Doc cười khúc khích: “Nó vẫn đóng chiếc tàu của nó chứ?”

Hazel nói: “Ừ vẫn đóng, nó đổi hết trơn. Loại tàu mới. Tui chắc nó sẽ tháo ra từng mảnh rồi đổi hết. Doc... nó có khùng không?”

Doc quăng cái bao nặng chứa sao biển của ông xuống đất rồi đứng thở hổn hển một lát. Ông hỏi: “Khùng à? Ồ, phải, tôi cũng đoán vậy. Khùng cỡ tụi mình, chỉ có điều là khùng kiểu khác.”

Hazel chưa bao giờ nghĩ như vậy. Nó tự coi mình như bể pha lê trong suốt và đời nó như tấm gương đạo đức bị hiểu lầm vì vẫn đục. Câu nói cuối cùng của Doc làm nó hơi giận. Nó kêu lên: “Nhưng mà cái tàu đó... tui biết nó đóng cái tàu đó bảy năm rồi. Vỏ mục hết thế là nó làm vỏ bê tông. Mỗi lần làm gần xong nó lại thay đổi rồi làm lại từ đầu. Tui nghĩ nó khùng. Bảy năm đóng

một chiếc tàu.”

Doc ngồi dưới đất, rút đôi ủng cao su đang đi ra. Ông từ tốn nói: “Chú không hiểu. Henri thích tàu nhưng nó sợ biển.”

Hazel cất vấn: “Vậy thì nó muốn có chiếc tàu để làm gì?”

Doc nói: “Nó thích tàu, nhưng giả thử nó đóng xong chiếc tàu của nó. Một khi xong người ta sẽ nói ‘tại sao chú mày không hạ thủy?’ Rồi nếu hạ thủy, nó sẽ phải lái tàu ra khơi, mà nó ghét nước. Vì vậy chú thấy nó không bao giờ đóng xong chiếc tàu... để nó không bao giờ phải hạ thủy.”

Hazel lắng nghe lập luận này tới một điểm nào đó, nhưng nó bỏ ngoài tai trước khi xong, không những bỏ ngoài tai mà còn tìm cách đổi đề tài. Nó chống chế: “Tui nghĩ nó khùng.”

Trên đất đen chỗ bụi cây giọt băng nở hoa, hàng trăm con bọ đen hôi đang bò lúc nhúc. Nhiều con chống đuôi lên trời. Hazel mừng là có lũ bọ hôi ở đó, nó nói: “Coi mấy con bọ hôi kìa.”

Doc nói: “Tụi nó lạ.”

“Ồ, tụi nó chống đít lên trời làm gì vậy?”

Doc cuộn tròn đôi vớ len của ông rồi nhét vào ủng cao su, ông rút trong túi ra đôi vớ khô và đôi giày đế mỏng. Ông nói: “Tôi không biết tại sao. Mới đây tôi đã tra sách... chúng là loài rất bình thường, và một trong những điều chúng rất hay làm là chống đuôi lên trời. Sách vở không cuốn nào nói tới chuyện chúng chống đuôi lên trời hay nói tại sao.”

Hazel dùng mũi chiếc giày quần vớ ướt của nó lật ngửa một con bọ hôi lên. Con bọ đen bóng điên cuồng gồng lên quờ quạng

mấy cái chân để lật mình lại. “Ồ, còn *ông* nghĩ tại sao chúng làm vậy?”

Doc nói: “Tôi nghĩ chúng đang cầu nguyện.”

Hazel sửng sốt: “Ủa!”

Doc nói: “Điều đáng chú ý không phải là chúng chống đuôi lên trời... thật ra điều đáng chú ý hết sức lại là mình thấy nó đáng chú ý. Mình chỉ có thể so sánh nó với mình. Nếu mình làm điều gì khó có thể giải thích và lạ lùng như vậy thì chắc là mình đang cầu nguyện... vì vậy có thể là chúng đang cầu nguyện.”

Hazel nói: “Thôi mình cuốn gói khỏi chỗ này.”

Chương 7

Biệt thự Lữ thú không nhận nhíp ngay. Thật ra khi Mack, Hazel, Eddie, Hughie và Jones dọn vào, họ xem nó chỉ là chỗ tránh mưa tránh gió, một chỗ để về khi mọi nơi khác đã đóng cửa hay tiếp họ một cách tế nhị và hồ hững vì họ đã quá lạm dụng lòng hiếu khách. Hồi đó Biệt thự chỉ là một phòng dài trơ trụi, lờ mờ sáng nhờ hai cửa sổ nhỏ, vách ván không sơn nồng nặc mùi bột cá. Hồi đó họ không thích căn nhà. Nhưng Mack biết là cần phải tổ chức theo một kiểu nào đó, nhất là với một nhóm hau háu theo cá nhân chủ nghĩa như bọn họ.

Huấn luyện một đạo quân không được trang bị súng đạn và xe tăng thì phải dùng súng giả và xe vận tải giả để thay cho quân trang quân dụng chết người, và đoàn quân trui rèn dày dạn này sẽ làm quen với pháo dã chiến bằng cách tập luyện với các khúc gỗ tròn gắn bánh xe.

Mack lấy phấn vẽ năm hình chữ nhật trên sàn nhà, mỗi hình dài hai mét, ngang một mét hai, trong mỗi ô ghi một tên. Đây là những cái giường tượng trưng. Mỗi đứa có quyền sở hữu bất khả xâm phạm trong chỗ của mình, về mặt pháp lý, nó có thể đánh kẻ nào xâm lấn vào ô của nó. Chỗ còn lại trong phòng là tài sản chung của mọi người. Hôm đó là ngày đầu tiên Mack và đám choai choai ngồi trên sàn nhà, lom khom chơi bài, và

ngủ trên sàn ván cứng. Có lẽ nếu không có một lần trở trời thì họ có thể sống mãi kiểu đó. Tuy nhiên, một trận mưa chưa từng thấy kéo dài hơn một tháng đã thay đổi hết. Ru rú trong nhà, cả bọn đâm chán không muốn ngồi chồm hổm trên sàn. Mắt họ trở nên bực bội khi thấy các vách ván trơ trụi. Vì căn nhà cho họ chỗ trú, họ đâm ra mến nó. Và điều hấp dẫn là không bao giờ thấy chủ nhà bực tức bước vào. Vì Lee Chong chẳng bao giờ tới gần căn nhà. Rồi một buổi chiều Hughie đem cái giường xếp của lính về, vải bố bị rách. Nó mất hai tiếng để may lại chỗ rách bằng dây câu. Tối hôm đó mấy đứa kia nằm trên sàn trong ô của mình nhìn Hughie nhẹ nhàng đính đạc lên giường, họ nghe nó thở một hơi dài thoải mái tột bực, rồi nó ngủ và ngáy trước mấy đứa kia.

Hôm sau Mack hỗn hển khiêng lên đôi bộ đệm lò xo gỉ sét gã tìm thấy ở bãi sắt vụn phế thải. Khi ấy không còn thờ ơ nữa. Bọn choai choai đứa này cố vượt đứa kia trong việc làm đẹp Biệt thự Lữ thú, cho tới khi vài tháng sau có thể nói là nó ngồn ngộn đồ đạc. Thảm cũ trên sàn, mấy cái ghế còn hoặc mất mặt ghế. Mack có cái ghế nằm bằng mây sơn đỏ chói. Mấy cái bàn, một chiếc đồng hồ quả lắc mất mặt số hay máy móc. Tường quét vôi trắng khiến cho căn nhà có vẻ sáng sủa và thoáng khí. Tranh ảnh bắt đầu xuất hiện, phần lớn là mấy tờ lịch in hình các cô tóc vàng quá sức gợi cảm cầm chai Coca-Cola. Henri đóng góp hai tác phẩm từ thời lông gà của hắn. Một bó cỏ đuôi mèo sơn vàng dựng trong góc, và một bó lông công đóng đinh lên vách tường bên cạnh đồng hồ quả lắc.

Họ bỏ thời giờ kiểm cái bếp, và khi đã tìm thấy cái họ muốn là con quái vật có xoáy bạc với lò hâm thức ăn trang trí hoa hòe và mặt trước giống như vườn ươm kim hương mạ kền thì khó khăn của họ là đem nó về. Nó to quá không ăn cắp được, và chủ nó không chịu tặng nó cho một bà góa đau ốm có tám đứa con mà Mack vừa mới bịa ra và đỡ đầu luôn thể. Người chủ đòi một đô rưỡi, và ba ngày sau vẫn không chịu hạ giá xuống 80 xu. Đám choai choai thương lượng trả 80 xu và đưa ông tờ giấy nợ mà tới bây giờ chắc ông vẫn còn giữ. Vụ mua bán này ở Seaside, và cái bếp nặng 150 ký. Trong mười ngày, Mack với Hughie tìm đủ mọi cách để chở nó đi, và chỉ đến khi hiểu rằng sẽ không có ai giúp đem cái bếp này về thì họ mới bắt đầu tự khiêng đi. Mất ba ngày họ mới khiêng được nó về tới Cannery Row, đường xa năm dặm, ban đêm họ ngủ giữa trời bên cạnh nó. Nhưng một khi bếp đã an tọa ở Biệt thự Lữ thứ, thì nó là hào quang, là tổ ấm, là tâm điểm. Bông hoa mạ kền và cành lá của nó tỏa ánh hân hoan. Nó là báu vật của Biệt thự. Đốt lên, nó sưởi ấm gian phòng lớn. Cái lò thật tuyệt diệu và bạn có thể tráng trứng trên mấy cái nắp đen sáng loáng của nó.

Cái bếp lớn đem lại niềm hãnh diện, và với niềm hãnh diện, Biệt thự trở thành tổ ấm. Eddie trồng cây bìm bìm bò trên đầu cửa ra vào, Hazel tìm được mấy bụi hoa vân anh khá hiếm trồng trong thùng sắt 20 lít khiến cho lối vào trở nên trang trọng và hơi bừa bộn. Mack và đám choai choai mền Biệt thự, thậm chí đôi khi họ dọn dẹp nó sạch sẽ một chút. Trong đầu họ chế nhạo những kẻ lang bang không có nhà để trở về, đôi khi họ hãnh

diện đưa khách về tổ ấm một hay hai ngày.

Eddie là bồi rượu dự bị ở quán La Ida. Hắn làm thay mỗi khi ông Whitey bồi rượu chính bị ốm, mà khi nào nghỉ được là Whitey ốm. Mỗi lần Eddie làm thay là lại biến mất vài chai, vì thế hắn không được làm nhiều. Nhưng Whitey thích để Eddie thế chỗ của ông, vì ông tin, và tin đúng, rằng Eddie là kẻ không có ý định lấy luôn việc của ông. Gần như ai cũng có thể tin Eddie trong vấn đề này. Eddie không cần lấy nhiều rượu. Hắn để một bình bốn lít dưới quầy và trên miệng bình có cái phễu. Eddie đổ hết bất kỳ cái gì còn lại trong ly vào phễu trước khi rửa ly. Nếu La Ida có cãi nhau hay có ca hát, hay đêm khuya khi tình bằng hữu gần bó đi đến kết cuộc hợp lý, Eddie rót phân nửa hay hai phần ba ly xuống phễu. Hắn đem thứ rượu pha ấy về Biệt thự, và nó luôn luôn thú vị, đôi khi đáng ngạc nhiên. Thường là hỗn hợp rượu mạch, bia, bourbon, scotch, vang, rum và gin, nhưng thỉnh thoảng một ông khách hóm hỉnh nào đó gọi rượu pha bạc hà hay rượu hồi hay rượu cam, những vị phảng phất này khiến cho hỗn hợp có đặc điểm riêng. Eddie có thói quen là luôn luôn rắc một chút vỏ cam đắng vào bình trước khi hắn về. Tối nào khá, Eddie có ba phần tư bình. Hắn thấy hài lòng vì chẳng ai mất mát gì. Hắn nhận xét rằng với một ly đầy hay với nửa ly người ta đều có thể say, đúng vậy, nếu họ đang ở trong tâm trạng muốn say.

Eddie là cư dân rất được ưa chuộng của Biệt thự Lữ thú. Mấy đứa kia chẳng bao giờ yêu cầu hắn giúp dọn dẹp nhà cửa, và có lần Hazel giặt bốn đôi tất của Eddie.

Chiều hôm Hazel đi với Doc ra bắt hải sản trong Vũng Thủy Triều Lớn, bọn họ ngồi quanh Biệt thự nhấm nháp thành quả đóng góp mới nhất của Eddie. Gay cũng ở đó, hắn là thành viên mới nhất của nhóm. Eddie vừa nhấm nháp ly của hắn vừa đoán rồi chép môi. Hắn nói: “Cũng ngộ là mày gặp một chuyện cứ tới đồn dập. Như tối hôm qua. Có ít nhất mười thằng gọi Manhattan. Nhiều khi có thể cả tháng mày không pha tới hai ly Manhattan. Mùi đó là từ xi rô lựu.”

Mack ném ly của gã - một ngụm lớn - rồi lại rót đầy ly. Gã nói một cách nghiêm nghị: “Ừ, một chút xiu mà làm nó khác liền.” Gã nhìn quanh để xem mấy đứa kia đón nhận mùi vị quý giá này thế nào.

Chỉ có Gay đón được hết ý. Hắn nói: “Đúng rồi, có...”

Mack hỏi: “Bữa nay Hazel ở đâu?”

Jones nói: “Hazel ra bắt sao biển với Doc.”

Mack nghiêm trang gật gù nói: “Ông Doc đó tử tế quá trời. Lúc nào ông cũng sẵn sàng giúp mọi người. Bữa tao đứt tay, ông thay băng mới cho tao mỗi ngày. Ông tử tế quá trời.”

Mấy đứa kia gật đầu đồng ý hoàn toàn.

Mack nói tiếp: “Từ lâu tao đã nghĩ mình có thể làm cái gì cho ông... cái gì hay ho. Cái gì ông thích.”

Hughie nói: “Ông thích một bà.”

Jones nói: “Ông có ba, bốn bà. Mỗi khi ông đóng màn cửa trước và lúc ông chơi loại nhạc nhà thờ trên cái máy hát đĩa là mày biết liền.”

Mack quở trách Hughie: “Chỉ vì ổng hồng rượt bà nào cỏi truồng qua phố lúc ban ngày thế là mày nghĩ Doc độc diễn.”*

Eddie hỏi: “Độc diễn là cái gì?”

Mack nói: “Là khi mày hồng có bà nào.”

Jones nói: “Tui nghĩ là một kiểu tiệc tùng.”

Căn phòng lặng im. Mack cựa quậy trên cái ghế nằm của gã. Hughie hạ hai chân trước của cái ghế hắt đang ngồi xuống sàn. Họ nhìn khoảng không, rồi tất cả nhìn Mack. Mack nói: “Hừm!”

Eddie hỏi: “Tụi mày nghĩ Doc thích kiểu tiệc nào?”

Jones nói: “Còn kiểu nào khác nữa?”

Mack ngẫm nghĩ: “Doc sẽ không thích thứ trong cái bình rượu vang đủ loại này.”

Hughie căn vặn: “Làm sao anh biết? Anh chưa hề mời ổng uống mà.”

Mack nói: “Ồ, tao biết. ổng học đại học. Có lần tao thấy một bà mặc áo choàng lông thú vô đó. Hồng thấy bả đi ra. Lần chót tao ngó lúc 2 giờ sáng... còn cái nhạc nhà thờ đó cứ hát. Không... mày không mời ổng thứ này được.” Gã lại rót đầy ly của gã.

Hughie vẫn một mực: “Sau ly thứ ba thì thứ này khá ngon.”

Mack nói: “Không, với Doc thì không được. Phải là rượu mạnh... thứ thiệt.”

Jones nói: “Ổng thích bia. Lần nào ổng qua tiệm Lee cũng mua bia... nhiều khi nửa đêm.”

Mack nói: “Tao thấy khi mày mua bia, mày mua quá nhiều nước. Thí dụ thứ bia nồng độ 8%... tại sao mày lại trả tiền cho

92% là nước, màu, hoa bia cộng với các thứ linh tinh như vậy.” Gã nói thêm: “Eddie, mày nghĩ lần tới Whitey bình, mày lấy được bốn, năm chai rượu mạnh ở La Ida không?”

Eddie nói: “Được, chắc chắn tao lấy được nhưng sau đó là chấm hết... hết gà đẻ trứng vàng. Tao nghĩ dù sao thì Johnnie cũng nghi rồi. Bữa nọ hắn nói ‘tao hửi thấy có con chuột tên Eddie’. Tao phải không động tĩnh gì một thời gian, chỉ đem cái bình thôi.”

Jones nói: “Ừ! Mày đừng để mất việc ở đó. Nếu có chuyện gì xảy ra cho Whitey, mày có thể thế chỗ đó liền trong một vài tuần cho tới khi họ tìm được người khác. Tao nghĩ nếu mình làm tiệc cho Doc thì mình phải mua rượu mạnh. Một bình bốn lít rượu mạnh giá bao nhiêu?”

Hughie nói: “Tao không biết. Tao chưa bao giờ có hơn một phần tư lít mỗi lần... ừ mỗi lần. Tao thấy mỗi khi mày có một lít thì ngay lập tức mày có bạn. Nhưng khi mày có một phần tư lít thì mày có thể uống trong lô đất trước khi... Ôi dào trước khi mày có một đồng đĩa bu quanh.”

Mack nói: “Phải có xèng mới làm tiệc cho Doc được. Nếu mình làm tiệc cho ông thì phải là tiệc đàn hoàng. Nên có cái bánh bự. Tao hổng biết chừng nào tới sinh nhật ông?”

Jones nói: “Đâu cần sinh nhật mới có tiệc.”

Mack nói: “Hổng cần... nhưng tiệc sinh nhật thì hay hơn. Tao tính mất chừng mười hay mười hai đô để làm tiệc cho Doc thì mình mới hổng bị xấu mặt.”

Họ nhìn nhau thăm dò, Hughie gợi ý: “Nhà máy đóng hộp

Hediondo đang muốn người.”

Mack nói liền: “Đừng, mình đã có tiếng tốt thì đừng làm ô danh. Mỗi đứa mình khi nhận việc đều làm một tháng hay lâu hơn. Nhờ vậy mình có thể luôn luôn kiếm được việc khi cần. Nếu mình chỉ làm một, hai ngày... thì dính vô làm chi để mất danh tiếng. Rồi nếu mình cần việc thì sẽ hỏng có ai muốn mình.” Cả bọn gật đầu đồng ý lệ.

Jones nói: “Tui tính sẽ đi làm hai tháng... tháng Mười một với một phần tháng Mười hai. Gần Giáng sinh có tiền cũng khoái. Năm nay mình có thể nấu gà tây.”

Mack nói: “Chúa ơi, mình nấu được mà, tao biết một chỗ trên thung lũng Carmel có một đàn 1.500 con.”

Hughie nói: “Trên thung lũng à, tui hay đi bắt rùa, tôm bùn với ếch cho Doc trên thung lũng. Kiếm năm xu một con ếch.”

Gay nói: “Tao cũng vậy, có lần tao bắt 500 con.”

Mack nói: “Nếu Doc cần ếch là đàn xếp xong. Mình có thể lên phía sông Carmel, đi chơi xa một chuyến, nhưng hỏng nói cho Doc biết mình đi để làm gì, rồi mình sẽ làm cho ổng một bữa tiệc hết sẩy.”

Một niềm phấn khích lặng lẽ dâng lên trong Biệt thự Lữ thú. Mack nói: “Gay, ngó ra cửa coi xe của Doc có trước nhà ổng chưa.”

Gay đặt ly của hắn xuống và nhìn ra. Hắn nói: “Chưa thấy.”

Mack nói: “Ôi dào, chút xíu nữa ổng sẽ về. Bây giờ mình sẽ làm thế này...”

Chương 8

Tháng Tư năm 1932, nồi súp de ở nhà máy đóng hộp Hediondo vỡ ống lần thứ ba trong hai tuần. Ban giám đốc gồm có ông Randolph và nhân viên tốc ký quyết định mua nồi mới thì rẻ hơn là cứ phải thường xuyên đóng cửa. Nồi súp de mới tới đúng hạn, người ta khiêng cái nồi cũ vô lô đất uống ở giữa tiệm Lee Chong và Nhà hàng Cờ Gấu và kê nó lên cao chờ ông Randolph vận dụng trí tuệ tìm cách gỡ được đồng nào hay đồng ấy. Dần dần kỹ sư nhà máy tháo ống để vá vúi các thiết bị hư mòn khác ở Hediondo. Cái nồi súp de trông như đầu máy xe lửa kiểu cũ thiếu bánh xe. Nó có một cánh cửa lớn ở giữa mũi và một cửa đốt lò bên dưới. Dần dần nó đổi sang màu đỏ và mềm vì gỉ sét, rồi từ từ cỏ cắm quỳ mọc cao quanh nó và vụn sét nuôi cỏ dại. Cây sim nở hoa bò lên hông nó, cây hồi dại tỏa hương quanh nó. Rồi có kẻ ném rễ cà độc dược ra, cây cà mập mập mọc lên và những đóa hoa cà lớn hình cái chuông trắng lủng lẳng trên cửa nồi súp de, ban đêm hoa tỏa mùi yêu đương và gây phấn khích, một mùi ngòn ngọt gợi cảm không thể tưởng.

Năm 1935 ông bà Sam Malloy dọn vào nồi súp de. Lúc này nó không còn ống sắt nào, và cái nồi là căn buồng rộng rãi, khô ráo, an toàn. Thật vậy, nếu vào bằng cửa đốt lò thì bạn phải lồm cồm bò qua, nhưng một khi đã vào trong thì có thể đứng thẳng lên ở

giữa, và bạn không thể tìm thấy chỗ nào khô hơn, ẩm hơn để ở. Họ nhét tấm đệm qua cánh cửa đốt lò và ổn định cuộc sống. Ông Malloy hạnh phúc và hài lòng ở đó một thời gian dài, bà Malloy cũng vậy.

Bên dưới nôi súp de trên đồi có một số thùng tô nô cỡ lớn cũng do Hediondo thải ra. Cuối năm 1937 được mùa cá, các nhà máy đóng hộp làm việc hết ba ca và xảy ra nạn thiếu chỗ ở. Khi ấy chính ông Malloy đứng ra cho thuê mấy cái thùng tô nô loại lớn để làm chỗ ngủ cho bọn độc thân với giá rất tượng trưng. Giấy tấm nhựa đường che một đầu và tấm thảm vuông che đầu bên kia là biến nó thành buồng ngủ thoải mái, tuy rằng kẻ nào ngủ co quắp phải bỏ thói quen đó hoặc dọn ra. Cũng có kẻ nói tiếng ngáy của họ vang dội trong thùng làm họ thức dậy. Nhưng nói chung ông Malloy đều đặn kiếm được tí tiền còm và hạnh phúc.

Trước khi chồng làm chủ chỗ trọ thì bà Malloy sống mãi nguyện, nhưng sau đó bà bắt đầu thay đổi. Đầu tiên là tấm thảm, rồi cái bồn giặt, rồi cái đèn có chụp bằng lụa màu. Cuối cùng một hôm bà bò lồm cồm vào nôi súp de, rồi bà đứng lên và hỗn hà hỗn hển nói: “Tiệm Holman đang bán hạ giá màn cửa. Màn đăng ten thật, viền màu xanh màu hồng... 1 đô 98 xu một bộ có cả thanh treo màn.”

Ông Malloy ngồi bật dậy trên nệm. Ông hỏi: “Màn cửa à? Chúa ơi, em cần màn cửa làm cái gì?”

Bà Malloy nói: “Em thích mấy thứ đẹp. Em lúc nào cũng muốn có đồ đẹp cho anh,” và môi dưới của bà bắt đầu run run.

Sam Malloy kêu lên: “Em à, anh đâu có ghét màn cửa. Anh thích màn cửa.”

Bà Malloy run rẩy: “Chỉ có 1 đô 98 xu, vậy mà anh bức bội em vì 1 đô 98 xu,” rồi bà thút thít, ngực bà phập phồng.

Ông Malloy nói: “Anh đâu có bức bội em. Nhưng mà, em à... Chúa ơi, mình làm cái gì với bộ màn cửa? Mình đâu có cửa sổ.”

Bà Malloy khóc mãi khóc mãi, và Sam ôm bà trong vòng tay, an ủi bà.

Bà thốn thức: “Đàn ông cứ không hiểu cảm xúc của đàn bà. Đàn ông không bao giờ thử đặt họ vào chỗ của đàn bà.”

Và Sam nằm bên cạnh bà, xoa lưng bà một hồi lâu cho tới khi bà thiếp ngủ.

Chương 9

Khi xe của Doc về tới phòng thí nghiệm, Mack và đám choai choai bí mật nhìn Hazel giúp Doc mang mấy cái bao đựng sao biển vào nhà. Vài phút sau Hazel ướt át leo lên dốc gà về Biệt thự. Quần jeans của nó ướt nước biển lên tới đùi, chỗ nào khô thì có những vòng muối trắng. Nó ngồi phịch lên cái ghế bập bênh độc đáo của mình và lột đôi giày quần vọt ướt ra.

Mack hỏi: “Doc thế nào?”

Hazel nói: “Khỏe. Hồng hiểu nổi một chữ ổng nói. Biết ổng nói sao về mấy con bọt hôi không? Thôi... tui không nên kể cho anh làm gì.”

Mack hỏi: “Coi bộ ổng đang thân thiện chứ hả?”

Hazel nói: “Ừ, ổng với tui bắt hai, ba trăm con sao biển. ổng làng nhàng.”

Mack tự hỏi: “Tao hồng biết cả đám tụi mình có nên qua đó hết không?” rồi gã tự trả lời, “Thôi, tao nghĩ tốt hơn tao nên đi một mình. ổng có thể lúng túng nếu tất cả bọn mình cùng qua đó.”

Hazel hỏi: “Chuyện gì vậy?”

Mack nói: “Tao có mấy chuyện định làm. Tao đi một mình để khỏi làm ổng giật mình. Tụi bay ở đây đợi. Tao quay lại liền.”

Mack đi ra, lão đảo xuống dốc gà rồi băng qua đường ray. Ông Malloy đang ngồi trên cục gạch trước nôi sụp de của ông.

Mack hỏi: “Khỏe không, Sam?”

“Kha khá.”

“Bà nhà sao?”

Ông Malloy nói: “Kha khá, anh biết thứ keo nào dán vải lên sắt không?”

Bình thường Mack sẽ nhào đầu vô vắn nạn này, nhưng bây giờ gã không muốn bị đãng trí. Gã nói: “Không.”

Gã đi xuyên qua lô đất trống, băng qua đường rồi vào tầng hầm của phòng thí nghiệm.

Lúc này Doc đã cắt mũ vì bây giờ đầu ông khó có thể bị ướt trừ phi ống nước vỡ. Ông đang bận lấy sao biển ra khỏi mấy cái bao ướt và sắp xếp chúng trên sàn bê tông mát lạnh. Sao biển vắn vẹo và thắt nút, vì chúng thích bám vào một vật khác và trong cả tiếng đồng hồ mấy con này chỉ tìm thấy nhau. Doc xếp chúng thành những hàng dài, và chúng duỗi thẳng ra rất chậm cho tới khi thành những ngôi sao cân đối trên sàn bê tông. Chòm râu dê màu nâu của Doc đầm mồ hôi lúc ông làm việc. Ông hơi e ngại ngược lên khi Mack vào. Ngại không phải vì rắc rối luôn luôn đi kèm với Mack, mà là cái gì đó chưa rõ sẽ luôn luôn vào theo với gã.

Mack nói: “*Phẻ* chứ, Doc?”

Doc bút rút nói: “Khỏe.”

“Nghe vụ Phyllis Mae đăng Cờ Gấu chưa? Cô nàng uỳnh một

thằng say, răng của nó găm vô nắm đấm làm nhiễm trùng tới tận cùi chỏ. Cô ả cho tui coi cái răng gãy khỏi bộ hàm giả. Răng giả có độc không, Doc?”

Doc cảnh cáo: “Tôi nghĩ mọi thứ từ miệng người ra đều độc. Cô ả đi bác sĩ chưa?”

Mack nói: “Ông bảo vệ chữa cho cô ả.”

Doc nói: “Tôi sẽ đem cho cô ả ít thuốc sát trùng,” rồi ông đợi đông bão tới. Ông biết Mack đến vì chuyện khác, và Mack biết ông biết.

Mack nói: “Doc, hồi này ông có cần bất kỳ loại thú nào không?”

Doc thở dài nhẹ nhõm. Ông dè dặt hỏi: “Sao?”

Mack trở nên cởi mở và tâm sự: “Cho ông biết nè, Doc. Tui với tụi nhỏ cần kiếm ít tiền... tụi tui cần vậy thôi. Vì mục đích tốt, ông có thể nói là có lý do chính đáng.”

“Vì cánh tay của Phyllis Mae à?”

Mack chup cơ hội, cân nhắc, rồi bỏ. Gã nói: “Ồ... không. Quan trọng hơn. Gái làng chơi đâu có dễ chết. Không... chuyện khác. Tui với tụi nhỏ nghĩ nếu ông cần gì thì tui tui sẽ tìm cho ông, như vậy tui tôi có thể kiếm chút bạc lẻ.”

Chuyện hình như đơn giản và vô tội. Doc xếp thêm bốn con sao biển vào hàng. Ông nói: “Tôi có thể lấy ba, bốn trăm con ếch. Tôi định tự đi bắt nhưng tối nay tôi phải xuống La Jolla. Ngày mai thủy triều thuận lợi, tôi cần bắt bạch tuộc.”

Mack hỏi: “Ếch cũng giá cũ chứ? Năm xu một con?”

Doc nói: “Giá cũ.”

Mack vui mừng. Gã nói: “Ông đừng lo về mấy con ếch, Doc. Tui tui sẽ bắt đủ số ếch ông muốn. Ông cứ yên tâm về mấy con ếch. Vì tui tui có thể bắt ngay trên sông Carmel. Tui biết chỗ.”

Doc nói: “Tốt, tôi sẽ lấy hết số ếch anh bắt được, nhưng tôi cần độ ba trăm con.”

“Cứ yên trí, Doc. Đừng mất ngủ vì chuyện đó. Ông sẽ có ếch, có thể bảy, tám trăm con.” Mack làm Doc yên tâm về mấy con ếch, rồi mặt gã hơi sa sầm. Gã nói: “Doc, tui mượn xe ông lên thung lũng được không?”

Doc nói: “Không, tôi nói rồi. Tôi phải lái đi La Jolla tối nay để kịp thủy triều ngày mai.”

Mack thất vọng nói: “Ồ, ồ. Ôi dào, đừng lo chuyện đó, Doc. Tui tui có thể xài chiếc xe tải cũ của Lee Chong.” Rồi mặt gã hơi xụ xuống thêm. Gã nói: “Doc, trong một vụ làm ăn như vậy, ông có thể đưa trước hai, ba đô tiền xăng không? Tui biết Lee Chong sẽ không cấp xăng cho tui tui.”

Doc nói: “Không.” Trước kia ông đã sập bẫy trò này. Một lần ông chi tiền cho Gay đi bắt rùa. Ông chi cho hắn đi hai tuần. Cuối thời hạn đó Gay vô khám vì vợ hắn đi thưa, còn hắn thì chưa bao giờ đi bắt rùa.

Mack rầu rĩ nói: “Ồ, vậy thì có thể tui tui hổng đi được.”

Bây giờ Doc thật sự cần ếch. Ông cố tìm cách để đây là chuyện làm ăn chứ không phải là làm từ thiện. Ông nói: “Thế này, tôi đưa anh tờ giấy nhả trạm xăng tôi quen đổ cho anh 40 lít

xăng. Như vậy được không?”

Mack mỉm cười nói: “Được, như vậy cũng được. Tui với tui nhỏ sáng mai sẽ khởi hành sớm. Khi ông từ phía nam về thì tui tui sẽ có lũ ếch chết tiệt nhiều chưa từng thấy cho ông coi.”

Doc đi tới bàn làm nhãn, viết giấy cho Red Williams ở trạm xăng, yêu cầu cấp 40 lít xăng cho Mack. Ông nói: “Đây”.

Mack cười toe toét. Gã nói: “Doc, tối nay ông có thể ngủ, khỏi cần nghĩ ngợi tới ếch nhái. Tui tui sẽ có ếch đầy mấy cái xô lúc ông về tới.”

Doc nhìn gã đi ra với một chút băn khoăn. Giao dịch giữa Doc với Mack và đám choai choai luôn luôn thú vị, nhưng hiếm khi đem lợi nhuận lại cho Doc. Ông rầu rĩ nhớ lần Mack bán cho ông 15 con mèo đực, để rồi tới tối những người chủ mèo đến lấy lại từng con. Ông hỏi: “Mack, tại sao toàn là mèo đực?”

Mack nói: “Doc, đó là mèo riêng của tui, nhưng tui cho ông biết vì ông là bạn tốt. Ông làm cái bẫy lớn bằng dây kẽm rồi khỏi cần dùng mồi. Ông dùng... Ôi dào... Ông dùng một chị mèo cái. Tóm hết không còn một con mèo đực khốn khiếp nào trong vùng bằng cách đó.”

Ra khỏi phòng thí nghiệm, Mack băng qua đường, đi qua cánh cửa lưới có thể bật ra cả hai phía của tiệm tạp hóa Lee Chong. Bà Lee đang thái thịt lợn muối xông khói trên tấm thớt lớn. Một đứa nhà Lee nâng niu làm đẹp mấy đầu bắp cải hơi héo giống như đứa con gái nâng niu một lợn tóc quăn lòng thòng. Một con mèo nằm ngủ trên đồng cam. Lee Chong đứng ở chỗ thường lệ của ông phía sau quầy xì gà, trước hàng kệ rượu.

Ngón tay ông đang gõ nhẹ trên tấm cao su thối tiền trở nên hơi dồn dập khi Mack bước vào.

Mack không phí thời giờ vào trận. Gã nói: “Lee, Doc bên đó gặp khó khăn. Ông nhận đơn đặt hàng rất nhiều ếch cho Viện bảo tàng New York. Quan trọng lắm đối với Doc. Ngoài tiền ra còn phải tin cậy lắm mới có được đơn đặt hàng như vậy. Doc phải đi xuống phía nam, tui với tui nhóc nhận sẽ giúp ông. Tui nghĩ bạn bè nên giúp nhau qua cơn khó khăn khi mình giúp được, nhất là với một người tử tế như Doc. Nè tui dám chắc mỗi tháng ông mua của ông sáu, bảy chục đô.”

Lee Chong vẫn im lặng và cảnh giác. Ngón tay bụ bẫm của ông hầu như không di chuyển trên tấm cao su thối tiền, nhưng nó giật nhẹ như cái đuôi con mèo đang căng thẳng.

Mack vô đề: “Ông cho tui tui lấy chiếc xe tải cũ của ông lên thung lũng Carmel bắt ếch cho Doc... cho ông bạn Doc chứ?”

Lee Chong mỉm cười đắc thắng. Ông nói: “Xe hồng chạy *lố*. Hư *gồi*.”

Điều này làm Mack chơi với trong tích tắc, nhưng gã gượng lại. Gã xòe tấm giấy cấp xăng lên mặt quây xì gà. Gã nói: “Coi nè! Doc cần ếch. Ông đưa tui tờ giấy cấp xăng này để đi bắt ếch. Tui hồng thể để Doc thất vọng được. Nè, Gay là thợ máy giỏi. Nếu nó sửa chiếc xe tải của ông ngon lành thì ông cho tui tui lấy xe chứ?”

Lee ngửa đầu để có thể nhìn Mack qua mắt kính bán nguyệt. Đề nghị này hình như không có gì trục trặc. Chiếc xe tải thật sự không chạy. Gay đúng là thợ máy giỏi, và giấy cấp xăng rõ ràng

là bằng chứng đáng tin cậy.

Lee hỏi: “Chú đi bao lâu?”

“Có thể nửa ngày, có thể nguyên ngày. Tối khi tui tui bắt xong ếch thì thôi.”

Lee lo lắng, nhưng ông không thấy cách nào tránh né được. Mọi rủi ro hiện ra ngay đó, và Lee biết hết. Lee nói: “Okay.”

Mack nói: “Tốt lắm, tui biết Doc có thể trông cậy ông. Tôi sẽ biểu Gay sửa chiếc xe tải đó liền.” Gã quay lưng định đi. “VẬY nè, Doc trả tui tui năm xu một con cho mớ ếch đó. Tui tui sẽ bắt bảy, tám trăm con. Tui lấy trước nửa lít Giày Quần Vợt Cũ cho tối khi tui tui đem ếch về được không?”

Lee Chong nói: “Không!”

Chương 10

Frankie lần đầu tới Phòng Sinh Vật Miền Tây lúc nó mười một tuổi. Trong khoảng một tuần nó cứ đứng ngoài cửa tầng hầm và nhìn vào trong. Rồi một hôm nó đứng trong cửa. Mười ngày sau nó vào tầng hầm. Mắt nó rất to, và tóc nó là một mớ đen bần bù xù như dây kẽm. Bàn tay nó lem luốc. Nó nhặt một miếng dăm bào bỏ vô thùng rác, rồi nhìn Doc đang dán nhãn mấy chai mẫu sữa tím. Cuối cùng Frankie tới cái bàn dài, nó đặt mấy ngón tay bần lên bàn. Mất ba tuần Frankie mới tiến tới đó, và nó sẵn sàng bỏ chạy ngay lập tức.

Rốt cuộc một hôm Doc nói với nó: “Con tên gì?”

“Frankie.”

“Con ở đâu?”

“Trên đó,” ra hiệu phía trên đồi.

“Sao con không đi học?”

“Con không đi học.”

“Tại sao không?”

“Ở trường người ta không muốn con tới.”

“Tay con bần. Con không bao giờ rửa tay à?”

Frankie có vẻ sững sốt, rồi nó đi tới bồn nước kỳ cọ hai bàn tay, và từ đó về sau mỗi ngày nó kỳ cọ bàn tay tới mức gần như

lột da.

Và mỗi ngày nó đến phòng thí nghiệm. Mỗi giao kết đó không nhiều lời. Doc gọi điện thoại kiểm chứng và biết Frankie nói đúng. Ở trường họ không muốn có nó. Frankie không học được, và khả năng phối hợp tay chân của nó có điều gì hơi bất ổn. Trường học không có chỗ cho nó. Nó không khờ, không nguy hiểm, cha mẹ nó, hay cha, hay mẹ, sẽ không trả tiền để giữ nó trong viện tâm thần. Frankie ít khi ngủ trong phòng thí nghiệm, nhưng ban ngày nó ở đó. Đôi khi nó bò vào ngủ trong thùng dăm bào. Chắc lúc đó ở nhà có chuyện lộn xộn.

Doc hỏi: “Sao con tới đây?”

Frankie nói: “Vì ông không đánh cũng không cho con năm xu.”

“Ở nhà họ đánh con à?”

“Ở nhà lúc nào cũng có mấy chú. Có chú đánh con rồi bảo con đi ra, có chú cho con năm xu rồi bảo con đi ra.”

“Ba con đâu?”

Frankie nói mơ hồ: “Chết.”

“Má con đâu?”

“Ở với mấy chú.”

Doc cắt tóc cho Frankie và diệt hết chí rận. Ông mua của Lee Chong cho nó bộ áo liền quần mới cùng cái áo len sọc, và Frankie trở thành nô lệ của ông.

Một buổi chiều nó nói: “Con thương ông. Ồ, con thương ông.”

Nó muốn làm việc trong phòng thí nghiệm. Nó quét phòng

mỗi ngày, nhưng có điều gì hơi bất ổn. Nó không thể quét sàn cho sạch. Nó cố giúp xếp loại tôm bùn theo kích thước. Tôm trong chậu, đủ loại cỡ. Chúng phải được phân loại vào mấy cái chảo lớn - chảo đã được bày ra - loại 7cm với nhau, loại 10cm với nhau, vân vân. Frankie gắng làm và toát mồ hôi trán, nhưng nó không làm được. Nó không hiểu kích thước lớn nhỏ.

Doc sẽ nói: “Đừng. Coi nè, Frankie. Để nó kể bên ngón tay con như vậy thì con sẽ biết con nào dài bằng này. Thấy chưa? Con này dài từ đầu ngón tay của con tới cuối ngón cái. Bây giờ con nhặt một con khác dài từ đầu ngón tay con xuống tới đúng chỗ đó là đúng.” Frankie cố gắng và nó làm không được. Khi Doc lên lầu, Frankie bò vào thùng dăm bào và cả buổi chiều không mò ra.

Nhưng Frankie là thằng nhỏ xinh xắn, tốt bụng, tử tế. Nó học châm xì gà cho Doc và nó muốn Doc hút liên tục để nó được châm điếu xì gà.

Frankie thích nhất là khi trên lầu phòng thí nghiệm có tiệc. Khi các cô và các ông ngồi lại nói chuyện, khi cái máy hát lớn chơi nhạc làm bụng nó đập rộn ràng và trong đầu nó chập chờn những hình ảnh đẹp khổng lồ, Frankie thích lắm. Khi ấy nó nép xuống một góc phía sau ghế, ở chỗ khuất đó nó có thể nghe và nhìn. Khi có tiếng cười vì một câu đùa mà nó không hiểu, Frankie cười sung sướng phía sau ghế, và khi họ nói tới những điều trừu tượng thì lông mày nó nhíu lại, nó trở nên chăm chú và nghiêm nghị.

Một buổi chiều nó làm một điều liều lĩnh. Bên phòng thí

nghiệm có bữa tiệc nhỏ. Frankie đến bên cạnh Doc lúc ông đang rót bia trong bếp. Frankie vớ một ly bia rồi chạy qua cửa đưa cho một cô ngồi trên cái ghế lớn.

Cô cầm ly và nói: “Ồ, cảm ơn cháu,” và cô mỉm cười với nó.

Doc tiến qua cửa nói: “Ừ, Frankie giúp tôi nhiều lắm.”

Frankie không thể nào quên vụ đó. Nó diễn đi diễn lại sự việc trong đầu, cách nó lấy cái ly, cách cô gái ngồi rồi giọng cô nói... “Ồ, cảm ơn cháu...”, và Doc nói “giúp tôi nhiều lắm... Frankie giúp tôi nhiều lắm... đúng Frankie giúp nhiều lắm... Frankie”, và ồ Chúa ơi!

Nó biết sắp có tiệc lớn vì Doc mua bút tết và rất nhiều bia, Doc để cho nó giúp dọn dẹp toàn bộ trên lầu. Nhưng việc đó không đáng kể, vì trong đầu Frankie đã có dự tính lớn và nó có thể hình dung sự việc sẽ như thế nào. Nó cứ ôn đi ôn lại dự tính của mình. Thật hay. Thật hoàn hảo.

Rồi tiệc bắt đầu, người ta đến ngồi trong phòng phía trước, các cô, các bà trẻ và các ông.

Frankie phải đợi tới khi trong bếp chỉ còn một mình nó và cửa đóng. Một lúc lâu sau nó mới được như ý. Cuối cùng chỉ còn một mình nó và cửa đóng. Nó nghe tiếng nói chuyện và nhạc từ cái máy hát lớn. Nó làm rất êm - trước tiên là cái mâm - rồi lấy mấy cái ly ra mà không làm vỡ cái nào. Rồi rót bia vào mấy cái ly, để bọt lắng xuống một chút, rồi lại rót cho đầy ly.

Bây giờ nó sẵn sàng. Nó hít một hơi dài và mở cửa. Nhạc và tiếng nói chuyện âm ỉ quanh nó. Frankie bưng mâm bia lên và đi qua cửa. Nó biết cách. Nó đi thẳng tới cô hôm trước đã cảm

ơn nó. Và ngay trước mặt cô, sự việc xảy ra, phối hợp không đồng bộ, hai tay lóng ngóng, bắp thịt hoảng loạn, thần kinh đánh điện về tổng đài đã chết, không thấy trả lời. Mâm và bia đổ nhào tới phía trước lên đùi cô gái. Frankie đứng sững trong chốc lát. Rồi nó quay lưng chạy.

Căn phòng lặng yên. Họ có thể nghe nó chạy xuống thang, vào tầng hầm. Họ nghe tiếng lạo xạo sâu lắng... rồi lặng im.

Doc bước nhẹ xuống thang rồi vào tầng hầm. Frankie rúc sâu tới tận đáy thùng dăm bào, đóng dăm bào phủ lên nó. Doc nghe nó thút thít trong đó. Doc đợi một lát, rồi ông lặng lẽ quay lên lầu.

Ông chẳng làm gì được.

Chương 11

Chiếc xe vận tải Ford Model T của Lee Chong có một tiểu sử đáng kể. Năm 1923 nó là xe chở khách của bác sĩ W. T. Waters. Ông dùng nó năm năm rồi bán cho ông bán bảo hiểm tên Rattle. Ông Rattle không phải là người cẩn thận. Chiếc xe ông mua trong tình trạng sạch sẽ còn tốt, ông lái nó như điên. Tối thứ Bảy nào ông Rattle cũng nhậu, và chiếc xe chịu đòn. Thanh chắn bị gãy và cong. Ông cũng là kẻ vừa lái xe vừa đạp thắng, và bộ dây đai phải bị thay thường xuyên. Khi ông Rattle biến thủ tiền của khách mua bảo hiểm rồi trốn tới San José, ông bị bắt cùng với một cô tóc vàng búi cao và mười ngày sau bị kết án tù.

Xác chiếc xe bầm dập tới nỗi người chủ kế tiếp cửa đôi nó ra và gắn thùng xe tải nhỏ vào.

Người chủ kế tiếp gỡ phía trước của buồng lái và kính chắn gió. Ông ta dùng xe để chở cá mực và thích gió mát thổi vào mặt ông. Tên ông là Francis Almones, và đời ông buồn, vì tiền ông kiếm được luôn luôn hơi ít hơn số ông cần để sống. Người cha để lại cho ông một món tiền nhỏ, nhưng năm này qua tháng nọ, bất kể Francis làm việc chăm chỉ hay cẩn thận thế nào, tiền càng lúc càng ít cho tới khi ông cạn kiệt và vỡ nợ.

Lee Chong lấy chiếc xe tải thay cho món nợ hàng hóa.

Lúc này chiếc xe tải không hơn gì bốn bánh xe và bộ máy, mà

bộ máy ương ngành hay gỡ chướng và già nua tới nỗi nó cần chuyên viên chăm sóc và chiếu cố. Lee Chong không chăm sóc và chiếu cố nó, kết quả là chiếc xe tải cứ nằm miết giữa đám cỏ cao phía sau tiệm tạp hóa để bụi cỏ quỳ mọc xuyên qua nan hoa bánh xe. Hai bánh sau của nó còn tốt, còn hai bánh trước kê lên cao khỏi mặt đất trên khúc gỗ.

Có lẽ bất cứ đứa nào ở Biệt thự Lữ thú cũng có thể sửa cho chiếc xe tải chạy, vì họ đều là thợ máy lành nghề, nhưng Gay là thợ máy đầy sáng tạo. Ngành cơ khí không có chữ nào tương đương với chữ “có tay làm vườn” như trong nghề nông để áp dụng cho một tay thợ máy như vậy, nhưng lẽ ra nên có. Vì có người có thể nhìn, nghe, vỗ, điều chỉnh, là máy chạy. Thật vậy có kẻ chỉ cần ở gần chiếc xe là nó chạy tốt hơn. Và Gay là một kẻ như thế. Mấy ngón tay hằn trên vít đánh lửa hay con ốc điều chỉnh bộ chế hòa khí rất nhẹ nhàng, khéo léo và tự tin. Hắn có thể sửa cái máy điện tinh vi trong phòng thí nghiệm. Hắn có thể có việc làm ở nhà máy đóng hộp bất cứ lúc nào hắn muốn, vì trong kỹ nghệ đó máy móc bị coi nhẹ so với báo cáo tài chính, vì nếu mỗi năm mà tiền lời không đem về được toàn bộ số vốn đầu tư thì sẽ bị trách cứ gay gắt. Thật vậy, nếu có thể đóng hộp cá mòi bằng cuốn sổ kế toán thì chủ nhân sẽ rất hài lòng. Vì vậy họ dùng máy móc hư nát, cũ kỹ dễ sợ tới nỗi cần sự chăm sóc liên tục của một người như Gay.

Mack dựng đám choai choai dậy sớm. Họ uống cà phê rồi lập tức qua coi chiếc xe tải giữa đám cỏ dại. Gay chỉ huy. Hắn đá hai bánh xe phía trước đang kê trên khúc gỗ và nói: “Đi mượn cái

bơm rồi bơm nó lên.” Rồi hắn thò cây que vào thùng xăng dưới tấm ván dùng làm ghế ngồi. Nhờ phép lạ trong thùng còn nửa đốt ngón tay xăng. Bây giờ Gay xem xét những chỗ có thể gay go nhất. Hắn gỡ hộp đánh lửa, cạo các chấu, điều chỉnh khoảng hở, rồi gắn lại. Hắn mở bộ chế hòa khí để xem xăng có vào không. Hắn quay máy để xem bộ trục không bị kẹt cứng và pít tông không bị gỉ sét trong xilanh.

Trong khi đó cái bơm về tới, Eddie và Jones thay phiên nhau bơm bánh xe.

Gay vừa làm vừa ngân nga: “Ồ e í e”. Hắn tháo các bugi, cạo sạch chấu và moi than ra. Rồi Gay rút một chút xăng vào cái lon và đổ một ít vào mỗi xilanh trước khi gắn bugi lại. Hắn đứng thẳng lên nói: “Mình cần hai cục pin. Đi coi Lee Chong có chịu đưa không.”

Mack đi và trở lại gần như ngay lập tức với tiếng “Không” bao quát mà Lee Chong dự tính sẽ dùng để trả lời cho tất cả các yêu cầu trong tương lai.

Gay dăm dăm suy nghĩ: “Tao biết chỗ có hai cục pin... còn khá tốt nữa, nhưng mà tao không đi lấy.”

Mack hỏi: “Ở đâu?”

Gay nói: “Dưới tầng hầm nhà tao. Pin của chuông cửa trước. Nếu đứa nào trong đám tụi bay muốn thử lén vô tầng hầm nhà tao mà đừng để vợ tao thấy, thì pin nằm trên đầu xà ngang bên tay trái lúc mày bước vô. Nhưng Chúa ơi, đừng để vợ tao tóm được mày.”

Hội nghị cử Eddie đi, và hắn lên đường.

Gay gọi với theo hần: “Nếu mày bị tóm thì đừng nhắc tới tên tao.” Trong khi đó Gay thử mấy dây đai. Bàn đạp đổi số nhanh - chậm chưa chạm sát sàn xe vì thế hần biết dây đai còn hơi căng. Bàn đạp thắng đã chạm sàn xe vì thế không có thắng, nhưng bàn đạp khởi động số de còn dây đai rất tốt. Trên chiếc Ford Model T, số de là bộ phận an toàn dự phòng. Khi thắng đã mòn hết, ta có thể dùng số de để thắng. Và khi dây đai số nhỏ mòn quá không kéo nổi lên đôi dốc thì ta có thể quay đầu xe rồi de lên. Gay thấy dây đai số de còn khá căng, hần biết mọi chuyện đều êm thấm.

Điểm lành là Eddie mang pin về mà không gặp rắc rối. Bà Gay trong bếp. Eddie nghe tiếng bà ta đi qua đi lại, nhưng bà ta không nghe thấy Eddie. Hần rất giỏi trong những việc như vậy.

Gay nối pin, nhồi ga và nhả cần đánh lửa. Hần nói: “Quay đi nó.”

Hần đúng là thần thông. Gay: người thợ máy hèn mọn của Chúa, Thánh Francis của mọi thứ quay và vặn và nổ, Thánh Francis của cuộn dây điện, đinamô và bánh xe răng. Và nếu khi nào đồng xe Dusenber, Buick, De Soto và Plymouth, American Austin và Isotta-Fraschini cộc cạch sút càng gãy gọng đồng thanh ca ngợi Chúa, chắc hẳn phần lớn là nhờ Gay và anh em đồng bọn của hần.

Một cái quay - một cái quay nhẹ, máy nổ rồi ì ạch rồi đuối rồi nổ lại. Gay tăng điểm đánh lửa và bớt xăng. Hần đổi qua man-hê-tô, và chiếc Ford của Lee Chong khục khặc, lúc lắc và lóc cóc một cách vui vẻ, như thể nó biết mình đang làm việc cho

một kẻ mền và hiểu nó.

Chiếc xe tải có hai trở ngại nhỏ về mặt pháp lý: nó không có biển số đăng ký năm nay và không có đèn. Nhưng bọn choai choai treo cái giẻ làm như tình cờ che mất hẳn biển số phía sau để giấu tính chất cổ lỗ sĩ của nó, và đắp một lớp bùn khá dày lên biển số phía trước. Dụng cụ cho cuộc hành trình chỉ sơ sài: vài cây vợt lưới cán dài để vợt ếch và mấy bao đay. Dân thành phố đi sẵn để giải trí chờ theo cả đồng thức ăn và rượu, nhưng Mack thì không. Gã biết chắc rằng thức ăn từ nông thôn mà ra. Hai ổ bánh mì và chỗ rượu còn lại trong bình rượu vang đủ loại của Eddie là toàn bộ tiếp liệu. Cả đoàn leo lên chiếc xe tải - Gay lái và Mack ngồi bên cạnh. Họ nảy tung tung vòng qua góc tiệm của Lee Chong, xuống lô đất, len lỏi giữa mấy cái thùng tôn. Ông Malloy ngồi trên ghế bên cạnh nôi sụp de vẫy họ. Gay lượn chéo vỉa hè và nhè nhẹ xuống khỏi lề đường vì hai bánh trước đã mòn thấy vải. Với tất cả sự nhanh nhẩu, họ khởi hành lúc trời chiều.

Chiếc xe tải lượn vào trạm xăng của Red Williams. Mack bước ra đưa tờ giấy cho Red. Gã nói: “Doc hơi kẹt tiền lẻ. Vì vậy ông đổ 20 lít rồi cứ đưa tui tui một đô thay vì đổ thêm 20 lít nữa, Doc muốn như vậy mà. Ông biết không, ông phải xuống phía nam. Có hợp đồng lớn dưới đó.”

Red mỉm cười rộng lượng. Ông nói: “Mack, chú mày biết không, Doc chắc đã thấy có lỗi hử kiểu nào đó, ông ấn ngón tay vô bít đúng cái lỗ chú mày thấy. Doc là anh chàng rất sáng dạ. Vì vậy tối hôm qua ông điện thoại cho tao rồi.”

Mack nói: “Đổ hết 40 lít. Đừng... khoan. Nó sẽ sóng sánh rồi tràn. Đổ 20 lít rồi đưa tui tui một thùng 20 lít... loại thùng có nắp đậy chặt.”

Red mỉm cười vui vẻ. Ông nói: “Coi bộ Doc cũng thấy cái lỗ đó rồi.”

Mack nói: “Đổ 40 lít. Đừng để sót lại chút nào trong vòi bơm đó nhé.”

Đoàn lữ hành nhỏ không đi qua trung tâm Monterey. Tế nhị vì biển số và đèn xe khiến Gay chọn đi ngõ hẻm. Sẽ tới lúc họ lên đồi Carmel và xuống thung lũng, khoảng bốn dặm trên lộ chính, phơi bày trước bất kỳ anh cớm nào tình cờ ở đó cho tới khi quẹo lên đường Carmel Valley gần như không ai lai vãng.

Gay chọn đường hẻm đưa họ ra lộ chính ở ngõ Peter's Gate ngay trước khi lên dốc đồi Carmel. Gay chạy lách cách rầm rĩ tới đồi, rồi trong vòng 50 mét hấn đổi qua dây đai số nhỏ. Hấn biết sẽ không xong, dây đai mòn còn mỏng quá. Trên chỗ bằng phẳng thì được nhưng lên đồi thì không. Hấn ngừng, quay đầu chiếc xe tải lại, hướng nó xuống dốc đồi. Rồi hấn rồ ga và sang số de. Dây đai số de chưa mòn. Chiếc xe tải bò đều đều chậm chậm, de ngược lên đồi Carmel.

Họ lên gần hết dốc. Thùng nước làm nguội sôi sùng sục, dĩ nhiên, nhưng phần lớn chuyên viên Model T tin rằng xe chạy không tốt nếu nó không sôi.

Ai đó nên viết một bài luận văn uyên bác về ảnh hưởng trên mặt đạo đức, vật chất và thẩm mỹ của xe Ford Model T đối với nước Mỹ. Hai thế hệ dân Mỹ biết rõ về cuộn dây điện của xe Ford

hơn là về âm vật, về hệ thống quay bánh răng hộp số hơn là Thái Dương hệ. Đối với Model T, khái niệm về tài sản riêng phần nào biến mất. Cây kim không còn là sở hữu của riêng ai, và cái bơm bánh xe thuộc về người cuối cùng nhặt nó. Hầu hết trẻ em thời đó được thụ thai trong chiếc Ford Model T và không ít sinh ra trong xe. Lý thuyết về tổ ấm Anglo Saxon trở nên méo mó tới nỗi nó không bao giờ tròn trịa hẳn lại.

Chiếc xe tải de vững vàng lên đồi Carmel, nó đã qua khỏi ngõ Jack's Peak, và đúng lúc tới chỗ dốc nhất cuối cùng thì máy xe nghệt thở, ực ực, và chết nghẹn. Vạn vật hình như rất im lặng khi máy ngưng nổ. Dù sao mũi xe cũng đang hướng xuống dốc, Gay thả dốc 15 mét rồi rẽ vào đầu ngõ Jack's Peak.

Mack hỏi: "Gì vậy?"

Gay nói: "Tao nghĩ là bộ chế hòa khí." Máy xe xèo xèo và cọt két vì nóng, hơi nước xì qua ống tràn nghe như tiếng cá sấu rít.

Bộ chế hòa khí của Model T không phức tạp nhưng nó cần đầy đủ mọi bộ phận mới vận hành. Nó có cái van kim, và đầu nhọn cây kim phải dính liền với thân kim và phải nằm trong lỗ van nếu không bộ chế hòa khí không hoạt động.

Gay cầm cây kim trong tay và đầu nhọn bị gãy. Hắn hỏi: "Quý thần ơi, mày nghĩ làm sao mà nó gãy như vậy?"

Mack nói: "Bùa phép, rõ ràng là bị bùa. Mày sửa được chứ?"

Gay nói: "Sửa cái đồ quỷ. Phải kiếm cái khác."

"Giá nó bao nhiêu?"

"Chừng một đô nếu mày mua cái mới... 25 xu ở nghĩa địa xe."

Mack hỏi: “Mày có một đô?”

“Có, nhưng tao không cầm tiền.”

“Ôi dào, về lẹ chừng nào hay chừng nấy nhe mày. Tụi tao cứ ở ngay đây thôi.”

Gay nói: “Dù sao thì tụi mày cũng hông trốn đi đâu được mà hông có cây kim van.” Hắn bước ra đường. Hắn giơ tay xin ba xe cho đi nhờ trước khi có một chiếc dừng lại chở hắn. Đám choai choai nhìn hắn leo lên xe rồi xuống đồi. Một trăm tám chục ngày nữa bọn họ mới gặp lại hắn.

Ồ, khả năng vô tận của sự đời! Làm sao mà tình cờ chiếc xe cho Gay đi nhờ lại có thể hông trước khi vào tới Monterey? Nếu Gay không là thợ máy, hắn đã không sửa chiếc xe. Nếu hắn không sửa được xe thì chủ xe đã không đưa hắn tới nhậu ở quán của Jimmy Brucia. Và tại sao hôm đó lại là sinh nhật của Jimmy? Trong mọi thứ có thể xảy ra trên trái đất - hàng triệu thứ - thì sự cố lại dẫn tới nhà tù Salinas. Enea Nổ và Colletti Nhí đã giải hòa và giúp Jimmy mừng sinh nhật. Cô gái tóc vàng bước vào. Cãi nhau về nhạc trước cái máy hát bỏ tiền. Đứa bạn mới của Gay biết một cú vật nhu đạo và định khoe với Nổ, rồi làm gãy cổ tay nó khi vật sai. Anh cảnh sát đang hậm hực trong bụng - mọi chi tiết chẳng liên can dính dáng gì, nhưng tất cả đi về một hướng, số phận không muốn cho Gay tiếp tục đi săn ếch, và số phận tạo ra một đồng quái quỷ những rắc rối, nhân vật và tai nạn để ngăn chặn hắn. Điểm điểm cuối cùng là tủ giày phía trước của tiệm Holman vỡ toang, và trong cả bọn thử giày trong tủ bày hàng lại chỉ có một mình Gay không nghe tiếng còi cứu

hỏa. Một mình Gay không tới đám cháy, và khi cảnh sát đến họ thấy chỉ một mình hắn đang ngồi trong tủ kính tiệm Holman một chân xỏ chiếc giày thấp cổ màu nâu và chân kia một chiếc giày diện bằng da đắt tiền bên trên may vải xám.

Quay lại chuyện chiếc xe tải, đám choai choai nhóm lửa khi trời tối và hơi lạnh giá buốt từ biển mon men lên. Hàng thông trên đầu họ rì rào với gió biển trong lành. Bọn họ nằm trên lá thông và nhìn lên bầu trời hiu quạnh qua những cành thông. Họ nói một hồi về những khó khăn Gay chắc phải gặp để kiếm được cây kim van, rồi dần dần thời gian trôi qua họ không nhắc tới hắn nữa.

Mack nói: “Đáng lẽ có đứa nên đi với nó.”

Khoảng 10 giờ Eddie ngồi dậy. Hắn nói: “Trên đồi có khu trại của thợ xây cất, tao tính lên coi tụi nó có chiếc Model T nào không.”

Chương 12

Monterey là thành phố có truyền thống văn học rực rỡ và lâu đời. Người ta hài lòng và khá tự hào nhớ rằng Robert Louis Stevenson* đã sống ở đó. *Đảo Kho Tàng* chắc chắn có địa thế và hình thể bờ biển như Pt. Lobos*. Dạo gần đây ở Carmel có rất đông văn nhân lai vãng, nhưng không còn phong vị xưa, phẩm cách xưa của văn chương đích thực. Hồi trước có lần thị trấn nổi cơn thịnh nộ vì dân phố cho là có một tác giả bị xem thường. Vụ đó hẳn phải liên quan tới cái chết của Josh Billings*, một nhà văn hài hước vĩ đại.

Chỗ bây giờ là bưu điện mới, hồi trước là một khe sâu có nước chảy vào và phía trên có chiếc cầu nhỏ để đi bộ. Một bên khe là căn nhà cũ và đẹp xây bằng gạch sống, bên kia là nhà của ông bác sĩ săn sóc mọi thứ bệnh, sinh và tử trong thị trấn. Ông cũng chữa cho thú vật, và vì đã học bên Pháp, ông nhúng tay cả vào một nghề mới là tắm liệm xác trước khi chôn. Một số dân kỳ cựu xem việc này là sến súa, một số cho là lãng phí, và một số nghĩ là báng bổ vì chẳng có cuốn sách thánh nào đề cập tới. Nhưng các gia đình khá giả và giàu có dần dà chấp nhận, và nó có vẻ trở thành một mốt.

Một buổi sáng ông cụ Carriaga từ nhà trên đồi rảo bước xuống phố Alvarado. Cụ vừa mới băng qua chiếc cầu đi bộ thì

thấy một đứa bé trai và con chó đang gắng sức ra khỏi khe sâu. Đứa bé mang miếng gan trong khi con chó lôi hàng thuốc ruột dính lủng lẳng theo cái bao tử. Cự Carriaga dừng lại và lịch sự chào đứa bé: “Chào cháu.”

Hồi đó bọn con trai lễ phép: “Chào cụ”.

“Cháu đem gan đi đâu vậy?”

“Cháu băm làm mồi bắt cá thu.”

Cự Carriaga mỉm cười: “Còn con chó, nó cũng bắt cá thu à?”

“Con chó tìm thấy đấy. Của nó đó cụ. Bọn cháu tìm thấy trong khe.”

Cự Carriaga mỉm cười và tiếp tục đi dạo, rồi tâm trí cụ bắt đầu làm việc. Đó không phải là gan bò, nhỏ quá. Đó không phải là gan bê, đồ quá. Đó không phải là gan cừu... Bây giờ đầu cụ báo động. Cụ gặp ông Ryan ở góc đường.

Cụ hỏi: “Tối hôm qua ở Monterey có ai chết không?”

Ông Ryan nói: “Tôi không biết.”

“Có ai bị giết không?”

“Không.”

Họ cùng nhau đi tiếp, và cụ Carriaga kể việc đứa bé trai và con chó.

Ở quán Adobe Bar, dân phố tụ tập trò chuyện buổi sáng như thông lệ. Lúc đó cụ Carriaga kể câu chuyện của cụ lần nữa, và cụ vừa mới kể xong thì có anh cảnh sát bước vào Adobe. Anh ta phải biết có ai mới chết hay không. Anh nói: “Chẳng ai chết ở Monterey, nhưng Josh Billings chết ở Hotel del Monte*.”

Các ông trong quán im lặng. Trong đầu cả bọn nảy sinh cùng một ý nghĩ. Josh Billings là một vĩ nhân, một tác giả lớn. Ông đã vinh danh Monterey bằng cách chết ở đây và ông đã bị xúc phạm. Chẳng cần bàn bạc nhiều, họ thành lập một ủy ban gồm mọi người ở đó. Các ông nghiêm nghị bước nhanh tới khe sâu, băng qua chiếc cầu đi bộ, và họ nện cửa nhà bác sĩ, kẻ đã học bên Pháp.

Ông ta làm việc khuya. Tiếng gõ cửa lôi ông ra khỏi giường, tóc râu bù xù ra cửa trong bộ áo ngủ. Cụ Carriaga nghiêm nghị hỏi ông: “Ông liệm xác Josh Billings phải không?”

“Sao vậy... phải.”

“Ông làm gì với bộ ruột của ông ấy?”

“Sao vậy... tôi vớt xuống khe sâu, chỗ tôi vẫn hay vớt.”

Họ bắt ông mặc quần áo lập tức, và họ vội vàng xuống bãi biển. Nếu đưa bé đi làm việc của nó ngay thì họ đã quá trễ. Nó vừa mới lên ghe lúc ủy ban đến. Bộ ruột nằm trên cát chỗ con chó bỏ lại.

Khi ấy ông bác sĩ Tây bị bắt nhặt lại các mảnh vụn. Ông ta buộc phải thành khẩn rửa bộ ruột càng sạch cát càng tốt. Tự ông bác sĩ phải chịu tiền mua cái hộp chì bỏ vào quan tài của Josh Billings. Vì Monterey không phải là một thị trấn để văn nhân bị mất phẩm giá.

Chương 13

Mack và bọn choai choai ngủ yên bình trên lá thông. Eddie trở về trước bình minh. Hắn phải đi rất xa mới gặp một chiếc Model T. Và khi tìm thấy, hắn tự hỏi có nên lấy cây kim ra khỏi ổ hay không. Nó có thể không vừa. Vì thế hắn gỡ nguyên bộ chế hòa khí. Đám choai choai không trở mình thức giấc lúc hắn trở về. Hắn nằm xuống bên cạnh họ và ngủ dưới hàng thông. Model T có một điểm hay. Các bộ phận của nó không những hoán đổi được mà còn không thể nhận diện.

Từ dốc Carmel có thể thấy cảnh đẹp, những ngọn sóng sủi bọt trên vịnh cát uốn cong, vùng cồn cát bao quanh Seaside và ngay sát chân đồi là thị trấn ấm cúng thân tình.

Mack thức dậy lúc bình minh, phủi chỗ quần dính vào gã rồi đứng nhìn xuống vịnh. Gã thấy vài chiếc tàu lưới cá đang vào. Một chiếc tàu dầu đậu trước thị trấn Seaside, đang lấy dầu. Lũ thỏ cửa quây trong bụi rậm phía sau gã. Rồi mặt trời lên đuổi khí lạnh ban đêm ra khỏi không gian như ta giũ tấm thảm. Khi Mack cảm thấy hơi nắng ấm đầu tiên, gã rùng mình.

Bọn họ ăn một ít bánh mì trong lúc Eddie lắp bộ chế hòa khí mới. Khi xe sẵn sàng, họ chẳng buồn quay máy. Họ đẩy xe ra tới xa lộ và cài số lao xuống dốc cho tới khi máy nổ. Eddie lái, họ de xe ngược lên dốc, qua bên kia đỉnh đồi, quay đầu xe lại và lao

xuống qua xóm Hatton Fields. Trong thung lũng Carmel, ruộng atisô xanh mờ, hàng liễu sum sê dọc theo sông. Họ rẽ trái lên thung lũng. Vận may nở rộ tức thì. Một con gà trống đỏ hây lang thang quá xa sân của nó, băng ngang lộ, và Eddie đung nó mà không cần chạy quá xa lòng đường. Họ đi tiếp, Hazel ngồi phía sau xe tải nhổ lông gà và thả cho lông bay đi, phân tán chứng cứ xa vượt kỷ lục, vì ngọn gió thoảng ban mai từ xóm Jamesburg thổi xuống khiến một số lông gà đỏ được gửi lại Pt. Lobos và một số thậm chí bay ra tới biển.

Carmel là con sông nhỏ yêu kiều. Nó không dài lắm, nhưng nó có mọi thứ một con sông nên có dọc theo dòng chảy của nó. Bắt nguồn trên dãy núi, nó đổ xuống một hồi, chảy qua mấy chỗ nông, được xây đập để làm một cái hồ, nước tràn qua đập, róc rách giữa những tảng đá tròn, lơ dờ phiêu lãng dưới hàng ngô đồng, tràn vào vũng nơi cá hồi sống, ghé chạm bờ nơi tôm bùn sống. Mùa đông nó thành dòng nước xiết, thành con sông nhỏ dữ tợn gầm gừ, và mùa hè nó là chỗ cho trẻ con lội xuống và cho kẻ đi câu la cà vào.Ếch nhấp nháy trên bờ, và dương xỉ rậm rạp ven sông. Buổi sáng và chập tối, nai, cáo kín đáo tới uống nước, thỉnh thoảng một con beo núi nép sát mình xuống liếm nước sông. Các nông trại trong thung lũng nhỏ phì nhiêu lan tới tận dòng sông, lấy nước của nó tưới rau và vườn cây ăn trái. Chim cút kêu bên sông và bồ câu rừng đến gáy lúc hoàng hôn. Chồn chạy sát mép sông tìm ếch. Đó là mọi thứ một dòng sông nên có.

Ngược lên thung lũng vài dặm, dòng sông cắt vào dưới một

vách đá cao có cây leo và dương xỉ buông thông xuống. Dưới chân vách có vũng nước xanh và sâu, bên kia vũng có bãi cát nhỏ có thể ngồi nấu ăn.

Mack và đám choai choai hân hoan đi xuống bãi. Tuyệt hảo. Nếu có ếch thì chúng sẽ ở đó. Đây là một nơi để nghỉ ngơi, một nơi để vui sướng. Trên đường đi họ kiếm được bọ. Ngoài con gà cồ đỏ còn có một bao cà rốt trên chiếc xe chở rau rơi ra, nhưng xe không làm rơi sáu củ hành. Mack có một bịch cà phê trong túi. Trên xe tải có cái thùng sắt 20 lít đã cắt đầu. Bình rượu vang pha tạp còn gần phân nửa. Những thứ như muối và tiêu đã mang theo. Mack và đám choai choai nghĩ kẻ nào đi xa mà không mang theo muối, tiêu và cà phê thì thật là hết sức vớ vẩn.

Không cần gắng sức, lộn xộn hay nghỉ ngơi nhiều, họ lăn bốn hòn đá tròn lại gần nhau trên bãi cát nhỏ. Con gà trống thách thức hùng đông của đúng ngày hôm ấy bị chặt chân cánh đầu cổ nằm sạch sẽ dưới nước trong thùng sắt 20 lít, giữa mấy củ hành đã lột vỏ, trong khi mấy nhánh liễu khô bập bùng ngọn lửa nhỏ giữa bốn hòn đá, một ngọn lửa rất nhỏ. Đứa nào ngu mới đốt lửa lớn. Nấu con gà cồ này mất thời gian rất lâu, vì nó cũng phải mất thời gian rất lâu mới đạt đến tầm cỡ và vóc dáng vạm vỡ này. Nhưng khi nước bắt đầu sôi tăm, mùi nó thơm ngon ngay lập tức.

Mack cổ vũ bọn họ. Gã nói: “Lúc bắt ếch tốt nhất là ban đêm, vì vậy tao nghĩ mình cứ nằm chơi tới tối.” Họ ngồi trong bóng mát và dần dần từng đứa một duỗi dài ra rồi ngủ.

Mack nói đúng. Ban ngày ếch ít di chuyển, chúng trốn dưới bụi dương xỉ và kín đáo nhìn ra ngoài hang dưới các tảng đá. Cách bắt ếch là dùng đèn pin lúc ban đêm. Bọn nằm ngủ biết họ có thể có một đêm rất náo động. Một mình Hazel thức để thêm củi cho ngọn lửa nhỏ dưới thùng luộc gà.

Nắng chiều vàng không đến cạnh vách đá. Khi mặt trời đi qua đầu vách lúc 2 giờ, bóng râm thì thâm tiến vào bãi cát. Cây ngô đồng xào xạc trong gió nhẹ ban chiều. Lũ rắn nước bé nhỏ trườn qua đá sỏi rồi nhẹ lướt xuống nước và bơi qua vũng, đầu chúng ngóc lên như tiếm vọng kính nhỏ và gợn nước lăn tăn phía sau chúng. Một con cá hồi lớn nhảy trong vũng. Nhảy và muối trốn mặt trời bây giờ ra bay vù vù trên mặt nước. Bọ ngày, ruồi, chuồn chuồn, ong bắp cày, ong vò vẽ, tất cả về tổ. Khi bóng râm lan đến bãi cát, khi con chim cú đầu tiên bắt đầu kêu, Mack và đám choai choai thức dậy. Mùi gà hầm náo lòng. Hazel đã hái lá nguyệt quế tươi ven sông bỏ vào nồi. Bây giờ cho cà rốt vào. Cà phê trong cái lon riêng đang sôi tăm trên cục đá riêng, đủ xa ngọn lửa để khỏi sôi quá. Mack thức giấc, đứng bật dậy, co duỗi, lão đảo tới vũng nước, vốc nước lên rửa mặt, ho khan, nhổ nước bọt, súc miệng, đánh rắm, thắt lại dây lưng, gãi cẳng, dùng ngón tay chải mái tóc ướt, uống một hớp trong bình rượu, ợ, rồi ngồi xuống bên ngọn lửa. Gã nói: “Chúa ơi thơm quá.”

Đàn ông khi thức dậy đều làm đại khái tương tự. Cả bọn làm gần giống trình tự của Mack. Và chẳng bao lâu cả bọn đến bên bếp lửa khen Hazel. Hazel đâm con dao bỏ túi của nó vào bắp thịt con gà.

Hazel nói: “Nó hồng được mềm như tụi bay nghĩ. Tụi bay phải nấu hai tuần thì nó mới mềm. Anh tính nó cỡ bao nhiêu tuổi, Mack?”

Mack nói: “Tao bốn mươi tám mà hồng dai như nó.”

Eddie nói: “Tụi mày nghĩ gà sống được tới bao lâu... nếu nó hồng bị ai lấn ép hay nó hồng bịnh?”

Jones nói: “Cái đó chưa hề có ai tìm hiểu.”

Đây là lúc sáng khoái. Bình rượu chuyển vòng quanh sưởi ấm cho họ.

Jones nói: “Eddie, hồng phải tao cảm rằm gì. Tao chỉ nghĩ thôi. Giả dụ ở quán mày để hai, ba bình. Giả dụ mày đổ hết rượu mạnh vô một bình, rượu vang vô bình khác, và tất cả bia vô một bình khác...”

Lời đề nghị làm họ hơi sững sốt nín lặng. Jones nói nhanh: “Tao hồng có ý gì. Tao thích thứ này...” Khi ấy Jones đã nói quá nhiều, vì nó biết nó đã phạm một sai lầm vô duyên và nó không thể ngưng. “Tao thích thứ này là vì uống nó mày hồng bao giờ biết mày sẽ say kiểu nào.” Nó vội vàng nói: “Thí dụ mày uống rượu mạnh, ít nhiều mày biết mày sẽ làm gì. Một thằng ưa đánh lộn sẽ đánh lộn, một thằng hay khóc sẽ khóc, nhưng cái này...” nó hào hiệp nói, “thì mày hồng biết liệu nó sẽ đâm đầu mày vô cây thông hay khiến mày bơi tới Santa Cruz. Như vậy vui hơn,” nó nói yếu xìu.

Mack chen vào chỗ thiếu tế nhị trong câu chuyện để châm miệng Jones lại: “Nói tới bơi, tao hồng biết thằng McKinley Moran bị cái gì. Nhớ thằng thợ lặn biển sâu đó không?”

Hughie nói: “Tui nhớ nó. Tui hay la cà với nó. Nó rảnh rồi, rồi nó nhậu. Lặn mà nhậu thì khá gay go. Cũng lo nữa. Rốt cuộc nó bán bộ đồ lặn, cái nón sắt với cái bơm, nhậu say bí tử rồi đông khỏi thị trấn. Tui hổng biết nó đi đâu. Nó hết khá sau khi nó xuống cứu thằng Ý-tà-lồ bị neo của chiếc Twelve Brothers kéo chìm. McKinley cứ lặn xuống. Màng tai nó bục, sau đó nó hết khá. Thằng Ý-tà-lồ hổng bị cái gì.”

Mack lại ném bình rượu rồi nói: “Nó kiếm bộn bạc hồi cấm rượu*. Nhà nước trả nó một ngày 25 đô để lặn tìm rượu dưới đáy biển, rồi nó lãnh của Louie ba đô cho mỗi thùng nó không tìm thấy. Dân xếp như vậy nên mỗi ngày nó đem lên một thùng cho nhà nước vui. Louie hổng nề hà. Làm như vậy để họ khỏi đưa thằng thợ lặn khác tới. McKinley kiếm bộn bạc.”

Hughie nói: “Ừ, nhưng nó cũng giống mấy đứa khác... có tiền rồi nó muốn cưới vợ. Nó cưới ba lần cho tới khi cạn tiền. Lần nào tui cũng biết trước. Nó mua miếng lông cáo trắng rồi dùng!... Kế đó tui bay thấy nó cưới vợ.”

Eddie hỏi: “Tao không hiểu thằng Gay gặp chuyện gì?” Đây là lần đầu tiên họ nhắc tới hắn.

Mack nói: “Tao chắc cũng thế. Mà không tin nổi một thằng có vợ. Dù nó ghét con vợ già của nó tới mấy thì nó vẫn về với mụ ta. Nghĩ ngợi nghiền ngẫm rồi nó trở về. Mà hết tin nổi nó. Thí dụ thằng Gay, con mụ vợ đánh nó. Nhưng tao cược với tui mà là khi thằng Gay xa mụ ba ngày, nó sẽ luận ra là lỗi tại nó rồi nó về làm hòa với mụ.”

Họ nhâm nhi ăn, xiên các miếng gà ra khỏi thùng, cầm

miếng gà nhều nước tong tổng cho tới khi nguội rồi gặm thịt. Họ dùng nhánh liễu nhọn xiên cà rốt, và cuối cùng chuyển cái lon để uống nước luộc gà. Chung quanh họ, buổi tối dịu dàng bò vào như âm nhạc. Chim cú gọi nhau xuống nước. Cá hồi quẫy trong vũng. Và bướm đêm sà xuống chập chờn quanh vũng lúc ánh nắng hòa lẫn vào bóng tối. Họ chuyển lon cà phê, cảm thấy ấm áp, no nê và tĩnh lặng. Cuối cùng Mack nói: “Tiên sư nó. Tao ghét đứa nói láo.”

Eddie hỏi: “Đứa nào nói láo với mày?”

“Ồ, tao không chấp đứa nào nói láo chút ít cho xuôi hay để câu chuyện hào hứng, nhưng tao ghét đứa nói láo với chính nó.”

Eddie hỏi: “Đứa nào vậy?”

Mack nói: “Tao, có thể cả tụi mày.” Gã tha thiết nói: “Đây nè, cả đám tụi tề khốn nạn tụi mình. Mình bày trò là mình muốn làm tiệc cho Doc. Vì vậy mình tới đây vui chơi đã đời. Rồi mình quay về nhận tiền của Doc. Mình có năm đứa, vậy là mình sẽ uống gấp năm lần số rượu ổng uống. Và tao hổng chắc là mình làm tiệc cho Doc. Tao hổng chắc có phải mình làm tiệc cho mình. Doc là một ông quá tử tế để mày làm chuyện đó với ổng. Doc là ông tử tế nhất mà tao biết. Tao hổng muốn là thứ người lợi dụng ổng. Cho tụi mày biết một lần tao cãi nhải với ổng để kiếm một đô. Tao bịa chuyện láo lếu với ổng. Giữa chừng tao thấy ổng biết rõ chết tiệt là chuyện tầm xàm bá láp. Vì vậy ngay giữa chừng tao nói, ‘Doc, chuyện này dóc tổ mẹ!’, ổng thò tay vô túi lấy ra một đô rồi nói, ‘Mack, tụi tao hiểu có người vì quá túng, thật sự túng, nên bịa chuyện’, rồi ổng đưa tao một đô. Hôm sau

tao trả lại ổng đồng đó. Tao hồng xài. Chỉ giữ tiền qua đêm rồi trả lại ổng.”

Hazel nói: “Hồng ai thích tiệc tùng bằng Doc. Mình làm tiệc cho ổng. Cảm rằm cái quái gì?”

Mack nói: “Tao không biết. Tao chỉ muốn cho ổng cái gì mà tao sẽ không lấy lại gần hết.”

Hughie đề nghị: “Cho quà thì sao? Giả thử mình mua rượu đưa ổng rồi để ổng muốn làm gì thì làm.”

Mack nói: “Nè mày nói vậy. Mình sẽ làm đúng như vậy. Mình cứ biếu ổng rượu rồi biến.”

Eddie nói: “Tụi mày biết rồi sẽ xảy ra chuyện gì mà. Henri với tụi ở Carmel sẽ đánh hơi thấy rượu, rồi sẽ có hai chục đứa tới thay vì chỉ có năm đứa mình. Có lần chính Doc kể với tao là tụi nó tuốt dưới Point Sur có thể hửi thấy ổng đang chiên bít tết ở Cannery Row. Tao thấy hồng khá gì hơn. Ông sẽ lợi hơn nếu tụi tụi mình tổ chức tiệc cho ổng.”

Mack cân nhắc lý lẽ này. Cuối cùng gã nói: “Có thể mày đúng. Nhưng giả thử mình biếu ổng cái gì khác rượu, có thể bộ khay tay áo khắc tên ổng.”

Hazel nói: “Ôi, đồ cứt ngựa. Doc hồng ưa mấy thứ đó đâu.”

Lúc này đêm đã xuống, trên trời đầy sao. Hazel chiêm thêm củi, lửa chiếu sáng một vùng nhỏ trên bãi cát. Trên đồi một con cáo tru the the. Ban đêm mùi ngải đắng trên dãy đồi lan xuống. Nước tràn khỏi vũng sâu nghe ùng ục trên các tảng đá.

Lúc Mack đang nghiền ngẫm lý lẽ cuối cùng, có tiếng bước

chân trên mặt đất làm bọn họ quay lại. Một ông to lớn và ngăm đen đang rình rập gần đó, ông ta ôm khẩu súng bắn đạn ghém trên tay, con chó săn rón rén nhẹ bước bên gót ông.

Ông ta hỏi: “Tụi mày làm cái quái gì ở đây?”

Mack nói: “Đâu có làm gì.”

“Đất có gấn bắng, cấm câu, săn, đốt lửa, cấm trại. Bây giờ tụi mày cuốn gói, dập tắt đám lửa đó rồi rút khỏi đất này.”

Mack khiêm tốn đứng lên nói: “Tui không biết, thưa sếp. Thiệt tình tui tui hồng thấy tấm bắng, thưa sếp.”

“Bắng gấn khắp nơi. Tụi mày không thể nào không thấy.”

Mack nói: “Vâng, thưa sếp, tui tui sai, tui tui xin lỗi.” Gã ngập ngừng, nhìn kĩ dáng người vai xuôi. “Sếp là dân lính tráng phải hông, thưa sếp? Tui thấy là biết liền. Vai lính hồng như dân thường. Tui ở trong lính lâu, tui thấy là biết liền.”

Vai ông ta thẳng lên mà không biết, không rõ rệt, nhưng ông có tư thế khác.

Ông nói: “Tao không cho phép đốt lửa trên đất của tao.”

Mack nói: “Ồ, tui tui xin lỗi. Tui tui đi liền, thưa sếp. Sếp coi nè, tui tui làm việc cho mấy ông khoa học gia. Tui tui tính bắt ếch. Họ đang nghiên cứu ung thư, tui tui giúp họ bắt ếch.”

Ông ta hơi ngập ngừng. Ông hỏi: “Họ dùng ếch làm cái gì?”

Mack nói: “Ồ, thưa sếp, họ cho ếch bị ung thư để họ nghiên cứu và thí nghiệm, họ gần đánh được ung thư rồi, chỉ cần bắt một số ếch nữa thôi. Nhưng thưa sếp, nếu sếp không muốn tui tui vô đất của sếp thì tui tui đi liền. Nếu tui tui biết thì đã không

bao giờ vô.” Thành linh dường như bây giờ Mack mới thấy con chó săn. Gã hào hứng nói: “Chúa ơi, con chó đẹp quá. Nó giống con Nola thắng cuộc thi ngoài đồng ở Virginia hồi năm ngoái. Nó là chó Virginia, phải không sếp?”

Ông sếp do dự rồi ông nói láo: “Ừ.” Ông nói cộc lốc. “Nó cà nhắc. Bọ tích cắn ngay vai nó.”

Mack tỏ ra lo lắng tức khắc: “Tôi coi được không, thưa sếp? Tới đây, con. Tới đây, con.” Con chó săn ngược nhìn chủ rồi khép nép lại gần Mack. Gã bảo Hazel: “Đốt thêm mấy nhánh cây cho tao thấy.”

Ông sếp nói: “Cắn ngay chỗ nó liếm không được,” rồi ông chồm qua vai Mack để nhìn.

Mack nặn mủ chỗ lõm nom gớm ghiếc trên vai con chó. “Tui có con chó bị y như vậy, mủ ăn vô làm nó chết. Nó vừa mới đẻ phải không?”

Ông sếp nói: “Ừ, sáu con. Tao bơi i-ốt vô chỗ đó.”

Mack nói: “Đừng, không tốt đâu. Ở nhà ông có muối tẩy không?”

“Có... một chai lớn.”

“Nè, ông hâm nóng một bịch muối tẩy rồi đắp lên đó. Ông thấy nó yếu vì nuôi con. Bây giờ nếu mà nó bệnh thì đáng tiếc. Ông sẽ mất luôn đàn chó con.” Con chó săn nhìn sâu vào mắt Mack rồi nó liếm tay gã.

“Tui tính làm như vậy, thưa sếp. Tui sẽ tự tay săn sóc nó. Muối tẩy là đủ rồi, là tốt nhất.”

Ông sắp xoa đầu con chó. “Mày biết không, gần nhà tao có cái ao nhiều ếch tới nỗi nhiều đêm tao ngủ không được. Tụi mày lên đó coi sao? Ếch ồm ộp suốt đêm. Tổng khứ hết tụi nó đi là tao mừng.”

Mack nói: “Sếp thiệt là tử tế. Tui dám chắc mấy ông bác sĩ đó sẽ cảm ơn sếp. Nhưng tui muốn đắp thuốc cho con chó này.” Gã quay sang mấy đứa kia. “Tụi mày dập tắt đồng lửa đó. Coi cho kĩ hông còn tàn lửa rồi dọn dẹp xung quanh. Tụi mày đừng để lại rác. Tao với sếp sẽ chữa cho con Nola này. Khi nào tụi mày dọn xong thì đi theo.” Mack và ông sếp sánh vai đi.

Hazel đá cát lên đồng lửa. Nó nói: “Tao dám cá Mack có thể làm Tổng thống Mỹ nếu ổng muốn.”

Jones hỏi: “Nếu có chức Tổng thống thì ổng làm được cái gì với nó? Làm Tổng thống đâu có gì vui.”

Chương 14

Sáng sớm là thời gian huyền diệu ở Cannery Row. Vào lúc nhá nhem sau khi hưng hửng sáng và trước khi mặt trời lên, Phố dường như lơ lửng phi thời gian trong sắc bạc óng ánh. Đèn đường tắt và cỏ dại lấp lánh xanh. Tôn mũi quây nhà máy đóng hộp rực rỡ màu bạch kim rạng ngời như ngọc trai hay như màu thiếc cũ. Xe cộ không chạy vào giờ đó. Đường phố lặng im không đi lại buôn bán. Ta có thể nghe thấy sóng vỗ bờ rồi rút đi, bắn tung tóe giữa đồng phế thải của nhà máy đóng hộp. Đó là thời rất an bình, thời hoang vắng, thời khắc nghỉ ngơi ngăn ngủi. Bầy mèo ướm sũng trên hàng rào và trượt như xi rô trên mặt đất để tìm đầu cá. Lũ chó sớm mai nín lặng, oai vệ điều hành để tìm và chọn đúng chỗ đái. Đàn mòng biển vỗ cánh bay vào đậu trên nóc nhà máy đóng hộp để chờ đồ phế thải trong ngày. Chúng đậu vai sát vai trên đỉnh mái. Từ bãi đá gần Trạm Hải dương học Hopkins vọng về tiếng gâu gâu của bầy hải sư nghe như chó săn sủa. Khí trời tươi mát. Sau vườn lũ chuột chũi ủi lên những mô đất ban mai ẩm ướt, rồi bò ra kéo bông hoa vào ổ. Chung quanh rất ít người càn làm phố xá dường như hoang vắng hơn. Một cô nhà Dora đi về sau khi thăm một ông khách quen quá giàu hay quá đau ốm không đến Cờ Gấu được. Phấn son trên mặt cô hơi nhợt nhạt và chân cô mỏi. Lee Chong đem

thùng rác ra để trên lề đường. Ông Tàu già từ biển về, bước lẹp bẹp qua đường rồi lên quá Biệt thự. Bọn gác nhà máy đóng hộp nhìn ra, chớp mắt vì ánh ban mai. Ông bảo vệ ở Cờ Gấu mặc áo cộc bước ra hàng hiên, co duỗi và ngáp rồi gãi bụng. Bọn khách trọ trong thùng tô nô của ông Malloy ngáy rên như trong đường hầm. Giờ khắc ngà ngọc - khoảnh khắc giữa ngày và đêm khi thời gian dừng lại và soi xét chính nó.

Vào một buổi sáng như thế và vào lúc ánh sáng như thế, hai anh lính và hai cô gái thông thả tản bộ trên đường. Họ từ quán La Ida đi ra, họ rất mệt và rất vui. Hai cô vạm vỡ, vú to và khỏe, tóc vàng hơi rối. Họ mặc bộ váy dự tiệc bằng sợi nhân tạo in hình, lúc này đã nhăn nhúm và bám dính vào đường cong cơ thể họ. Mỗi cô đội một chiếc mũ lính, cái thì ngửa ra tận sau gáy, cái thì vành lưỡi trai xuống gần tới mũi. Họ là hai cô gái môi dày, mũi to, mộng nở, và họ rất mệt.

Áo chèn quân phục của hai anh lính không cài cúc, dây thắt lưng xỏ qua cầu vai. Cà vạt kéo hơi trễ xuống để có thể cởi cúc cổ áo. Hai anh lính đội mũ của hai cô, một cái mũ rơm vàng bé xíu có bó cúc trên chóp, cái kia là mũ đan màu trắng che nửa đầu có đính mề đay làm bằng giấy bóng kính xanh. Họ vừa đi vừa nắm tay nhau tung tăng theo nhịp. Anh lính bên ngoài cầm túi giấy nâu lớn chứa đầy lon bia lạnh. Họ bước nhẹ dưới ánh sáng ngà ngọc. Họ đã thỏa thích quá chừng và họ cảm thấy vui. Họ mỉm cười dịu dàng như bọn trẻ mệt mỏi nhớ lại bữa tiệc. Họ nhìn nhau rồi mỉm cười và tung tăng cánh tay. Đi ngang Cờ Gấu gặp ông bảo vệ đang gãi bụng, họ chào "*Phẻ hi*". Họ lắng nghe tiếng

ngáy trong thùng tô nô và cười khẽ. Tới tiệm Lee Chong họ dừng lại nhìn vào tủ kính trưng bày ngổn ngang dụng cụ, quần áo và thực phẩm, tất cả chen chúc nhau đòi chú ý. Tung tăng tay và kéo lê chân, họ đến cuối phố Cannery Row rồi rẽ lên đường ray xe lửa. Các cô bước lên đường ray, đi dọc trên đó, hai anh lính quàng cánh tay quanh chỗ eo đầy đặn để giữ cho họ khỏi ngã. Rồi họ đi quá bãi sửa tàu, rẽ xuống khu đất như công viên của Trạm Hải dương học Hopkins. Phía trước trạm có một bãi nhỏ uốn cong, một bãi biển tí hon giữa mấy vĩa đá ngầm nhỏ. Sóng ban mai liếm nhẹ lên bãi cát và thì thầm nho nhỏ. Mùi rong biển dịu dịu đến từ vĩa đá lộ thiên. Khi bốn người đến bãi cát ấy, vùng đông lóe lên trên đất của Tom Work bên kia đầu vịnh, trắng vàng mặt nước và tô vàng vĩa đá. Các cô trịnh trọng ngồi xuống cát, kéo thẳng váy phủ đầu gối. Một trong hai anh lính đục lỗ bốn lon bia rồi chuyển quanh. Rồi hai anh nằm xuống, gối đầu lên đùi hai cô và nhìn lên mặt họ. Họ mỉm cười với nhau, một điều thầm kín một mỗi, yên bình và diệu kỳ.

Từ trên cao gần trạm vọng lại tiếng chó sủa - ông gác dan, một ông da ngăm đen cúi kính thấy họ, và con chó đen tai cụp cúi kính thấy họ. Ông lớn tiếng gọi họ, và khi họ không nhúc nhích, ông xuống bãi và con chó sủa đều đều. “Các anh chị không biết là không được nằm ở đây à? Các anh chị phải đi đi. Đây là đất tư!”

Hình như hai anh lính thậm chí không nghe thấy ông. Họ cứ mỉm cười và hai cô vuốt tóc trên thái dương họ. Cuối cùng một trong hai anh lính chậm chậm quay đầu áp má trên chân cô gái.

Anh rộng lượng mỉm cười với ông gác đàn. Anh dịu dàng nói: “Sao ông không cuốn xéo đi?” Rồi anh quay lại nhìn cô gái.

Mặt trời chiếu sáng mái tóc vàng của cô, và cô gãi một bên tai anh. Họ thậm chí không thấy ông gác đàn đi về nhà ông ta.

Chương 15

Lúc đám choai choai lên tới căn nhà trong nông trại thì Mack đang ở dưới bếp. Con chó săn nằm nghiêng, Mack áp miếng vải dấm muối tẩy lên chỗ nó bị bọt tích cấn. Mấy con cún béo mẫm xô đẩy nhau sục mõm bú giữa chân nó, và con chó cái nhẩn nại nhìn lên mặt Mack như nói: “Ông thấy chứ gì? Tui cố nói cho ông mà ông không hiểu.”

Ông sếp cầm đèn cúi xuống Mack.

Ông nói: “Tao cũng mừng là biết cách này.”

Mack nói: “Thưa ông, tui hổng muốn xía vô chuyện của ông, nhưng mấy con cún này nên dứt sữa. Nó cóc còn bao nhiêu sữa, còn mấy con cún này thì nhá nó tanh banh.”

Ông sếp nói: “Tao biết, chắc tao đem trần nước hết chỉ chừa lại một con. Tao cố trông nom chỗ này thành ra bận quá. Người ta hổng thích chó săn chim như trước nữa. Bây giờ toàn là chó xù, chó bốcxơ với chó Doberman.”

Mack nói: “Tui biết, hổng có con chó nào hợp với người bằng chó săn. Tui hổng biết thiên hạ bị cái gì ám. Nhưng thưa sếp, sếp đừng trần nước tui nó chứ?”

Ông sếp nói: “Ồ, từ khi vợ tao nhào vô chính trị, tao phát điên. Bả được bầu vô Hạ viện đại diện cho quận này, khi Quốc

hội không hợp thì bỏ đi diễn thuyết. Còn khi ở nhà thì lúc nào bỏ cũng nghiên cứu với lại soạn luật.”

Mack nói: “Chắc phải là độc địa lắm... tui muốn nói chắc là cô độc lắm. Bây giờ nếu tui có một con cún như vậy...” gã xách lên một con cún giấy giữa mặt mũi ngơ ngác, “nè, tui dám chắc là trong vòng ba năm thôi tui sẽ có một con chó săn chim thú thật. Nếu cho thì tui sẽ lấy một con liền.”

Ông sắp hỏi: “Mày muốn lấy một con không?”

Mack ngừng lên. “Ông tính cho tui một con hả? Ồ, Giê-su ơi, xin nhận.”

Ông sắp nói: “Lựa đi, bây giờ hình như hồng còn ai hiểu chó săn chim nữa.”

Đám choai choai đứng trong bếp quan sát nhanh. Rõ ràng là bà vợ đi vắng: mấy lon thức ăn mở, chảo vẫn còn dính viên trứng trắng, vụn bánh trên tàn bếp, hộp đạn ghém mở ra trên thùng bánh mì, tất cả rít lên vì thiếu phụ nữ, trong khi màn cửa trắng, giấy lót kệ đựng đĩa và đồng khăn lau quá nhỏ trên giá cho họ biết là ở đó đã có một bà. Trong vô thức họ mừng là bà ta hiện không ở đó. Loại đàn bà lót giấy trên dây kệ và có khăn lau bé tí như vậy theo bản năng sẽ không tin và không thích Mack và bọn choai choai này. Mấy bà đó biết bọn nó là mối đe dọa tệ hại nhất cho cửa nhà, vì thói lè phè, cách suy nghĩ và đàn đúm của bọn nó đi ngược với sự ngăn nắp, trật tự và quy cách. Bọn nó rất mừng là bà ta vắng nhà.

Lúc này ông sắp hình như cảm thấy họ đang giúp mình. Ông không muốn họ đi. Ông ngập ngừng nói: “Chắc tui bay muốn có

chút gì cho ấm người trước khi ra bắt ếch phải không?”

Tụi nó nhìn Mack. Mack nhíu mày như thể đang suy đi nghĩ lại. Gã nói: “Khi tui tui đi làm khoa học, tui tui đặt ra một luật là hổng đụng tới cái gì hết,” rồi vội vàng như thể đã nói quá đà, “nhưng thấy ông quá tử tế với tui tui... ồ bản thân tui thấy một ngum nhỏ cũng hổng sao. Tui hổng biết tui nhỏ nghĩ gì.”

Tụi nhỏ đồng ý là tụi nó thấy một ngum nhỏ cũng không sao. Ông sếp lấy đèn pin đi xuống hầm rượu. Họ nghe ông xê dịch gỗ và thùng, rồi ông ôm lên lầu một thùng gỗ sồi 20 lít. Ông đặt nó lên bàn. “Hồi cấm rượu tao giữ được ít rượu ngô. Tao chột nghĩ muốn biết nó ra sao. Rượu để lâu lắm rồi. Tao gần như quên. Tụi bay thấy... vợ tao...” ông ngưng ngang ở đó vì rõ ràng là bọn họ hiểu. Ông sếp gõ cái nút gỗ sồi ở đầu thùng bật ra, và lấy xuống mấy cái ly trên kệ lót giấy viền gợn sóng. Khó mà rót chút ít rượu từ cái thùng 20 lít. Bọn họ mỗi người có nửa ly uống nước đựng thứ rượu nâu trong suốt. Họ trịnh trọng đợi ông sếp, rồi họ nói: “Dô,” và ngửa cổ ực một hơi. Họ nuốt, nếm lưỡi, nhấp môi, và mắt họ có vẻ xa xăm.

Mack nhìn chăm chăm cái ly cạn của gã như thể dưới đáy ly có ghi lời phán truyền linh thiêng nào đó. Rồi gã nhướng mắt nói: “Hết chỗ nói, người ta hổng đóng chai thứ này.” Gã hít sâu, hút hơi thở của gã lúc thở ra. Gã nói: “Tui nghĩ tui chưa từng nếm cái gì ngon như vậy.”

Ông sếp có vẻ hài lòng. Mắt ông lan man liếc lại cái thùng tô nô, ông nói: “Ngon, tui mày nghĩ mình có thể làm thêm một ngum nhỏ nữa chứ?”

Mack lại nhìn chăm chăm vào ly của gã. Gã đồng ý: “Có thể một ngụm nhỏ. Đổ ra cái bình có quai hồng dễ hơn sao? Rót như vậy có thể bị tràn.”

Hai giờ sau họ nhớ ra họ đến đó để làm gì.

Ao ếch vuông vức - rộng 15 mét, dài 20 mét, và sâu 1,2 mét. Cỏ mềm mọc rậm rạp ven bờ. Một cái mương nhỏ đem nước từ sông vào ao, rồi từ ao có nhiều mương nhỏ dẫn ra vườn cây ăn trái. Đúng là ở đó có ếch, cả ngàn con. Chúng kêu át đêm tối, chúng ồm ồm, oạp oạp, ộp ộp, om om. Chúng hát tới sao trời, tới vầng trăng khuyết, tới đầu cỏ gợn sóng. Chúng rống những bài tình ca và những lời thách thức. Bọn họ rón rén qua màn đêm tiến tới ao. Ông sếp cầm cái bình có quai gần đầy rượu, mỗi người cầm ly của mình, sếp đã tìm cho họ mấy cái đèn pin còn tốt. Hughie và Jones vác bao đay. Họ im lặng tiến tới gần, lũ ếch nghe tiếng họ đến. Đêm đang inh ỏi tiếng ếch bỗng im bật. Mack và đám choai choai với ông sếp ngồi xuống đất để uống một ngụm nhỏ cuối cùng và để vạch chiến thuật. Một kế hoạch táo bạo.

Trong hàng thiên niên kỷ ếch và người sống chung trên thế gian, chắc hẳn loài người đã săn ếch. Trong thời gian đó cách săn và cách trốn đã định hình. Loài người cầm lưới, cung, giáo hay súng, rón rén tưởng là không gây tiếng động, tiến tới lũ ếch. Cách săn và trốn này đòi hỏi ếch ngồi yên, ngồi thật yên và chờ. Luật chơi đòi hỏi ếch chờ tới tích tắc cuối cùng, khi lưới chụp xuống, khi ngọn giáo phóng ra, khi ngón tay bóp cò, lúc ấy ếch nhảy tồm xuống nước, bơi tới đáy và chờ đến khi người bỏ đi. Sự

việc là như thế, sự việc đã luôn luôn xảy ra như thế. Loài ếch có quyền trông đợi sẽ luôn luôn xảy ra như thế. Đôi khi lưới chụp quá nhanh, ngọn giáo đâm thủng, khẩu súng nổ trúng, và con ếch đó đi đời, nhưng như thế là công bằng và hợp khuôn khổ. Loài ếch không bức tức điều ấy. Nhưng làm sao chúng có thể đoán ra phương pháp mới của Mack? Làm sao chúng có thể thấy trước được sự khủng khiếp kể đó? Ánh đèn bất chợt lóe lên, tiếng người la hét kêu rú, tiếng chân chạy. Ếch nhảy tồm xuống ao, cuống cuống bơi tới đáy. Rồi hàng người nhào xuống ao, dậm chân, khuấy nước, vừa đi thành một hàng quái dị suốt cái ao, vừa đá chân tứ phía. Bọn ếch hoảng hốt bỏ chỗ yên bình của chúng, bơi tránh những cái chân quấy điên cuồng, nhưng chân càng cứ tiến tới. Ếch bơi giỏi, nhưng không bơi được lâu. Chúng bơi cho tới khi rớt cuộc bị dồn đống phía cuối ao. Những cái chân và những thân mình nhào tới loạn xạ theo chúng. Vài con ếch mất hồn mất vía, thì thụp giữa các bàn chân rồi lọt qua, mấy con này thoát nạn. Nhưng đa số quyết định vĩnh viễn rời bỏ cái ao ấy, để tìm nhà mới trong một vùng quê mới nơi không xảy ra trò này. Hàng đàn ếch hoảng hốt, bối rối, con lớn, con nhỏ, con nâu, con xanh, ếch đực và ếch cái, lũ lượt nhào lên bờ, bò, nhảy, chen. Chúng leo lên cỏ, chúng bám lấy nhau, con nhỏ cuỗi trên con lớn. Rồi khủng khiếp trùn lên khủng khiếp, đèn pin rọi thấy chúng. Hai người nhặt chúng như hái dâu. Hàng người ra khỏi ao, chặn hậu và nhặt chúng như nhặt khoai. Hàng chục, hàng năm chục con bị ném vào bao đay, bao đầy những con ếch mệt lả, sợ hãi và vỡ mộng, những con ếch sũng nước, rên rĩ. Dĩ nhiên có con chạy thoát, và một số sống sót dưới ao.

Nhưng chưa bao giờ trong lịch sử loài ếch xảy ra một vụ hành hình như thế. Ếch từng ký lô, từng vài chục ký lô. Không đếm, nhưng chắc là sáu, bảy trăm con. Mack vui vẻ cột miệng bao. Bọn họ ướt sũng, nước tong tong và trời mát. Trước khi về nhà, họ uống một ngụm nhỏ trên bãi cỏ để khỏi cảm lạnh.

Khó mà nghĩ ông sếp đã bao giờ được vui như vậy. Ông nợ Mack và tụi choai choai. Sau đó khi màn cửa bén lửa và được dập tắt bằng mấy chiếc khăn bé tí, ông sếp bảo tụi choai choai đừng quan tâm. Ông cảm thấy vinh dự được họ đốt rụi nhà ông, nếu họ muốn. Ông nói như kết thúc bài diễn văn: “Vợ tao là một bà tuyệt diệu, một bà tuyệt diệu hết mực. Lẽ ra nên là đàn ông. Phải chi bà là đàn ông thì tao đã hổng cưới bà.” Ông cười một tràng dài sau câu nói đó, lặp lại ba, bốn lần, và kiên quyết ghi nhớ để có thể nói với nhiều người khác. Ông rót rượu đầy bình và đưa cho Mack. Ông muốn đến sống với họ ở Biệt thự Lữ thú. Ông tin rằng vợ mình sẽ thích Mack và đám choai choai, nếu bà ta biết họ. Cuối cùng ông ngủ trên sàn nhà, đầu ông ở giữa đàn chó con. Mack và đám choai choai tự rót một ngụm nhỏ và trang trọng chào ông.

Mack nói: “Ông cho tao bình rượu này phải không? Tụi mày nghe ông nói chứ?”

Eddie nói: “Đúng, tui nghe ông nói.”

“Ông cũng cho tao một con cún phải không?”

“Ừ, chọn trong ổ. Tụi tui đều nghe ông nói. Sao vậy?”

Mack nói: “Tao chưa bao giờ và sẽ không bao giờ lấy của một thằng say. Mình phải cuốn gói khỏi chỗ này. Lúc thức dậy ông sẽ

cảm thấy đủ, và sẽ đổ hết lỗi cho tội mình. Tao hông muốn ở đây.” Mack liếc cái màn cháy, liếc sàn nhà lấp lánh rượu và cứt chó, mỡ lợn đông lại trên mặt bếp. Gã đi tới đàn chó con, quan sát chúng kĩ lưỡng, sờ nắn xương cốt, nhìn mắt và xem răng, rồi gã chọn một con chó cái có đốm đẹp, mũi nâu và mắt vàng đậm. Gã nói: “Đi nào, cục cưng.”

Họ thổi tắt đèn vì sợ cháy. Trời mới hừng đông lúc họ ra khỏi nhà.

Mack nói: “Tao nghĩ chưa bao giờ tao có một chuyến đi khoái như vậy. Nhưng nghĩ tới vợ ổng về làm tao rùng mình.” Con cún rên rĩ trên cánh tay gã, và gã ử nó vào trong áo khoác. Mack nói: “Ổng thiệt là tử tế, dĩ nhiên là sau khi mày làm cho ổng cảm thấy thoải mái.” Gã sải bước tới chỗ họ đậu chiếc Ford. Gã nói: “Đừng quên là mình làm tất cả mọi chuyện này cho Doc. Theo như diễn tiến cho tới lúc này thì coi bộ Doc là một người rất may mắn.”

Chương 16

Lần bận rộn nhất cho tới nay của các cô ở Cờ Gấu chắc là hồi tháng Ba lúc bắt được mẻ cá mòi lớn. Họ bận không chỉ vì đàn cá tuôn ra hàng tỉ con óng ánh và tiền tuôn ra gần như vô tội vạ. Một trung đoàn lính vừa mới chuyển về Presidio*, và đám lính mới luôn luôn xem xét rất kĩ trước khi quyết định. Đúng lúc đó Dora thiếu người, vì Eva Flanagan đã đi nghỉ ở East St. Louis, Phyllis Mae gãy cẳng lúc bước ra khỏi toa lượn siêu tốc ở khu giải trí Santa Cruz, còn Elsie Doublebottom đã khấn nguyện tận hiến chín ngày và chẳng được tích sự gì. Bọn thủy thủ tiền bạc rủng rỉnh của đội tàu lưới cá mòi vào ra suốt buổi chiều. Họ ra khơi lúc trời tối và đánh cá suốt đêm, vì vậy họ phải chơi vào buổi chiều. Đến chập tối bọn lính của trung đoàn mới chuyển về ghé xuống, đứng la cà chơi máy hát đĩa, uống Coca-Cola, và đánh giá cô nào xứng với đồng tiền họ sẽ tiêu. Dora đang gặp rắc rối với thuế lợi tức, vì bà lúng túng với điều bí ẩn lạ lùng nói bà kinh doanh bất hợp pháp rồi lại đánh thuế bà. Ngoài ra còn bọn khách quen: bọn khách đều đặn ghé tới từ bao năm, dân lao động ở mỏ đá, cao bồi trong các nông trại, thợ đường ray xe lửa, là bọn đến cửa trước, còn các viên chức thành phố và doanh gia lỏi lặt đến bằng lối sau kế bên đường ray và có phòng khách nhỏ che rèm vải hoa sặc sỡ dành riêng cho họ.

Nói chung tháng đó tuyệt vời, và giữa lúc ấy dịch cúm lại bộc phát. Cúm cả thị trấn. Bà Talbot và con gái ở San Carlos Hotel bị cúm. Tom Work cúm. Benjamin Peabody và vợ cúm. Excelentisima Maria Antonia Pield* cúm. Cả gia đình Gross nằm gục vì cúm.

Đám bác sĩ ở Monterey đủ người để săn sóc các bệnh thông thường, tai nạn và bệnh tâm thần, nhưng bây giờ họ đang chạy phát điên. Họ có thừa bệnh nhân có tiền trả cho họ, dù các bệnh nhân này thiếu chịu các món chi khác. Dân Cannery Row cứng cáp hơn các nơi khác trong thị trấn, họ nhiễm bệnh trẻ, nhưng rất cuộc cũng bị. Trường học đóng cửa. Không nhà nào không có trẻ sốt và bố mẹ ốm. Bệnh không chết người như hồi năm 1917, nhưng với trẻ con thì bệnh có xu hướng làm viêm xương chũm sau mang tai. Các chuyên viên y tế rất bận, vả lại, Cannery Row không được coi là chỗ dễ thu tiền khám bệnh.

Ông đốc của Phòng thí nghiệm Sinh Vật Miền Tây không có quyền khám bệnh phát thuốc. Đâu phải lỗi ở ông khi mọi người trong Phố tìm đến ông để xin ý kiến về thuốc men. Trước khi kịp hiểu ra thì ông thấy mình đã chạy từ lán nhà này qua lán nhà khác lấy nhiệt độ, cho thuốc, mượn và giao chẵn mền, thậm chí đem thức ăn từ nhà này qua nhà khác lúc các bà mẹ nằm trên giường mắt sưng đỏ tấy nhìn ông, cảm ơn và giao hết trách nhiệm phục hồi sức khỏe của con họ cho ông. Khi gặp trường hợp thực sự ngoài tầm tay, ông điện thoại cho bác sĩ địa phương, đôi khi một ông đến nếu có vẻ là một vụ nguy kịch. Nhưng đối với các gia đình thì tất cả đều là nguy kịch. Doc thiếu

ngủ. Ông sống bằng bia và cá mòi đóng hộp. Ông đến mua bia ở tiệm của Lee Chong và gặp Dora tới đó mua cái cắt móng tay.

Dora nói: “Ông trông phờ phạc.”

Doc thú nhận: “Đúng vậy, khoảng một tuần nay tôi đâu có ngủ chút nào.”

Dora nói: “Tôi biết. Tôi nghe nói tệ lắm. Tôi cũng nhằm lúc tệ.”

Doc nói: “Ồ, mình chưa mất ai. Nhưng có mấy đứa nhỏ bệnh nặng lắm. Tất cả bọn trẻ nhà Ransel đều bị viêm xương chũm sau tai.”

Dora hỏi: “Tôi có thể giúp được gì không?”

Doc nói: “Được chứ. Người ta sợ quá và tuyệt vọng. Như nhà Ransel... họ sợ muốn chết và họ sợ ở một mình. Nếu bà, hay cô nào đó, có thể chỉ đến ngồi chơi với họ thôi cũng tốt.”

Dora mềm như lụa nhưng có thể cứng như đá. Bà quay về Cờ Gấu tổ chức phục vụ. Tuy đang gặp khó khăn, nhưng bà vẫn làm. Tay bếp Hy Lạp nấu một vạc 40 lít súp đặc và giữ cho lúc nào cũng đầy và đặc. Các cô gắng làm việc đều đặn, nhưng họ thay phiên nhau tới ngồi với các gia đình, và khi đi họ mang theo nồi súp. Doc gần như bị gọi liên tục. Dora hỏi ý ông rồi cắt đặt các cô tới những chỗ ông đề nghị. Cùng lúc đó kinh doanh ở Cờ Gấu phát đạt. Máy hát không bao giờ ngừng chơi. Thủy thủ đội tàu đánh cá và lính đứng xếp hàng. Các cô làm việc của mình, rồi họ đem nồi súp đi ngồi với nhà Ransel, với nhà McCarthy, với nhà Ferria. Các cô lên ra cửa sau, và nhiều khi ngồi với bọn trẻ đang yên giấc các cô ngủ gục trên ghế. Họ

không trang điểm lúc làm việc nữa. Họ không phải trang điểm. Chính Dora nói bà có thể sử dụng toàn bộ các cụ bà hội viên nhà dưỡng lão. Đó là hồi bận rộn nhất mà các cô ở Cờ Gấu nhớ được. Mọi người đều mừng khi nó chấm dứt.

Chương 17

Mặc dù thân thiện và nhiều bạn, Doc là một người cô đơn và khép kín. Mack chắc hẳn thấy rõ hơn ai hết. Trong một nhóm, Doc hình như luôn đơn độc. Khi đèn sáng, màn cửa khép, và cái máy hát lớn chơi nhạc lễ Gregory, lúc ấy Mack thường từ Biệt thự Lữ thú nhìn xuống phòng thí nghiệm. Gã biết Doc có một cô trong đó, nhưng Mack thường thấy từ nơi ấy phát ra một tâm trạng cô đơn ghê gớm. Mack cảm thấy Doc vẫn cô đơn cả khi gần gũi với một cô. Doc là con bọ đêm. Đèn trong phòng thí nghiệm sáng thâu đêm, nhưng dường như ban ngày ông cũng thức. Và tiếng nhạc bao trùm vọng ra từ phòng thí nghiệm bất kể ngày đêm. Đôi khi lúc vạn vật đã tối và giấc ngủ hình như rút cuộc đã đến, giọng oanh vàng của bọn trẻ trong Ban hợp xướng Điện Sistine sẽ vang ra từ cửa sổ phòng thí nghiệm.

Doc phải giữ lịch trình thu nhặt của mình. Ông cố đến đúng thủy triều ven bờ biển. Ghềnh đá và bãi biển là kho dự trữ của ông. Doc biết mọi thứ ở chỗ nào khi ông cần đến. Mọi món hàng của ông đều nằm trên bờ biển, ốc song kinh ở đây, bạch tuộc ở kia, giun ống chỗ này, sứa biển chỗ khác. Ông biết nơi nào bắt chúng, nhưng không phải lúc nào ông muốn bắt là đi. Vì Thiên nhiên cất kỹ các món hàng và thỉnh thoảng mới thả ra. Doc phải

biết con nước và cả khi nào thủy triều xuống đủ thấp ở một nơi nào đó. Khi thủy triều rút như thế, ông đem dụng cụ thu nhặt lên xe, đem bình vại, chai lọ, bản kính và chất bảo quản, rồi ông ra bờ biển hay ghềnh đá hay bãi đá ngầm nơi giữ những sinh vật ông cần.

Bây giờ ông có một đơn đặt mua bạch tuộc nhỏ, và chỗ bắt chúng gần nhất là bãi đá cuội lớn nhón lúc thủy triều rút ở La Jolla, giữa Los Angeles và San Diego. Nghĩa là cách 500 dặm lái xe và ông phải đến đúng lúc nước rút.

Bạch tuộc nhỏ sống giữa đá cuội lún trong cát. Nhút nhát và còn non, chúng thích ở dưới đáy nào có nhiều hang, nhiều khe hở nhỏ và ụ bùn để khỏi bị con khác ăn thịt và tránh sóng. Bãi đó cũng có hàng triệu con ốc song kinh. Doc có thể vừa bắt đủ số bạch tuộc cho đơn đặt hàng, vừa bổ sung số ốc trong kho của ông.

Thủy triều xuống thấp lúc 5 giờ 17 phút sáng thứ Năm. Nếu Doc rời Monterey sáng thứ Tư thì ông có thể dễ dàng đến nơi đúng lúc thủy triều rút vào ngày thứ Năm. Lẽ ra ông rủ theo một người cho có bạn, nhưng tình cờ mọi người đều đi xa hoặc bận. Mack và đám choai choai lên thung lũng Carmel bắt ếch. Ba cô ông biết có thể là bạn đồng hành, nhưng họ đều đi làm và không thể nghỉ ngang vào giữa tuần. Henri họa sĩ bận, vì cửa hàng bách hóa Holman đã thuê một người không chỉ lên ngồi trên đỉnh cột cờ mà còn trượt patanh trên đó nữa. Đỉnh cây cột cao trên nóc cửa hàng có một thêm nhỏ hình tròn để anh ta trượt patanh vòng quanh. Anh đã ở trên đó ba ngày ba đêm.

Anh định lập kỷ lục mới về trượt patanh trên thềm cao. Kỷ lục trước là 127 giờ, vì thế anh ta còn phải trượt lâu. Henri chiếm chỗ chéo bên kia đường ở trạm xăng của Red Williams. Henri mê mẩn. Hắn định làm một tác phẩm trừu tượng khổng lồ gọi là Giác Mơ Nền Móng Của Người Trượt Patanh Trên Cột Cờ. Henri không thể rời thị trấn trong khi anh còn trượt patanh trên đó. Hắn quả quyết là trượt patanh trên cột cờ có những hàm ý triết học chưa ai đề cập đến. Henri ngồi ghế, dựa vào tấm rèm che cửa phòng vệ sinh nam ở trạm xăng Red Williams. Hắn để mắt nhìn cái thềm trượt tít trên cao, và dĩ nhiên hắn không thể đi với Doc đến La Jolla. Doc phải đi một mình vì thủy triều không đợi.

Sáng sớm ông gom góp vật dụng. Đồ dùng cá nhân nhét vào cái cặp nhỏ. Một cái cặp khác cất dụng cụ và ống tiêm. Gói ghém xong, ông chải và tĩa bộ râu nâu, thấy cây bút chì đã nằm trong túi áo sơ mi và cái kính lúp đã gắn vào ve áo. Ông xếp khay, chai lọ, kính mỏng, chất bảo quản, ủng cao su và cái chặn vào phía sau xe. Ông làm suốt từ lúc mờ sáng, rửa đồng đĩa ba ngày, vớt rác xuống sóng biển. Ông đóng các cửa ra vào nhưng không khóa, và lúc 9 giờ ông lên đường.

Đi đâu Doc cũng lâu lắc hơn người khác. Ông không lái nhanh, và ông rất hay dừng lại để ăn bánh mì kẹp thịt. Lái lên phố Hải Đăng ông vẫy con chó đang ngó lơ lảo và cười với ông. Ở Monterey ngay cả trước khi khởi hành, ông cảm thấy đói và dừng ở tiệm Herman để ăn bánh mì kẹp thịt và uống bia. Trong khi ăn và nhăm nháp bia, ông nhớ lại một mẩu chuyện cũ. Nhà

thơ Blaisedell đã bảo ông: “Anh thích bia quá. Tôi dám chắc có ngày anh sẽ vào tiệm gọi một ly kem sữa trộn bia.” Mẫu chuyện ngớ ngẩn, nhưng nó cứ làm Doc bận tâm. Ông tự hỏi kem sữa trộn bia mùi vị thế nào. Nghĩ tới làm ông mắc nghẹn nhưng ông không gạt nó đi được. Mỗi lần uống bia là ông lại nhớ tới. Nó có làm sữa vón cục không? Có nên cho thêm đường không? Nó giống như kem có vị tôm. Một khi điều gì đã ghi vào đầu là không thể quên. Ông ăn xong miếng bánh mì kẹp thịt và trả tiền cho Herman. Ông cố ý không ngó mấy cái máy trộn kem sữa xếp hàng bóng loáng nơi vách tường phía sau. Ông nghĩ nếu kẻ nào muốn gọi món kem sữa trộn bia thì hẳn chỉ nên gọi ở thị trấn nào không biết hẳn. Nhưng nếu một anh có râu gọi món kem sữa trộn bia ở một thị trấn không biết hẳn... người ta có thể báo cảnh sát. Dù sao một anh có râu vẫn luôn là kẻ hơi đáng nghi. Bạn không thể nói bạn để râu vì bạn thích có râu. Người ta không thích bạn nói sự thật. Bạn phải nói bạn có vết sẹo vì thế không cạo râu được. Hồi Doc còn ở Đại học Chicago, ông gặp trực trực chuyện tình duyên và ông làm việc quá sức vất vả. Ông nghĩ đi bộ một chuyến thật dài thì tốt. Ông đeo cái túi nhỏ rồi đi bộ xuyên qua các bang Indiana, Kentucky, North Carolina, Georgia và tới tận Florida. Ông đi bộ giữa dân ruộng và dân núi, giữa dân đầm lầy và dân đánh cá. Và khắp nơi người ta hỏi tại sao ông đi bộ xuyên bang.

Vì yêu sự thật nên ông cố giải thích. Ông nói mình bồn chồn, ngoài ra ông muốn xem đồng quê, ngửi mùi đất, ngắm cây cỏ và chim chóc, thưởng thức vùng thôn dã, và không có cách nào

khác hơn là đi bộ. Và người ta không thích ông nói sự thật. Họ quắc mắt, hoặc lắc đầu, vỗ trán, họ cười như thể biết đó là nói láo và họ thông cảm cho đứa nói láo. Một số kẻ lo cho con gái hay con lợn của mình, họ bảo ông đi đi, tiếp tục đi đi, đừng dừng lại gần chỗ của họ nếu ông ấy khôn hồn.

Vì thế ông không cố nói thật nữa. Ông nói mình làm như vậy vì một vụ cá cược, rằng ông muốn thắng một trăm đô. Khi ấy mọi người thích ông và tin ông. Họ mời ông vào ăn tối, dọn giường cho ông, họ làm sẵn thức ăn trưa cho ông, chúc ông may mắn, và nghĩ ông là anh chàng hay quá xá cỡ. Doc vẫn yêu sự thật, nhưng ông biết sự thật không phải là mối tình chung mà có thể là tình nhân rất nguy hiểm.

Doc không dừng lại ở Salinas để ăn bánh mì kẹp thịt. Nhưng ông ngừng ở Gonzales, ở King City, và ở Paso Robles. Ông ăn bánh mì kẹp thịt và uống bia ở Santa Maria - hai cái ở Santa Maria vì từ đó tới Santa Barbara còn xa. Ở Santa Barbara ông ăn súp, salad rau diếp và đậu dây, thịt bò hầm và khoai nghiền, bánh dứa, pho mát xanh và cà phê, sau đó ông đổ đầy thùng xăng rồi vào phòng vệ sinh. Trong lúc trạm xăng kiểm tra dầu nhớt và bánh xe, Doc rửa mặt, chải râu, và khi ông quay lại xe thì một số người có vẻ muốn đi nhờ xe đang đợi.

“Ông xuôi nam?”

Doc rất hay lái trên quốc lộ. Ông là tay sành sỏi. Bạn phải rất cẩn thận khi chọn người đi nhờ xe. Tốt nhất là chọn một kẻ có kinh nghiệm, vì anh ta sẽ im lặng. Kẻ non nớt sẽ cố trả công cho chuyến đi bằng cách tỏ ra thú vị. Doc đã từng đi một chặng

đường với một kẻ nói huyền thuyên thuộc loại đó. Rồi sau khi quyết định chọn kẻ đi cùng, bạn tự phòng vệ bằng cách nói bạn đi không xa. Nếu bạn chọn nhầm một kẻ hóa ra quá sức chịu đựng, bạn có thể bỏ rơi hắn. Mặt khác, bạn có thể may mắn gặp một người rất đáng biết. Doc thăm dò chớp nhoáng dãy người và chọn bạn đồng hành, một ông mặt choắt mặc vét xanh có vẻ là người đi chào hàng. Ông ta có những vết hằn sâu bên khoe miệng và cặp mắt đen trầm tư.

Ông ta nhìn Doc với vẻ không ưa. “Ông xuôi nam?”

Doc nói: “Ừ, không xa.”

“Cho tôi đi cùng được không?”

Doc nói: “Lên xe!”

Chẳng bao lâu sau bữa ăn no cứng vừa rồi họ tới Ventura, vì thế Doc chỉ dừng lại uống bia. Người đi cùng chưa nói lần nào. Doc dừng xe ở một quán bên đường.

“Uống bia chứ?”

Người đi cùng nói: “Không, và tôi phải nói tôi nghĩ uống rượu khi lái xe là rất dở. Ông làm gì với đời ông thì không phải là việc của tôi, nhưng trong trường hợp này ông có chiếc ô tô và nó có thể là món vũ khí giết người trong tay một kẻ lái xe say rượu.”

Thoạt tiên Doc hơi sửng sốt. Ông nhỏ nhẹ nói: “Ra khỏi xe.”

“Cái gì?”

Doc nói: “Tôi sẽ đâm vào mũi ông, nếu ông không ra khỏi chiếc xe này trước khi tôi đếm tới mười... một... hai... ba...”

Ông ta lóng ngóng mở cửa và lùi vội ra khỏi xe. Nhưng khi đã

ra ngoài ông ta hét: “Tao sẽ đi kiểm cảnh sát. Tao sẽ cho mày vô tù.”

Doc mở ngăn chứa đồ phía trước, lấy cái mỏ lết ra. Ông khách thấy cử chỉ ấy bèn vội vàng bước đi.

Doc tức giận đi tới quầy quán hàng.

Cô hầu bàn, người đẹp tóc vàng, cổ hơi có bướu, mỉm cười: “Ông dùng gì?”

Doc nói: “Kem sữa trộn bia.”

“Cái gì cơ?”

Ồ thế đấy, mặc kệ. Lúc này hay lúc khác thì cũng cứ làm một lần cho xong.

Cô tóc vàng hỏi: “Ông đùa à?”

Doc biết chán ra là ông không thể giải thích, không thể kể sự thật. Ông nói: “Tôi bị tức bọng đái. Bác sĩ bảo là chứng *bipalychaetorsonectomy*. Tôi phải uống *kem sữa trộn bia*. Bác sĩ bắt.”

Cô tóc vàng mỉm cười yên trí. Cô hóm hỉnh nói: “Ồ! Tôi nghĩ ông đùa. Nhờ ông chỉ cho tôi cách làm. Tôi không biết ông bị bệnh.”

Doc nói: “Bệnh nặng lắm, sắp sửa nặng hơn. Cho sữa vào, rồi rót thêm nửa chai bia. Nửa chai còn lại rót vào ly cho tôi... đừng cho đường vào kem sữa.” Khi cô đưa ra, ông nhăn nhó nếm nó. Không tới nổi tệ... mùi vị giống như bia cũ pha sữa.

Cô tóc vàng nói: “Nghe bộ thấy ghê.”

Doc nói: “Khi cô quen rồi thì không tới nổi ghê lắm. Tôi đã

uống nó mười bảy năm nay.”

Chương 18

Doc lái chậm. Chiều đã muộn khi ông dừng lại ở Ventura, thật vậy muộn đến nỗi khi ghé quán Carpentaria ông chỉ ăn bánh mì phó mát rồi vào phòng vệ sinh. Vả lại ông định ăn một bữa no nê ở Los Angeles, và trời đã tối khi ông tới đó. Ông lái vào thành phố và ngừng ở Chicken-in-the-Rough, một nhà hàng lớn mà ông biết. Ở đó ông gọi gà rán, khoai tây thái dài, bánh mì nóng với mật ong, và một miếng bánh dứa với phó mát xanh. Rồi ông rót đầy cà phê nóng vào bình thủy của mình, bảo họ làm sáu cái bánh mì thịt nguội và mua hai lít bia để điểm tâm.

Lái xe ban đêm chẳng có gì thú vị. Không gặp chó, chỉ thấy đèn pha xe ông rọi sáng xa lộ. Doc phóng nhanh để kết thúc cuộc hành trình. Ông tới La Jolla khoảng 2 giờ sáng. Ông lái xuyên qua thị trấn, tới vách đá phía trên bãi thủy triều ông muốn đến. Rồi ông tắt máy xe, ăn một cái bánh thịt nguội, uống chút bia, tắt đèn và cuộn tròn trên ghế để ngủ.

Ông không cần đồng hồ. Ông đã quen làm việc với thời biểu thủy triều tới nỗi ông có thể cảm thấy con nước đổi dòng khi ngủ. Lúc hừng đông ông thức dậy, nhìn qua kính trước thấy nước đã rút dưới bãi đá cuội. Ông uống chút cà phê nóng, ăn ba cái bánh mì thịt nguội và uống một lít bia.

Khó có thể thấy thủy triều rút. Đá cuội lộ ra và dường như trời lên, biển rút đi để lại những vũng nước nhỏ, rong rêu ướt và hải miên óng ánh, nâu, xanh và đỏ choét. Các thứ phế thải khó tin của biển, vỏ sò vỡ và sứt mẻ, móng vuốt cùng với các mẫu xương nằm dưới đáy. Toàn bộ đáy biển là bãi nghĩa trang dị kỳ nơi các sinh vật chạy nhốn nháo và bò lổm ngổm.

Doc xỏ đôi ủng cao su, nhắng nhít đội cái mũ đi mưa. Ông lấy chậu, bình và xà beng, nhét mấy cái bánh mì thịt nguội vào một túi áo và bình thủy vào túi bên kia, rồi ông xuống vách đá tới bãi thủy triều. Sau đó ông lượm bắt xa dần trên bãi theo nước biển rút. Ông lấy xà beng lật các hòn đá, thỉnh thoảng tay ông thọc nhanh xuống mặt nước lặn nhặt lên một con bạch tuộc nhỏ đang quần quai tức giận, đổ tía vì thịnh nộ và phun mực lên tay ông. Ông thả nó vào bình nước biển với mấy con khác, và con mới vào thường cáu tới nỗi nó tấn công đồng bọn.

Hôm đó bắt được nhiều. Ông bắt được 22 con bạch tuộc nhỏ. Và ông nhặt vài trăm con ốc song kinh thả vào cái chậu gỗ. Khi thủy triều rút, ông tiến ra theo trong khi bình mình đến dần và mặt trời lên. Bãi trải dài 200 mét tới dãy đá lớn phủ đầy rong trước khi thụt xuống nước sâu. Doc lội tới mép bờ đá chắn. Ông đã có gần đủ thứ mình muốn, bây giờ ông lật đá lên xem, cúi nhìn sầm soi vũng thủy triều rực rỡ như bức tranh khảm và cuộc sống vội vàng sôi nổi của nó. Cuối cùng ông ra tới bờ chắn phía ngoài, nơi tảo nâu dai và dài buông thõng xuống nước. Sao biển đỏ bám thành cụm trên đá, và biển rộn ràng trời sụt võ lên bờ đá chắn chờ lúc lại tràn vào. Giữa hai tảng đá phủ rong trên

bờ đá chắn Doc thấy một vật trắng lấp lánh dưới nước rồi bị rong trôi che phủ. Ông leo qua bãi đá trơn trượt tới chỗ đó, cố đứng vững, rồi nhẹ nhàng cúi xuống tách đám tảo nâu. Khi ấy ông sững người. Một khuôn mặt thiếu nữ nhìn lên ông, một cô gái xinh xắn, xanh xao với mái tóc đen. Mắt mở và trong, mặt cương nghị, và tóc trôi lững lờ quanh đầu cô. Thân cô bị che khuất, kẹt trong khe đá. Đôi môi hơi hé để lộ hàm răng, và khuôn mặt chỉ thấy vẻ an nhàn thư thái. Mặt cô sát mặt nước, và nước trong vắt khiến cho khuôn mặt rất đẹp. Đối với Doc, hình như ông nhìn cô mấy phút, và hình ảnh khuôn mặt khắc sâu vào ký ức ông.

Ông rút tay lên rất chậm, để rong nâu lững lờ trôi lại che phủ khuôn mặt. Tim Doc đập mạnh, cổ họng ông cảm thấy thắt lại. Ông nhặt chấu, bình và xà beng, đi chậm rãi trên vĩa đá trơn trượt về bãi cát.

Và khuôn mặt cô gái đi trước ông. Doc ngồi xuống bãi cát thô và khô, tháo ủng. Đám bạch tuộc nhỏ trong bình co lại cố tránh xa nhau. Nhạc vang lên trong tai Doc, tiếng sáo du dương cao và sắc mang một giai điệu ông không thể nhớ, và trên nền tiếng sáo là nhóm nhạc cụ gỗ vỗ âm âm như sóng. Tiếng sáo lên tới âm vực ngoài tầm nghe, dù vậy nó vẫn mang giai điệu khó tin. Cánh tay Doc nổi gai. Ông rùng mình, mắt ông ướm như khi tập trung nhìn vẻ đẹp tuyệt vời. Mặt cô gái trong và xám, tóc đen bông bênh trôi lững lờ trên mặt. Hình ảnh ấy cố định mãi. Ông ngồi đó trong khi nước bắt đầu hắt nhẹ qua bãi đá ngấm đẫm theo đợt triều cường. Ông ngồi đó nghe tiếng nhạc trong khi

biển lại mon men lên bãi đá sỏi. Tay ông gõ nhịp, và tiếng sáo kinh hoàng chơi trong óc ông. Đôi mắt xám, và cái miệng hơi mỉm cười hình như giữ hơi thở trong trạng thái mê.

Một giọng nói hình như làm ông thức tỉnh. Một ông đứng sát trên ông.

“Câu cá à?”

“Không, tôi nhặt.”

“Ồ... con gì vậy?”

“Bạch tuộc nhỏ.”

“Cá mực hả? Tôi không biết ở đó có. Tôi sống ở đây cả đời mà.”

Doc lơ đãng nói: “Ông phải tìm mới thấy.”

Ông kia nói: “Này, ông không khỏe à? Ông có vẻ bệnh.”

Tiếng sáo lại lên cao, tiếng cello trầm, và biển mon men vào, tiến dần lên bãi cát. Doc rũ bỏ tiếng nhạc, rũ bỏ khuôn mặt, rũ giá lạnh khỏi cơ thể ông. “Gần đây có trạm cảnh sát nào không?”

“Trên thị trấn. Sao vậy, có chuyện gì?”

“Ngoài bãi đá ngầm có xác người.”

“Ở đâu?”

“Ngay ngoài đó... kẹt giữa hai tảng đá. Con gái.”

Ông kia nói: “Này... tìm thấy xác ông sẽ được thưởng đấy. Tôi quên là bao nhiêu.”

Doc đứng lên gom lại dụng cụ của ông. “Ông báo cáo vụ này nhé? Tôi cảm thấy không khỏe?”

“Làm ông sống sót chứ gì? Thấy... ghê không? Đã rửa hay bị

cá rĩa.”

Doc quay lưng đi. Ông nói: “Ông lấy tiền thưởng. Tôi không muốn.” Ông bước tới xe. Trong đầu ông chỉ còn tiếng thối sáo rất nhỏ.

Chương 19

Chắc hẳn cửa hàng bách hóa Holman chưa từng có kiểu quảng cáo nào đem lại nhiều lời khen như lần dùng người trượt patanh trên cột cờ. Ngày qua ngày, anh ta trượt vòng quanh trên cái thềm nhỏ hình tròn, và ban đêm cũng thấy anh trên đó, đen sẫm trên nền trời nên mọi người biết anh không xuống đất. Tuy nhiên, nói chung mọi người đều biết là ban đêm có một thanh sắt đâm xuyên qua giữa thềm để anh buộc mình vào đó. Nhưng anh không ngồi xuống và chẳng ai bận tâm về thanh sắt. Dân xóm Jamesburg tới xem anh ta, và từ ven biển xa tận Grimes Point xuống. Dân Salinas lũ lượt kéo tới, và Hội Thương gia Nông sản của thị xã ấy rao giá mời anh trượt patanh lần sau tới đó cố phá kỷ lục của chính anh để cho Salinas giữ kỷ lục thế giới mới. Vì không có nhiều người trượt patanh trên cột cờ, và vì anh này là người giỏi nhất cho tới nay, năm ngoái anh đã đi đây đi đó phá kỷ lục thế giới của chính mình.

Tiệm Holman hài lòng về khoản chi này. Họ có đợt bán hạ giá đồng loạt hàng vải, hàng dư thừa, đồ nhôm và đồ sành sứ. Người ta đứng chen chúc ngoài đường nhìn anh chàng đơn độc trên thềm trượt.

Hết ngày thứ hai, anh ta nhả xuống rằng có kẻ dùng súng hơi bắn anh. Phòng trưng bày nặn óc. Họ tính đường đạn và tìm

ra kẻ tội phạm. Đó là ông bác sĩ già Merrivale nấp sau màn cửa phòng mạch của ông nhả đạn khẩu súng hơi Daisy. Họ không tố cáo ông và ông hứa không làm nữa. Ông là thành viên lỗi lạc của chi nhánh Hội Tam điểm.

Henri họa sĩ đem ghế ra ngồi ở trạm xăng của Red Williams. Hắn tính toán mọi kiểu tiếp cận một cách triết lý có thể có đối với tình hình và đi đến kết luận là hắn sẽ phải dựng một cái thêm ở nhà để tự mình thử. Anh trượt patanh có ảnh hưởng ít nhiều đến mọi người trong thị trấn. Chỗ nào không thấy anh ta thì buôn bán ế ẩm, chỗ nào càng gần tiệm Holman thì càng phát đạt. Mack và đám choai choai lên xem một lát rồi quay về Biệt thự. Họ thấy nó chẳng có nghĩa gì.

Tiệm Holman bày cái giường đôi trong tủ kính. Khi anh trượt patanh phá kỷ lục thế giới, anh sẽ xuống ngủ ngay trong tủ kính mà không cởi đôi giày trượt. Tên nhà sản xuất tấm nệm ghi trên một tấm thiệp nhỏ đặt ở chân giường.

Bây giờ cả thị trấn hào hứng và bàn tán về biến cố thể thao này, nhưng câu hỏi thú vị nhất và làm cả thị trấn áy náy lại chẳng hề được nói ra. Không ai nhắc nhở tới, nhưng nó cứ ám ảnh mọi người. Bà Trolat bán khoản về nó lúc ra khỏi tiệm bánh Scotch với một túi bánh mì ngọt. Ông Hall trong tiệm y phục đàn ông muốn biết về nó. Ba cô nhà Willoughby cười khúc khích mỗi khi nghĩ về nó. Nhưng không ai có can đảm đưa nó ra công khai.

Richard Frost, một thanh niên nóng nảy và thông minh, lo nghĩ về nó hơn bất kỳ ai khác. Nó ám ảnh hắn. Tối thứ Tư hắn lo

lắng, tối thứ Năm hần sốt ruột. Tối thứ Sáu hần say và cãi nhau với vợ. Cô vợ khóc một lát rồi giả vờ ngủ. Cô nghe hần lén ra khỏi giường và đi vào bếp. Hần uống thêm một ngụm nữa. Rồi cô nghe hần lặng lẽ mặc quần áo rồi đi ra. Thế là cô lại khóc nữa. Đêm đã khuya lắm. Cô Frost chắc chắn là hần đi xuống Cờ Gấu của Dora.

Richard vững bước xuống đồi, đi xuyên qua đám cây thông tới phố Hải Đăng. Hần rẽ trái lên hướng tiệm Holman. Hần có chai rượu trong túi, và trước khi tới tiệm hần tợp một ngụm nữa. Đèn đường mờ tối. Thị trấn hoang vắng. Không một bóng người di chuyển. Richard đứng giữa đường nhìn lên.

Hần thấy hình dáng cô đơn của anh trượt patanh lơ mờ trên đỉnh cây cột cao. Hần tợp một ngụm nữa. Hần khum bàn tay và gọi giọng khàn khàn: “Ê!” Không có tiếng trả lời. “Ê!” hần gọi lớn hơn, và nhìn dáo dác để xem chừng mấy tay cớm bên cạnh nhà băng có bước ra không.

Trên trời có tiếng trả lời câu kính vọng xuống: “Mày muốn gì?”

Richard lại khum hai bàn tay một lần nữa. “Làm sao... làm sao mày... tiểu tiện?”

Giọng nói: “Tao có cái lon trên này.”

Richard quay lưng đi ngược lại con đường hần đã đi. Hần bước dọc theo phố Hải Đăng, lên xuyên qua đám cây thông về tới nhà và tự mở cửa vào. Khi hần thay quần áo, hần biết vợ còn thức. Cô ta hơi thút thít lúc ngủ. Hần leo vào giường, cô nhích chỗ cho hần.

Richard nói: “Nó có cái lon trên đó.”

Chương 20

Giữa buổi sáng chiếc xe tải Model T đặc thẳng lăn về tới Cannery Row, nảy tung tung qua rãnh nước và cốt kết qua đám cỏ dại lên tới chỗ của nó phía sau tiệm Lee Chong. Đám choai choai kê hai bánh trước lên khúc gỗ, rút xăng còn lại vào cái thùng 20 lít, vác mấy bao ếch lên rồi rã rượi đi về Biệt thự Lữ thú. Khi đó Mack trịnh trọng tới thăm Lee Chong trong lúc đám choai choai nhóm lửa cái bếp lớn. Mack chững chạc cảm ơn Lee đã cho mượn chiếc xe tải. Gã kể chuyến đi thành công rực rỡ, bắt được hàng trăm con ếch. Lee mỉm cười e dè và chờ điều không thể tránh khỏi.

Mack phấn khởi nói: “Tụi tui có bọn bạc. Doc trả tụi tui năm xu một con ếch, tụi tui bắt được cỡ một ngàn con.”

Lee gật đầu. Giá chuẩn. Mọi người đều biết.

Mack nói: “Doc đi vắng. Giê-su ơi, ổng sẽ khoái khi ổng thấy đám ếch.”

Lee lại gật đầu. Ông biết Doc đi vắng, và ông cũng biết câu chuyện đang đi tới đâu.

Mack nói như gã vừa mới nghĩ ra: “A, nhân thể, lúc này tụi tui hơi túng...” Cách gã nói nghe như đó là một hoàn cảnh rất bất thường.

Lee Chong nói: “*Nô xì lơ*,” và ông mỉm cười.

Mack tức giận: “Tụi tui cần rượu làm cái gì? Sao nè tụi tui có bốn lít rượu thượng hạng ông chưa từng dính môi... đây ngập một bình bốn lít tổ mẹ.” Hần nói tiếp: “Nhân thể tui với tụi nhỏ muốn mời ông quá bộ lên nhấp một ngụm với tụi tui. Tụi nó biểu tui mời ông.”

Không dần lòng được, Lee mỉm cười sung sướng. Tụi nó sẽ không mời nếu tụi nó không có.

Mack nói: “Khoan, tui sẽ nói thẳng. Tui với tụi nhỏ khá kệt mà tụi tui đói lắm. Ông biết giá 20 con ếch là một đô. Bây giờ Doc đi vắng, còn tụi tui thì đói. Vì vậy tụi tui nghĩ như vậy. Tụi tui không muốn thấy ông chịu lỗ lã gì, vì vậy tụi tui nhượng lại cho ông 25 con ếch lấy một đô. Ông lời 5 con ếch ngay đó mà hông có ai phải lỗ mất áo.”

Lee nói: “Không, không *tiếng*.”

“Ồ, quý thần ơi, Lee, bọn tui chỉ cần một ít hàng. Tui cho ông biết... tụi tui muốn làm bữa tiệc nhỏ cho Doc khi ổng về tới. Tụi tui có cả đồng rượu, nhưng tụi tui muốn có một ít bit tết với các món đại loại như vậy. Ổng là một anh chàng thật tử tế. Quý thần ơi, hồi vợ ông đau răng, ai cho bả còn thuốc phiện?”

Mack nắm được ông. Lee nợ Doc - nợ đậm. Điều Lee không hiểu nổi là làm thế nào món nợ của ông với Doc lại phải khiến ông cho Mack thiếu nợ.

Mack nói tiếp: “Tụi tui đâu có muốn lấy ếch để vay nợ ông. Tụi tui trao tận tay cho ông 25 con ếch để lấy một đô hàng hóa ông bán cho tụi tui, còn ông thì cũng cứ tới dự tiệc.”

Trí não Lee sục sạo vào đề nghị này như con chuột trong tú phó mát. Ông thấy chẳng có gì trục trặc. Toàn bộ là hợp pháp. Éch là tiền mặt đối với Doc, giá cả chuẩn, và Lee có lợi hai đầu. Ông vừa lời 5 con ếch vừa có thể tăng giá hàng. Toàn bộ sự việc tùy theo tội nó thật sự có con ếch nào không.

Cuối cùng Lee nói: “Mình *li coi ết*.”

Ông đứng trước Biệt thự uống một ngụm rượu, kiểm tra mấy cái bao ếch ướt đầm, và đồng ý trao đổi. Tuy nhiên, ông đặt điều kiện là ông không nhận ếch chết. Mack đếm ngay 50 con ếch vô thùng thiếc rồi đi với Lee về tiệm tạp hóa để lấy hai đô la thịt heo xông khói và trứng với bánh mì.

Tiên đoán việc kinh doanh phát đạt, Lee lấy ra một thùng lớn dùng để đóng hàng đặt trong chỗ bày rau quả. Ông đổ 50 con ếch vào đó rồi đập lại bằng một cái bao đay ướt để cho hàng của ông thoải mái.

Và kinh doanh phát đạt. Eddie tà tà đem hai con ếch xuống đổi thuốc lá Bull Durham. Lát sau Jones nổi giận vì giá Coca-Cola tăng từ một lên hai con ếch. Thật vậy, cay đắng tăng theo thời gian và giá cả tăng. Chẳng hạn, bít tết: nửa ký bít tết ngon nhất lẽ ra không nên hơn 10 con ếch, nhưng Lee tính giá 12 con rưỡi. Đào đóng hộp lên giá tới mây xanh, 8 con ếch một lon Số 2. Lee biết bắt chẹt người tiêu thụ. Ông dám chắc Thrift Market hay tiệm Holman sẽ không chấp nhận hệ thống tiền tệ mới này. Nếu muốn có bít tết, tội nó biết phải chịu cái giá của Lee. Bực bội dâng cao khi Hazel, từ lâu đã thèm đôi băng đeo tay bằng lụa màu vàng, được bảo rằng nếu không muốn trả 35 con ếch

thì nó cứ đi chỗ khác mà mua. Lòng tham độc địa đã len vào thỏa thuận mua bán thật thà và đáng khen. Cay đắng chồng chất. Nhưng ếch cũng chồng chất trong thùng hàng của Lee.

Cay đắng về tài chính không thể ăn quá sâu vào Mack và đám choai choai, vì họ không phải là dân buôn bán. Họ không đo niềm vui bằng số hàng bán được, không đo cái tôi bằng số tiền trong ngân hàng, không đo điều họ yêu thích bằng giá tiền mua nó. Họ hơi cáu vì Lee coi họ như một vụ kiếm chác hay có lẽ một cú vớ bở, nhưng cùng lúc đó trong dạ dày họ có hai đô la thịt heo xông khói và trứng nằm đè trên một ngụm rượu kha khá, và đè trên bữa điểm tâm ấy lại là một ngụm rượu nữa. Họ ngồi trên ghế của họ trong nhà của họ nhìn Darling học cách uống sữa hộp trong lon cá mòi. Darling có số phận sẽ là con chó rất sướng, vì nhóm năm người này có năm lý thuyết khác nhau về cách huấn luyện chó, mà các lý thuyết mâu thuẫn nhau tới nỗi Darling không bao giờ được dạy dỗ. Ngay từ đầu nó đã là con chó cái khôn trước tuổi. Nó ngủ trên giường kẻ nào dứt lót cho nó cuối cùng. Đôi khi họ ăn trộm vì nó. Họ tranh nhau tán tỉnh nó. Thỉnh thoảng cả năm đứa đồng ý phải thay đổi và Darling phải có kỷ luật, nhưng khi bàn tới phương pháp thì họ cứ buông trôi ý định ban đầu. Họ yêu mến nó. Họ thấy vững nước nhỏ nó để lại trên sàn là dễ thương. Họ quấy rầy mọi người quen biết về sự duyên dáng của nó, và họ sẽ nhồi nó ăn cho tới chết nếu rốt cuộc nó không khôn hơn họ.

Jones làm cho nó cái giường bên dưới đồng hồ quả lắc, nhưng Darling chẳng bao giờ dùng. Nó ngủ với đứa này hay đứa kia tùy

theo ý thích. Nó nhá chần, xé đậm, cào tung tóe gỏi nhồi lông vịt. Nó làm đởm và khiến các ông chủ nó kinh địch nhau. Họ nghĩ nó tuyệt vời. Mack định dạy nó nhiều trò tiểu xảo để lên chương trình tạp kỹ, nhưng gã thậm chí không dạy được nó tiêu tiểu đúng chỗ.

Đến chiều họ ngồi hút thuốc, tiêu hóa, ngẫm nghĩ, và thỉnh thoảng tợp một ngụm nhỏ trong bình. Mỗi lần uống họ cảnh giác rằng không được uống nhiều quá, vì rượu này dành cho Doc. Họ không được quên điều đó một giây phút nào.

Eddie hỏi: “Anh tính mấy giờ ổng về tới nhà?”

Mack nói: “Thường về khoảng 8 hay 9 giờ. Bây giờ mình phải tính là khi nào mình sẽ làm tiệc. Tao nghĩ mình nên làm tối nay.”

Mấy đứa kia đồng ý: “Ừ.”

Hazel gợi ý: “Có thể ổng mệt. Lần này lái xa.”

Jones nói: “Đồ quý, hổng có cái gì làm mày khỏe bằng một bữa tiệc kha khá. Có lần tao mệt bỏ hơi tai, lết không muốn nổi, tao đi ăn tiệc rồi cảm thấy khỏe.”

Mack nói: “Mình phải nghĩ thiệt kĩ. Mình bày tiệc ở đâu... ở đây à?”

“Ồ, Doc, ổng khoái nhạc của ổng. Doc luôn luôn chạy máy hát của ổng mỗi khi có tiệc. Nếu mình làm tiệc bên nhà ổng có thể ổng sẽ khoái hơn.”

Mack nói: “Mày nói cũng phải, nhưng tao tính nên là tiệc bất ngờ. Còn mình sẽ làm sao cho giống một bữa tiệc chứ hổng phải

chỉ là tụi mình xách qua đó một bình rượu.”

Hughie đề nghị: “Nếu trang hoàng nhà thì sao? Như ngày lễ Độc lập hay Halloween.”

Mắt Mack nhìn xa xăm vào khoảng không và môi gã mở hé. Gã có thể hình dung được hết. Gã nói: “Hughie, tao nghĩ mày nói có phần đúng. Tao không ngờ mày nghĩ được như vậy, nhưng Chúa ơi, lần này thiệt tình mày thấy vòng lộn trúng đầu vịt.” Giọng gã dịu lại và mắt gã nhìn vào tương lai. Gã nói: “Tao có thể hình dung rõ ràng. Doc về tới nhà. Ổng mệt. Ổng lái lên. Nhà sáng rực. Ổng nghĩ có trộm vô. Ổng lên lầu, Chúa ơi, nhà cửa trang hoàng quá xá cỡ. Giấy màu, cờ hiệu, ổ bánh bự. Giê-su ơi, vậy là ổng biết có tiệc. Mà hổng phải tiệc nhí hổng ra cút gì. Còn mình thì núp để ổng hổng biết liền lập tức là ai làm. Rồi mình nhào ra la. Tụi mày có thể tưởng tượng nổi mặt ổng không? Chúa ơi, Hughie, tao hổng biết làm sao mày nghĩ ra được.”

Hughie đỏ mặt. Ý đồ của nó bảo thủ hơn nhiều, thật ra là bắt chước theo bữa tiệc tân niên ở quán La Ida, nhưng nếu hóa ra như vậy thì Hughie sẵn sàng nhận công trạng. Nó nói: “Tui nghĩ như vậy thì mới hay.”

Mack nói: “Ôi chao, hay quá sức, và tao sẵn sàng nói là khi hết bất ngờ thì tao sẽ kể cho Doc biết là đứa nào nghĩ ra.”

Bọn họ dựa ngửa ra suy nghĩ sự việc. Trong đầu họ phòng thí nghiệm trang hoàng giống như nhà kính trồng cây của Hotel del Monte. Họ uống hai ngụm nữa, chỉ để nhâm nhi kế hoạch.

Lee Chong có cái tiệm rất đáng nể. Thí dụ, vào tháng Mười

phần lớn các cửa hàng mua giấy trang trí vàng và đen, con mèo mun bằng giấy, mặt nạ và quả bí ngô làm bằng giấy bồi. Loại hàng này bán chạy vào dịp Halloween rồi sau đó biến mất. Có thể hàng đã bán hết hay vứt đi, nhưng bạn không thể tìm mua chúng vào tháng Sáu chẳng hạn. Cờ và cờ đuôi nheo cùng pháo thăng thiên dùng cho lễ Độc lập ngày mừng 4 tháng Bảy cũng vậy. Chúng ở đâu vào tháng Giêng? Biến mất - không ai biết ở đâu. Lee Chong không như vậy. Ở tiệm của Lee Chong bạn có thể mua quà cho ngày Valentine vào tháng Mười một, mua lá tam điệp, cây rìu nhỏ và cây anh đào giấy vào tháng Tám. Ông có pháo để dành từ năm 1920. Một trong những bí ẩn là ông cất hàng tồn kho ở đâu vì tiệm ông không lớn lắm. Ông có áo tắm mua hồi thời trang là váy dài, vớ đen và khăn đội đầu. Ông có cái kẹp quần để đi xe đạp, cái suốt đăng ten và bộ mặt chược. Ông có huy hiệu “Tưởng nhớ chiến hạm Maine”* và cờ đuôi nheo bằng nỉ tưởng niệm “Fighting Bob”*. Ông có quà lưu niệm Triển lãm Quốc tế vùng Thái Bình Dương ở Panama năm 1915: cái tháp nhỏ gắn đá quý. Và cách làm ăn của Lee còn một điểm phi chính thống nữa. Ông không bao giờ bán xôn, không bao giờ giảm giá, và không bao giờ bán tổng bán tháo hàng ế. Một món giá 30 xu năm 1912 giờ vẫn 30 xu, mặc dù chuột và sâu bọ hình như làm cho một số người thấy nó giảm giá trị. Nhưng không hề gì. Nếu bạn muốn trang trí phòng thí nghiệm một cách chung chung, không cần cụ thể là mùa nào mà chỉ cần gây ấn tượng vừa là ngày hội Saturnalia* vừa là dịp Rước Quốc kỳ các Quốc gia, thì tiệm Lee Chong là chỗ để tìm món ta cần.

Mack và đám choai choai biết như thế, nhưng Mack nói: “Mình kiếm đâu ra ổ bánh bự? Lee chỉ có mấy cái bánh nhỏ.”

Hughie mới thành công quá cỡ, nó thử lần nữa. Nó đề nghị: “Sao Eddie hồng nướng bánh? Hồi trước có một dạo Eddie làm đầu bếp chiên xào ở San Carlos mà.”

Ý kiến đó làm Eddie chột hăng hái tới nỗi hẳn không muốn thú nhận là hẳn chưa bao giờ nướng bánh.

Mack cho ý kiến đó thêm một cơ sở tình cảm. Gã nói: “Như vậy sẽ có ý nghĩa hơn đối với Doc. Hồng như đi mua cái bánh cũ nhão nhoét, ổ bánh phải có tâm tình trong đó.”

Chiều càng xế bóng và rượu càng cạn thì lòng hăng hái càng tăng. Họ ghé tiệm của Lee Chong vô số lần. Éch trong một bao hết sạch và thùng hàng của Lee Chong trở nên chật chội. Lúc 6 giờ họ đã cạn bốn lít rượu mạnh và nhiều lần mua một phần tư lít Giày Quần Vợt Cũ với giá 15 con éch một chai, nhưng đồ trang trí đã được chất đống trên sàn Biệt thự Lữ thú: hàng cây số giấy màu kỷ niệm mọi ngày lễ thời thượng và cả những lễ đã bị lãng quên.

Eddie coi chừng cái bếp của hẳn như gà mái đẻ. Hẳn nướng bánh trong chậu giặt. Công thức được công ty sản xuất mỡ làm bánh bảo đảm sẽ không thất bại. Nhưng ngay từ đầu cái bánh đã lạ lùng. Bột quậy xong, nó quẩn quại và phập phồng như có bầy thú cựa quậy bò lổn nhổn bên trong. Bỏ vào lò, nó nổi một cục to như quả bóng chày càng lúc càng cứng và sáng loáng, rồi xì một tiếng xẹp lép để lại cái hố lớn tới nỗi Eddie quậy một mớ bột nữa để lấp hố. Bây giờ cái bánh phản ứng rất quái dị, vì dưới

đáy cháy bốc khói đen, nhưng phía trên phồng lên xẹp xuống dẻo như keo và kêu lộp bộp từng tràng.

Cuối cùng khi Eddie đem nó ra để nguội, nó giống như một trong những tác phẩm chiến trường trên bãi dung nham của Bel Geddes* được thu nhỏ lại.

Ổ bánh này không may, vì trong khi đám choai choai trang hoàng phòng thí nghiệm, Darling chén những chỗ ăn được rồi phát buồn nôn, và cuối cùng nằm cuộn tròn trong ổ bánh còn ấm và ngủ.

Nhưng Mack và đám choai choai đã đem giấy màu, mặt nạ, cán chổi và bí đỏ bằng giấy, dây cờ xanh trắng đỏ, vác qua lô đất, băng ngang đường tới phòng thí nghiệm. Họ tổng khứ đám ếch cuối cùng để lấy một lít Giày Quần Vợt Cũ và hai thùng bốn lít rượu vang 49 xu.

Mack nói: “Doc rất thích rượu vang. Tao nghĩ ông còn thích hơn rượu mạnh.”

Doc không bao giờ khóa cửa phòng thí nghiệm. Thuyết của ông là bất kỳ ai thật sự muốn đột nhập đều có thể vào dễ dàng, và bản chất người ta là lương thiện, vả lại, dù sao ở đó cũng chẳng có gì để một người bình thường muốn ăn trộm. Những món có giá trị là sách, đĩa nhạc, dụng cụ giải phẫu và kính quang học, mấy thứ đó một tên trộm nhà nghề sẽ không để mắt tới. Lý thuyết của ông đúng đối với bọn đào tường khoét vách, đám cướp giật và tụi táy máy trộm vặt, nhưng hoàn toàn vô hiệu đối với các bạn ông. Sách cứ hay bị “mượn”. Lon đậu không sống sót khi ông vắng mặt, và trong vài trường hợp, khi về trễ,

ông thấy có khách trên giường.

Tụi choai choai chất đồ trang trí trong phòng phía trước, Mack ngừng họ lại và hỏi: “Cái gì làm Doc vui nhất?”

Hazel nói: “Tiệc!”

Mack nói: “Sai.”

Hughie gợi ý: “Trang trí?” Nó cảm thấy có trách nhiệm về trang trí.

Mack nói: “Sai, ếch. Ếch mới làm cho ổng cảm thấy vui nhất. Có thể lúc ổng về tới đây thì Lee Chong đã đóng cửa, rồi tới mai ổng mới thấy được ếch của ổng.” Mack thốt lên, “Không được, mấy con ếch nên ở ngay đây, ngay giữa phòng, gắn dây cờ với tám bảng ghi ‘Mừng Doc trở về.’”

Ủy ban đi gặp Lee đã vấp sự phản đối kiên quyết. Mọi tình huống có thể xảy ra đã tự động tới trình diện bộ óc hoài nghi của Lee. Họ phân trần rằng ông sẽ có mặt ở buổi tiệc để có thể coi chừng tài sản của ông, rằng không ai thắc mắc ếch là của ông. Mack viết giấy chuyển nhượng ếch cho Lee, ngừa trường hợp có thắc mắc.

Ông phản đối yếu dần, thế là họ đem thùng ếch qua phòng thí nghiệm, gắn dây cờ xanh trắng đỏ lên, lấy iốt viết chữ lớn trên miếng bìa, sau đó họ bắt đầu trang hoàng. Lúc này họ đã uống hết rượu, và họ thật sự cảm thấy đang trong tâm trạng tiệc tùng. Họ đan chéo giấy màu và treo bí đỏ lên. Mấy đứa đi ngang đường vào nhập bọn, chạy qua tiệm Lee mua thêm rượu. Lee Chong tới tham dự một lát, nhưng bao tử ông yếu khét tiếng, ông buồn nôn và phải về nhà. Lúc 11 giờ họ rán bít tết ăn.

Có đĩa bỏi đĩa nhạc tìm thấy một đĩa của Count Basie, và cái máy hát vĩ đại gầm lên. Tiếng ồn nghe được từ bãi sửa tàu tới quán La Ida. Một nhóm khách từ Cờ Gấu nhăm Phòng Sinh Vật Miền Tây là cơ sở cạnh tranh, vừa xông lên lầu vừa rú lên mừng rỡ. Họ bị chủ nhà giận dữ đuổi ra, nhưng trận chiến khoái trá kéo dài và đẫm máu làm bung cửa trước và vỡ hai cửa sổ. Tiếng chai lọ vỡ chát chúa. Hazel đi qua bếp tới phòng vệ sinh, làm đổ chảo mỡ nóng lên người nó và sàn nhà, rồi bị bỏng nặng.

Lúc một giờ rưỡi, một gã say lang thang vào rồi phê bình một câu bị coi là lăng mạ Doc. Mack đánh hấn một cú mạnh tới nỗi bây giờ người ta vẫn nhớ và bàn tán. Hấn đứng lên, quơ một vòng, và đâm sầm vào giữa đàn ếch trong thùng hàng. Một đĩa định thay đĩa hát buông cái cần gắn kim xuống làm vỡ đầu kim.

Chưa ai nghiên cứu tâm lý của một bữa tiệc tan. Nó có thể là cuồng nhiệt, la hét, sôi sục, rồi tới xúc động và một thoáng im lặng, rồi tàn nhanh, thật nhanh, khách về nhà hay đi ngủ hay la cà qua việc khác, và họ để lại một xác chết.

Đèn sáng rực trong phòng thí nghiệm. Cửa trước treo nghiêng trên một bản lề. Sàn nhà vương vãi kính vỡ. Đĩa hát, một số bị vỡ, một số chỉ trầy mẻ, rải rác khắp nơi. Bát đĩa còn dính mẩu bít tết và mỡ đông nằm trên sàn nhà, trên nóc tủ sách, dưới gầm giường. Ly rượu nằm chỏng chơ buồn bã. Có kẻ cố leo lên dây tủ sách đã lồi đổ nguyên một tủ, làm thùng lưng tủ văng sách ngổn ngang khắp sàn nhà. Văng ngắt, bể mạc.

Thùng đựng ếch bị vỡ một đầu, một con ếch nhảy ra ngồi thăm dò nguy hiểm, rồi một con nữa theo nó. Chúng ngửi thấy

khí trời mát ẩm thổi qua cửa cái và hai cửa sổ vỡ. Một trong hai con ngòi trên tấm bìa rơi dưới đất ghi “Mừng Doc trở về.” Rồi cả hai rụt rè nhảy tới khung cửa.

Dòng ếch nhảy xuống cầu thang một hồi lâu, như một dòng sông di chuyển quanh co. Cannery Row nhưng nhúc ếch một hồi lâu - ếch tràn ngập phố. Chiếc taxi chở một ông khách khuya khoắt tới Cờ Gấu cán bẹp năm con ếch trên đường. Nhưng trước bình minh khá lâu, bọn ếch đã biệt tăm. Một số tìm thấy cống, một số gắng sức lên đồi tới hồ chứa nước, một số vào ống ngầm, và một số chỉ nấp giữa đám cỏ dại trên lô đất trống.

Và đèn đóm sáng rực trong phòng thí nghiệm yên tĩnh trống vắng.

Chương 21

Trong gian phía sau của phòng thí nghiệm, lũ chuột bạch chạy, trượt và kêu riu rít trong chuồng của chúng. Trong góc một cái chuồng riêng một con chuột mẹ nằm bên lứa con trần trụi chưa mở mắt để cho chúng bú, vừa nhìn dáo dác một cách bồn chồn và dữ tợn.

Trong chuồng rắn chuồng, lũ rắn nằm gác cằm lên vòng cuộn của chúng, quắc cặp mắt đen mờ nhìn thẳng phía trước. Trong một chuồng khác một con thần lằn độc, da như cái bao nổi cục, từ từ ngoi lên, lơ lơ bầu chặt móng vào dây kẽm. Bụi hải quỳ trong bể nước nở bung, phô bày những tua tím xanh và bao tử màu lục nhạt. Cái bơm nước biển nhỏ kêu vù vù khe khẽ, và tia nước phun xè xè vào bể nước tạo thành những hàng bong bóng dưới mặt nước.

Giờ khắc rạng đông ngà ngọc. Lee Chong đem thùng rác ra vỉa hè. Ông bảo vệ đứng gác bụng trên hàng hiên Cờ Gấu. Sam Malloy bò ra khỏi nôi sụp de rồi ngồi trên khúc gỗ của ông để nhìn về hướng đông rạng sáng. Trên bãi đá gần Trạm Hải dương học Hopkins bấy hải sư kêu gâu gâu đơn điệu. Ông Tàu già từ biển lên, cầm theo cái rổ nhều nước và đi lẹp bẹp lên đồi.

Khi ấy một chiếc ô tô rẽ vào Cannery Row, Doc lái tới trước phòng thí nghiệm. Mắt ông quàng đỏ vì mệt. Ông cử động chậm

chạp bơ phờ. Khi xe ngừng, ông ngồi im một lát để những cái dần xóc trên đường ra khỏi hệ thần kinh của ông. Rồi ông leo ra khỏi xe. Lúc ông đặt chân lên thang lầu, lỗ rỗng chuông thè cái lưỡi hình chạc ra ve vẩy và lắng nghe. Đàn chuột chạy láo nháo rối loạn trong chuông. Doc leo lên thang. Ông ngạc nhiên nhìn cửa ra vào xệ xuống và cửa sổ vỡ. Sự mệt nhọc trong ông hình như biến mất. Ông bước nhanh vào. Rồi ông đi nhanh từ phòng này qua phòng khác, bước tránh kính vỡ. Ông cúi vội xuống, nhặt lên chiếc đĩa hát vỡ tan và xem nhãn.

Trong bếp dầu mỡ đổ tràn đã váng trắng trên sàn. Mắt Doc đỏ rực vì tức giận. Ông ngồi xuống ghế bành, đầu gục giữa hai vai, thân mình run run vì giận dữ. Thành linh ông đứng vụt dậy, bật điện bộ máy quay đĩa tuyệt vời của mình. Ông đặt một đĩa hát và đặt cần gắn kim xuống. Loa chỉ phát ra tiếng rít rít. Ông nhắc cần gắn kim ra, tắt máy quay đĩa, rồi lại ngồi xuống ghế bành.

Trên thang gác có tiếng chân ngập ngừng vụng về, rồi Mack bước qua cửa. Mặt gã đỏ. Gã đứng ngập ngừng giữa phòng. Gã nói: “Doc... tôi với tội nhỏ...”

Trong chốc lát hình như Doc không thấy gã. Rồi ông đứng vụt lên. Mack lúng túng lùi lại. “Anh làm chuyện này à?”

“À, tôi với tội nhỏ...” Năm tay nhỏ rắn chắc của Doc vung ra quật vào miệng Mack. Mắt Doc lấp lánh đỏ vẻ thịnh nộ cục súc. Mack ngồi phịch xuống sàn. Năm nắm của Doc mạnh và đột ngột. Răng Mack cắn rách môi gã và một chiếc răng cửa cong gập vào. Doc nói: “Đứng lên!”

Mack lồm cồm đứng lên. Hai tay gã xuôi bên hông. Doc lại

đánh gã, một cú đấm phạt lạnh lùng có tính toán vào miệng. Môi Mack bật máu và máu chảy xuống cằm gã. Gã cố liếm môi.

Doc hét: “Cong tay lên. Đánh, đồ chó đẻ,” và ông lại đánh gã và nghe tiếng răng gãy rôm rốp.

Đầu Mack choáng váng nhưng bây giờ gã gắng để khỏi ngã. Hai tay gã vẫn nằm yên bên hông. Gã nói lúng búng qua đôi môi rách: “Đánh đi, Doc. Tôi đáng đời.”

Vai Doc võng xuống thua trận. Ông cay đắng nói: “Đồ chó đẻ.Ồ đồ chó đẻ.” Ông ngồi xuống ghế bành nhìn mấy đốt ngón tay bị rách của mình.

Mack ngồi xuống ghế nhìn ông. Mắt Mack mở to và đầy vẻ đau đớn. Gã thậm chí không chùi máu chảy xuống cằm. Trong trí Doc khúc nhạc dạo đầu đơn điệu *Hor ch’el Ciel e la Terra* của Monteverdi bắt đầu thành hình, tiếng Petrarch buồn vô tận và cam chịu đang khóc than Laura*. Doc thấy miệng Mack bị rách giữa tiếng nhạc, nhạc trong đầu ông và trong không gian. Mack ngồi im lặng hoàn toàn, như thể gã cũng nghe được tiếng nhạc. Doc liếc chỗ để đĩa hát Monteverdi rồi ông nhớ máy hát đã hỏng.

Ông đứng lên bảo: “Rửa mặt đi,” rồi ông đi ra, xuống thang và băng qua đường tới tiệm Lee Chong. Lee không nhìn ông khi ông lấy hai lít bia trong tủ lạnh. Lee nhận tiền không nói một lời. Doc băng qua đường về nhà.

Trong phòng vệ sinh Mack đang lau bộ mặt đầm máu của gã bằng khăn giấy ướt. Doc mở một chai và rót nhẹ vào ly, nghiêng ly cho rất ít bọt nổi lên. Ông rót đầy ly thứ hai và đem hai ly vào

phòng phía trước. Mack trở lại, dùng khăn ướt chấm nhẹ lên miệng. Doc hất đầu ra hiệu uống bia. Mack há miệng, đổ nửa ly xuống họng mà không nuốt. Gã phì phò thở dài và dăm dăm nhìn bia. Doc đã cạn ly của ông. Ông đem chai vào và lại rót đầy cả hai ly. Ông ngồi xuống ghế bành.

Ông hỏi: “Chuyện gì xảy ra?”

Mack nhìn sàn nhà, một giọt máu trên môi gã rơi vào ly bia. Gã lại lau đôi môi rách. “Tôi với tụi nhỏ muốn làm tiệc cho ông. Tụi tôi nghĩ ông về tối qua.”

Doc gật đầu. “À ra thế.”

Mack nói: “Không ngờ. Nói xin lỗi cũng chẳng ích gì. Tôi đã hối tiếc cả đời tôi. Vụ này cũng chẳng mới mẻ gì. Luôn luôn như vậy.” Gã ực một ngụm bia lớn. “Tôi đã có vợ. Cũng vậy. Mọi thứ tôi làm đều hỏng. Bả chịu hết nổi. Nếu tôi làm một việc tốt thì rồi nó cũng sẽ hỏng. Nếu tôi tặng quà cho vợ thì có cái gì đó không ổn. Bả cứ bị khổ vì tôi. Bả chịu hết nổi. Chuyện cũ cứ tái diễn cho tới khi tôi đành phải làm hề. Tôi chẳng làm gì nữa ngoài hề. Cố làm tụi nhỏ cười.”

Doc lại gật đầu. Tiếng nhạc lại vang trong đầu ông, vừa than vãn vừa cam chịu. Ông nói: “Tôi biết.”

Mack nói tiếp: “Lúc ông đánh tôi, tôi mừng. Tôi tự nghĩ... có thể vụ này sẽ dạy mình, có thể mình sẽ nhớ vụ này. Nhưng quý thần ơi, tôi sẽ chẳng nhớ cái gì. Tôi sẽ chẳng học được cái gì.” Gã thốt lên, “Doc, theo như tôi nghĩ thì cả bọn mình đều sẽ vui, đều hoan hỉ. Ông vui vì tụi tôi làm tiệc cho ông. Và tụi tôi vui. Theo như tôi nghĩ thì đó là bữa tiệc vui.” Gã vẫy tay tới tàn tích

trên sàn nhà. “Giống như hồi tôi có vợ. Tôi cố chu đáo với vợ, rồi... nhưng sự việc chẳng bao giờ kết cuộc như vậy.”

Doc nói: “Tôi biết.” Ông mở lít bìa thứ hai rồi rót đầy hai ly.

Mack nói: “Doc, tôi với tội nhỏ sẽ dọn sạch chỗ này... tội tôi sẽ đền những gì hư hỏng. Nếu mất năm năm tội tôi cũng đền.”

Doc chậm rãi lắc đầu và lau bọt bìa trên ria mép. Ông nói: “Đừng, tôi sẽ dọn. Tôi biết chỗ cất mọi thứ.”

“Tội tôi sẽ đền, Doc.”

Doc nói: “Không, anh không đền, Mack. Anh sẽ nghĩ về nó, và nó sẽ làm anh bận tâm một thời gian rất lâu, nhưng anh sẽ không đền. Có thể đã vỡ ba trăm đôla đồ thủy tinh quý. Đừng nói anh sẽ đền. Như vậy chỉ làm anh bứt rứt. Có thể hai hay ba năm nữa anh mới quên và cảm thấy hoàn toàn thoải mái trở lại. Và chẳng nào anh cũng sẽ không đền.”

Mack nói: “Tôi chắc ông nói đúng. Trời ơi, tôi *biết* ông đúng. Mình làm gì bây giờ?”

Doc nói: “Tôi xong rồi. Máy cú đâm vô miệng đã tống nó đi cho tôi rồi. Mình quên nó đi.”

Mack uống cạn bìa và đứng lên nói: “Chào ông, Doc.”

“Chào anh. Này, Mack... rồi vợ anh làm sao?”

Mack nói: “Tôi không biết. Bả bỏ đi.” Gã bước vụng về xuống thang, băng qua đường, lên lô đất, lên dốc gà về Biệt thự Lữ thú. Doc ngó qua cửa sổ nhìn gã đi. Rồi ông bơ phờ lấy cây chổi phía sau máy nước nóng. Ông mất cả ngày dọn dẹp đồng tàn tích.

Chương 22

Henri họa sĩ không phải là dân Pháp, và tên hắn không phải là Henri. Hắn cũng không thật là họa sĩ. Henri đã quá đắm đuối với các giai thoại của Khu Latin ở Paris* tới nỗi hắn sống ở đó mặc dù hắn chưa bao giờ tới đó. Hắn sôi nổi theo dõi qua tạp chí các trào lưu Dada và sự phân ly của các nhóm, sự sùng đạo và thói ghen tị nữ tính lạ lùng, phong thái mờ ảo của các trường phái tạo hình và phá cách. Hắn thường nổi loạn chống lại những kỹ thuật và chất liệu lỗi thời. Mùa này hắn bỏ phép phối cảnh. Năm khác hắn bỏ màu đỏ, dù đỏ là gốc của màu tím. Cuối cùng hắn bỏ luôn hội họa. Chẳng ai biết Henri là họa sĩ giỏi hay dở, vì hắn lao mình vào các trào lưu một cách mãnh liệt tới nỗi hắn có rất ít thời giờ để vẽ theo bất cứ loại nào.

Họa phẩm của hắn có vấn đề. Bạn khó có thể đánh giá gì nhiều từ loạt tác phẩm hắn làm bằng lông gà nhiều màu và vỏ cứng của các loại hạt. Nhưng hắn là thợ đóng tàu số dách. Henri là thợ khéo diệu kỳ. Hắn sống nhiều năm dưới mái lều từ lúc bắt đầu đóng chiếc tàu của hắn cho tới khi làm xong bếp và chỗ ngủ đủ để dọn vào. Nhưng khi đã có chỗ ở khô ráo thì hắn lại nhả nha với chiếc tàu. Chiếc tàu được chạm trổ hơn là đóng. Tàu dài 10 thước và đường nét của nó thay đổi liên tục. Một dạo nó có cái mũi của tàu cao tốc và đuôi xòe hình quạt như khu trục

hạm. Lúc khác nó hơi giống thuyền buồm. Vì Henri không có tiền nên đôi khi hắn mất mấy tháng để tìm một tấm ván, một mẫu sắt hay một lỗ đinh vít bằng đồng. Henri muốn như vậy, vì hắn không bao giờ muốn đóng xong chiếc tàu của hắn.

Tàu nằm giữa đám thông trên lô đất Henri thuê với giá năm đô la một năm. Tiền này để trả thuế và làm vui lòng chủ đất. Chiếc tàu nằm lọt giữa giàn đỡ trên nền bê tông. Bên mạn tàu treo chiếc thang dây trừ khi Henri ở nhà. Khi đó hắn rút thang lên và chỉ thả xuống khi có khách đến. Khoang tàu nhỏ của hắn có bộ ghế rộng bản độn bông chạy vòng theo ba vách khoang. Hắn ngủ trên ghế đó và khách của hắn ngồi trên đó. Một cái bàn gập xuống khi cần rộng chỗ, và một ngọn đèn đồng treo trên trần. Gian bếp của hắn là kỳ công của sự tinh gọn, mọi món đồ trong đó là kết quả của nhiều tháng suy nghĩ và làm việc.

Henri ngăm đen và khinh khỉnh. Hắn đội mũ nồi khi người ta đã bỏ nó từ lâu, hắn hút ống điếu quả bí, và mái tóc đen của hắn lòa xòa trên mặt. Henri có nhiều bạn mà hắn phân loại đại khái thành những kẻ có thể nuôi hắn và những kẻ hắn phải nuôi. Tàu của hắn không có tên. Henri nói sẽ đặt tên khi đóng xong.

Henri đã đóng và sống trong chiếc tàu của hắn mười năm. Trong thời gian đó hắn cưới vợ hai lần và có một số quan hệ tạm bợ. Tất cả các cô này đều bỏ hắn vì cùng một lý do. Khoang tàu hai thước quá nhỏ cho hai người. Các cô bức bối vì đung đầu lúc đứng lên, và họ dứt khoát thấy là cần nhà vệ sinh. Nhà vệ sinh trên biển dĩ nhiên không dùng được cho chiếc tàu trên bờ,

và Henri không chịu nhân nhượng làm cái phòng vệ sinh giả vờ của dân trên đất liền. Hấn và bạn hấn lúc đó phải bách bộ ra giữa đám thông. Và tình nhân của hấn thay phiên nhau bỏ hấn.

Henri gặp một chuyện rất lạ ngay sau khi một cô mà hấn gọi là Alice bỏ hấn. Mỗi lần hấn bị bỏ, hấn trịnh trọng tiếc thương một thời gian, nhưng thật ra hấn cảm thấy nhẹ nhõm. Hấn có thể duỗi dài trong khoang tàu nhỏ của mình. Hấn có thể ăn cái gì mình muốn. Hấn mừng là thoát khỏi những chức năng sinh lý vô tận của nữ giới một thời gian.

Thông lệ mỗi lần bị bỏ, hấn mua một bình bốn lít rượu vang, rồi duỗi dài trên cái giường cứng thoải mái và uống cho say. Đôi khi hấn khóc lóc chút ít một mình nhưng đó là thứ xa xỉ, và nhờ vậy hấn thường cảm thấy hạnh phúc diệu kỳ. Hấn sẽ lớn tiếng ngâm thơ Rimbaud với giọng rất tồi, trong khi kinh ngạc về sự trôi chảy của mình.

Chuyện lạ xảy ra trong một lần tiếc thương theo thông lệ vì đã mất Alice. Ban đêm, đèn thấp sáng, hấn mới bắt đầu say thì bỗng biết rằng hấn đang không ở một mình. Hấn thận trọng đảo mắt nhìn khắp khoang tàu, và kìa, một thanh niên ma quái ngồi phía bên kia, một thanh niên đẹp trai ngăm đen. Mặt gã lộ vẻ tinh ranh, thần khí, nghị lực, và hàm răng lấp lánh. Mặt gã có điều gì rất thân tình nhưng ghê rợn. Ngồi bên cạnh gã là thằng nhỏ tóc vàng, không hơn một đứa bé. Gã nhìn xuống đứa bé, đứa bé nhìn lại và cười vui vẻ như thể điều gì kỳ diệu sắp xảy ra. Khi ấy gã nhìn qua Henri và mỉm cười, rồi liếc lại đứa bé. Gã rút trong túi trên bên trái áo vét ra chiếc dao cạo lưỡi thẳng kiểu

xưa. Gã mở dao, hất đầu ra hiệu về phía đứa bé. Gã lùa một tay vào những lọn tóc quăn, và đứa bé cười hân hoan, khi ấy gã xoay nghiêng cằm và cắt cổ họng đứa bé, và đứa bé cứ tiếp tục cười. Nhưng Henri rú lên kinh hãi. Một lúc lâu sau hấn mới biết ở đó không có gã thanh niên cũng như đứa bé nào.

Sau khi bớt run, Henri lao ra khỏi khoang, nhảy qua mạn tàu, vội vàng xuống đồi băng qua rừng thông. Sau vài giờ đi bộ cuối cùng hấn xuống tới Cannery Row.

Doc đang làm việc với mấy con mèo dưới tầng hầm lúc Henri xông vào. Doc tiếp tục làm trong khi Henri kể, và khi câu chuyện chấm dứt Doc nhìn kĩ hấn để xem bao phần là sợ thật và bao phần là diễn tuồng. Hóa ra phần lớn là sợ.

Henri hỏi: “Ông nghĩ có phải là ma không? Có phải là phản ánh của điều đã xảy ra, hay nó là một thứ ác mộng kiểu Freud trong tiềm thức tôi, hay là tôi hoàn toàn mất trí? Cho ông biết, tôi thấy nó. Nó xảy ra ngay trước mắt tôi rõ ràng như tôi đang thấy ông.”

Doc nói: “Tôi không biết.”

“Này, ông lên đó với tôi nhé, xem nó có trở lại không?”

Doc nói: “Không, nếu tôi thấy nó thì nó có thể là ma, và như thế tôi sẽ sợ lắm vì tôi không tin có ma. Còn nếu anh lại thấy nó mà tôi không thấy thì đó là ảo giác và anh sẽ sợ.”

Henri hỏi: “Nhưng tôi phải làm sao? Nếu tôi lại thấy nó thì tôi biết chuyện gì sẽ xảy ra và chắc tôi chết mất. Ông biết đấy, hấn không có vẻ là kẻ sát nhân. Hấn có vẻ tử tế còn đứa nhỏ nom xinh xắn, và cả hai tỉnh bơ. Nhưng hấn cắt cổ đứa bé. Tôi thấy.”

Doc nói: “Tôi không biết. Tôi không phải là bác sĩ tâm thần hay kẻ đi bắt phù thủy, và bây giờ tôi chẳng muốn bắt đầu nghề mới.”

Một giọng nữ gọi vào tầng hầm. “Doc, tôi vào được chứ?”

Doc nói: “Cứ vào.”

Cô gái khá xinh và rất lạnh lùng.

Doc giới thiệu cô với Henri.

Doc nói: “Anh ta gặp rắc rối. Anh ta hoặc là gặp ma hoặc là bị lương tâm cắn rứt ghê gớm lắm, nhưng anh ta không biết là thứ nào. Kể cho cô ấy nghe đi, Henri.”

Henri thuật lại câu chuyện một lần nữa, và mắt cô gái lấp lánh.

Khi hẳn kể xong, cô nói: “Dễ sợ, đời tôi thậm chí chưa từng ngủ thấy ma nữa. Mình lên đó xem nó có xuất hiện lại không.”

Doc hơi cau mày nhìn họ đi. Dù sao chẳng nữa cô ta hẹn đến đây với ông.

Cô gái không bao giờ thấy ma nhưng cô thích Henri, và đến năm tháng sau thì cái khoang tàu chật chội và thiếu phòng vệ sinh mới đuổi được cô ra.

Chương 23

Am đấm trùm lên Biệt thự Lữ thú. Nơi đó không còn thú vui nào nữa. Mack từ phòng thí nghiệm về với cái môi rách và hàm răng gãy. Như để hối lỗi, gã không rửa mặt. Gã vào giường, kéo chăn trùm đầu và nằm suốt ngày. Tim gã bầm giập như miếng gã. Gã ôn lại mọi điều tồi tệ gã đã làm trong đời, và mọi điều gã đã làm hình như đều tồi tệ. Gã buồn lắm.

Hughie và Jones ngồi nhìn đăm đăm vào khoảng không một lát rồi ủ rũ qua nhà máy đóng đồ hộp Hediondo để xin việc và nhận việc.

Hazel cảm thấy tệ hại tới nỗi nó cuộc bộ ra Monterey gây sự đánh nhau với một anh lính và cố tình thua cuộc. Đại bại trước một kẻ mà Hazel đáng lẽ có thể cho đo ván mà chẳng cần vận dụng phân nửa sức lực làm nó hơi dễ chịu.

Darling là đứa vui vẻ duy nhất trong cả hội. Cả ngày nó nằm dưới gầm giường của Mack, khoái chí nhá đôi giày của gã. Nó là con chó lanh lợi và răng nó rất sắc. Hai lần trong nỗi tuyệt vọng cùng cực, Mack thò tay xuống gầm giường bắt nó, lôi nó lên giường với gã cho có bạn, nhưng nó lách ra rồi tiếp tục nhá giày.

Eddie thần thờ xuống quán La Ida trò chuyện với gã bồi rượu bạn của hắn. Hắn uống vài ly và mượn vài đồng năm xu để cho cái máy hát chơi bản *Bé yêu u sầu* năm lần.

Mack và đám choai choai đang bị sao quả tạ chiếu, họ hiểu và họ biết họ đáng đời. Họ đã trở thành bọn bị xã hội ruồng bỏ. Bây giờ chẳng ai nhớ tới ý tốt của họ. Ý định làm bữa tiệc cho Doc, nếu có ai biết, không bao giờ được cứu xét hay nhắc tới. Chuyện lan qua Cờ Gấu. Nó được kể lại trong các nhà máy đóng cá hộp. Bọn say ở La Ida trịnh trọng bàn cãi về nó. Lee Chong từ chối bình luận. Ông đang cảm thấy bầm giập về tài chính. Và chuyện lớn dần rồi biến thành: họ đã ăn trộm rượu và tiền. Họ đã cố tình đột nhập vào phòng thí nghiệm và đập phá một cách có tính toán chỉ vì ác ý và xấu thói. Ai thật sự hiểu biết nên thấy như vậy. Một số gã say ở La Ida định tới đánh cho cả bọn một trận nhừ tử để họ biết rằng không thể làm như vậy đối với Doc.

Nhờ ý thức đoàn kết và khả năng đánh đám của Mack cùng đám choai choai mà họ mới không bị trả thù kiểu này hay kiểu khác. Nhiều kẻ từ lâu chẳng đảng hoàng chút nào, nay cảm thấy chính trực về vụ này. Trong cả bọn ấy dữ dội nhất là Tom Sheligan, một đứa sẽ tham dự bữa tiệc đó nếu hắn biết.

Về mặt xã hội, Mack và đám choai choai đã bị tẩy chay. Sam Malloy chẳng nói chẳng rằng khi họ đi ngang nổi súp de. Họ tự khép kín và không ai có thể tiên đoán làm cách nào họ thoát khỏi cảnh sao quả tạ này. Vì có hai cách để đối phó với việc bị xã hội khai trừ: hoặc là kiên quyết khá hơn, đảng hoàng hơn và tử tế hơn, hoặc là đổ đốn, khiêu khích thiên hạ và làm những điều thậm chí tồi tệ hơn. Từ xưa đến nay cách thứ hai là phản ứng thường thấy nhất khi bị bêu xấu.

Mack và đám choai choai chông chênh trên bàn cân giữa tốt

và xấu. Họ trùu mến và dịu dàng với Darling, họ kiểm chế và nhẫn nại với nhau. Khi phản ứng ban đầu qua đi, họ dọn dẹp Biệt thự Lữ thú sạch chưa từng thấy. Họ đánh bóng chỗ mạ kền trên bếp lò, giặt hết quần áo và chần của họ. Về mặt tài chính, họ không làm ai chú ý và không thiếu nợ. Hughie và Jones đi làm đêm tiền về. Họ mua hàng ở siêu thị Thrift Market tuốt trên đồi, vì họ không chịu nổi cặp mắt quở trách của Lee Chong.

Vào thời điểm này, Doc đưa ra một nhận xét có thể đúng, nhưng vì lý lẽ của ông còn thiếu một yếu tố nên không biết ông đúng hay sai. Hôm đó là lễ Độc lập ngày mừng 4 tháng Bảy. Doc ngồi trong phòng thí nghiệm với Richard Frost. Họ uống bia, nghe đĩa hát mới của Scarlatti và nhìn ra cửa sổ. Trước Biệt thự Lữ thú có khúc gỗ lớn chỗ Mack và đám choai choai đang ngồi dưới nắng sáng. Họ nhìn xuống đồi về hướng phòng thí nghiệm.

Doc nói: “Nhìn họ kìa. Các triết gia chân chính của anh kìa. Tôi nghĩ Mack và đám choai choai biết mọi điều đã xảy ra trên thế gian và có lẽ cả mọi điều sẽ xảy ra. Tôi nghĩ họ tồn tại trên thế giới này khá hơn kẻ khác. Trong thời buổi người ta tự làm tan nát đời mình vì tham vọng, nóng nảy và ham muốn, thì họ buông lơi. Tất cả mọi người mình gọi là thành công đều bị bệnh, bệnh dạ dày, bệnh phần hồn, nhưng Mack và đám choai choai khỏe mạnh và trong sạch một cách lạ lùng. Họ có thể làm cái gì họ muốn. Họ có thể thỏa mãn khao khát của họ mà không cần gọi nó là cái gì khác.” Diễn văn này làm cổ họng Doc khô tới nỗi ông uống cạn ly bia. Ông vẫy hai ngón tay lên cao rồi mỉm cười

nói: “Không có gì giống như vị bia đầu tiên.”*

Richard Frost nói: “Tôi nghĩ họ cũng giống mọi người. Chỉ có điều là họ không có đồng nào.”

Doc nói: “Họ có thể kiếm ra tiền. Họ có thể hủy hoại đời họ và có tiền. Mack có phẩm chất của một thiên tài. Cả bọn họ đều rất lanh lợi nếu họ muốn điều gì. Chỉ có điều là họ biết bản chất sự vật quá rõ để không bị vướng vào cái ham muốn đó.”

Nếu Doc biết về nỗi buồn của Mack và đám choai choai, ông sẽ không nói câu kế tiếp, nhưng không ai kể cho ông về áp lực của xã hội đang đè nặng lên các tù nhân ở Biệt thự.

Ông chậm rãi rót bia vào ly của mình. Ông nói: “Tôi nghĩ tôi có thể chứng minh cho anh thấy. Anh xem họ đang ngồi hướng về phía này, đúng không? Ôi dào... độ nửa tiếng nữa đoàn diễu hành lễ Độc lập sẽ đi qua phố Hải Đăng. Chỉ cần quay đầu là họ có thể thấy, đứng lên là họ có thể xem, và đi bộ hai dãy phố ngắn là họ có thể tới ngay bên cạnh đoàn diễu hành. Bây giờ tôi đánh cược với anh một lít bia là họ sẽ thậm chí không thèm quay đầu.”

Richard Frost nói: “Giả thử họ không ngoái xem thì chúng tớ được cái gì?”

Doc thốt lên: “Chúng tớ cái gì à? Chúng tớ họ biết đoàn diễu hành sẽ có cái gì. Họ biết là ông Thị trưởng sẽ ngồi trên chiếc ô tô đầu tiên có dây cờ căng trên mui. Kế đó sẽ là Long Bob cầm cờ cuối con ngựa trắng. Rồi Hội đồng thành phố, rồi hai đại đội lính ở Presidio, kế tới Hội Elks cầm dù tím, rồi hội Knights Templar đeo lông đà diểu trắng cầm gươm. Kế đó là Knights

Columbus đeo lông đà điểu đỏ cầm gương. Mack và đám choai choai biết hết. Ban nhạc sẽ chơi. Họ đã thấy cả rồi. Họ không phải xem nữa.”

Richard Frost nói: “Kẻ nào chết rồi thì mới không phải xem diễn hành.”

“Vậy đánh cuộc chứ?”

“Ừ, đánh cuộc.”

Doc nói: “Tôi vẫn cứ thấy lạ, những điều chúng ta thán phục ở con người, như lòng tử tế và quảng đại, cởi mở, chân thành, hiểu biết và cảm thông, lại là những thứ đi đôi với thất bại trong xã hội của chúng ta. Còn những điều chúng ta ghê tởm, như lừa đảo, tham lam, háms lợi, bần tiện, tự cao và tư lợi, lại là những đặc điểm của thành công. Và khi người ta thán phục đức tính đầu thì họ lại thích kết quả của đặc điểm sau.”

Richard Frost nói: “Nếu tốt mà phải chịu đói thì có ai muốn?”

“Ồ, không phải vấn đề đói. Tuyệt đối không phải. Hầu như tất cả mọi người đều đồng ý và hoàn toàn tự nguyện bán linh hồn để có được cả thế giới... nhưng không hẳn. Khắp nơi trên thế giới đều có Mack và đám choai choai. Tôi đã thấy họ ở người bán cà rem bên Mỹ và ở một thổ dân Aleut trên Alaska. Anh biết chuyện họ định tổ chức tiệc cho tôi rồi hổng. Nhưng họ muốn làm tiệc cho tôi. Họ có thôi thúc đó. Nghe kìa, có phải tiếng ban nhạc đó không?” Ông nhanh nhẹn rót đầy hai ly bia và cả hai bước lại gần cửa sổ.

Mack và đám choai choai ngồi chán chương trên khúc gỗ, mặt hướng về phía phòng thí nghiệm. Tiếng ban nhạc từ phố

Hải Đăng vọng đến, tiếng trống dội lại từ các tòa nhà. Thành linh chiếc ô tô của Thị trưởng băng qua, thùng nước tỏa nhiệt phát phối dây cờ, rồi Long Bob cầm cờ cuỗi con ngựa trắng, rồi ban nhạc, rồi lính, hội Elks, Knights Templar, Knights Columbus. Richard và ông đốc tờ nôn nóng chồm tới, nhưng hai ông nhìn hàng người đang ngồi trên khúc gỗ.

Không cái đầu nào quay, không cái cổ nào ngẩng. Đoàn diễu hành nối nhau đi qua, và họ không nhúc nhích. Và diễu hành chấm dứt. Doc cạn ly, vẫy nhẹ hai ngón tay lên không và nói: “Ha ha! Không có gì trên trần gian giống như vị bia đầu tiên.”

Richard dợm bước ra cửa: “Anh muốn bia gì?”

Doc trùu mển nói: “Cùng loại.” Ông mỉm cười với Mack và đám choai choai trên đồi.

Nói rằng: “Thời gian sẽ hàn gắn tất cả, chuyện này cũng sẽ qua đi. Thiên hạ sẽ quên”... Và những câu đại loại như vậy thì cũng được khi bạn vô can, nhưng khi bạn có dính líu tới thì thời gian không trôi qua, thiên hạ không quên và chuyện cũ cứ vây quanh bạn. Doc không biết về nỗi đau và việc tự kiểm điểm tiêu cực ở Biệt thự Lữ thú, nếu biết ông đã có thể cố làm gì đó. Và Mack với đám choai choai không biết ông nghĩ gì, nếu biết thì họ đã lại ngẩng cao đầu.

Thời buổi tệ hại. Tai ương rình rập trên lô đất trống. Sam Malloy nhiều bận cãi nhau với vợ, và bà ta khóc ngày đêm. Tiếng dội bên trong nỗi súp de nghe như bà đang khóc dưới nước. Mack và đám choai choai hình như là tiêu điểm của rắc rối. Ông bảo vệ hiền lành ở Cờ Gấu ném một gã say ra, nhưng

ném mạnh quá và xa quá làm hấn gãy lưng. Alfred phải tới Salinas ba lần mới giải quyết xong, và điều đó làm Alfred cảm thấy không vui. Bình thường ông giữ trật tự rất giỏi và chẳng làm ai thương tích. Đòn nắm đít nắm cổ ném ra của ông nhịp nhàng và uyển chuyển như phép lạ.

Thêm nữa, một nhóm mệnh phụ cao cả trong thị trấn đòi phải đóng cửa các hang ổ xấu xa để bảo vệ nhân cách thanh thiếu niên Hoa Kỳ. Việc này xảy ra mỗi năm độ một lần vào lúc ế ẩm giữa lễ Độc lập và Hội chợ tỉnh. Khi xảy ra Dora thường đóng cửa Cờ Gấu một tuần. Không tệ lắm. Mọi người có dịp nghỉ hè, và có thể sửa chữa lật vật ống nước và vách tường. Nhưng năm nay các mệnh phụ gây thánh chiến thật. Họ muốn lột da đầu ai đó. Hè năm nay tẻ ngắt và họ hiếu động. Tình thế tệ hại tới nỗi họ đòi được biết ai thật sự là chủ cái cơ sở làm ăn trụy lạc, giá thuê nhà bao nhiêu và đóng cửa thì đem lại khó khăn nhỏ nhoi gì. Họ gây phiền hà nghiêm trọng tới độ đó.

Dora đóng cửa suốt hai tuần, và lúc Cờ Gấu đóng cửa thì Monterey có ba hội nghị. Tin tức lan truyền, và Monterey mất năm hội nghị cho năm sau. Sự việc bết bát khắp nơi. Doc phải vay ngân hàng để trả cho đồ thủy tinh bị vỡ hôm bữa tiệc. Elmer Rehati ngã trên đường ray Southern Pacific và mất cả hai chân. Một cơn bão đột ngột và hoàn toàn bất ngờ làm tuột neo một chiếc tàu kéo vó và ba chiếc ghe đánh cá bằng đèn, rồi nhồi cả bốn vỏ thê thắm trên bãi Del Monte.

Không có lời giải thích nào cho một loạt tai ương như thế. Mỗi người tự trách mình. Khi đầu óc đen tối người ta nhớ đến

những tội lỗi đã phạm một cách lén lút và tự hỏi phải chăng họ đã gây nên chuỗi bất hạnh ấy. Kẽ này có thể đổ cho điềm gở, kẻ khác không tin và việu dẫn luật xác suất. Thậm chí giới bác sĩ cũng không may, vì tuy nhiều người bị bệnh, nhưng chẳng bệnh nào cản trở nhiều tiền. Bệnh nào cũng chữa khỏi bằng một thứ thuốc tốt hay một loại thuốc không cần toa bác sĩ.

Và tệ nhất là Darling bị bệnh. Nó là con cún rất mập và năng động lúc nhuốm bệnh, nhưng sau năm ngày sốt nó teo tóp chỉ còn da bọc xương. Cái mũi nâu của nó trở nên hồng và lợi nó trắng. Mắt nó đờ đẫn vì bệnh, và toàn thân nó nóng mặc dù đôi lúc nó lạnh run lấy bầy. Nó không ăn không uống, cái bụng nhỏ mập của nó quắt lại sát sống lưng, và thậm chí xương đuôi nó nổi lên từng khúc. Hiển nhiên là bị sốt loạn óc.

Bây giờ Biệt thự Lữ thứ hoảng thật. Darling đối với họ đã trở nên rất quan trọng. Hughie và Jones lập tức bỏ việc để có thể ở gần và hỗ trợ. Họ thay nhau ngồi canh. Họ đắp vải ẩm mát lên trán nó, nhưng nó càng lúc càng bệnh nặng và yếu hơn. Cuối cùng, dù không muốn, Hazel và Jones được cử đi mời Doc. Tụi nó gặp ông đang cầm cúi trên biểu đồ thủy triều vừa ăn món gà hầm nhưng thành phần chính không phải là gà mà là hải sâm. Tụi nó nghĩ ông nhìn tụi nó hơi lạnh lùng.

Tụi nó nói: “Darling bệnh.”

“Nó bị gì?”

“Mack nói nó bị sốt loạn óc.”

Doc nói: “Tôi đâu phải bác sĩ thú y, tôi đâu biết cách chữa mấy thứ đó.”

Hazel nói: “Ồ, ông cứ thử ngó nó một cái được không? Nó bình nặng lắm.”

Họ đứng vòng quanh trong khi Doc khám Darling. Ông xem con người và nướu răng, sờ tai nó để đo độ sốt. Ông rà ngón tay lên xương sườn lòi ra như cằm xe và sờ dọc cái sống lưng khôn khổ. Ông hỏi: “Nó không ăn à?”

Mack nói: “Không ăn chút gì.”

“Anh phải bắt nó ăn... súp đặc và trứng với dầu gan cá.”

Họ nghĩ ông lạnh lùng và nhà nghề. Ông quay lại biểu đồ thủy triều và món hầm của ông.

Nhưng bây giờ Mack và đám choai choai có việc phải làm. Họ luộc thịt cho tới khi đậm như rượu mạnh. Họ rót dầu gan cá sâu vào hòng nó cho trôi xuống chút nào hay chút nấy. Họ giữ cao đầu nó và làm cái phễu nhỏ để đổ súp thịt sườn lạnh vào. Nó phải nuốt hay là chết ngột. Mỗi hai giờ họ cho nó ăn và uống nước. Trước kia họ thay phiên nhau ngủ, bây giờ không đứa nào ngủ. Họ ngồi im lặng đợi Darling lên cơn.

Cơn đến vào lúc sáng tinh mơ. Đám choai choai ngồi ngủ chập chờn trên ghế, nhưng Mack thức và mắt gã nhìn con cún. Gã thấy tai nó vẩy hai cái, và ngực nó phập phồng. Trong tình trạng vô cùng yếu đuối, nó chậm chạp đứng lên trên mấy cái cẳng khảnh khiu, lết ra cửa, liếm nước bốn cái rồi khuyu trên sàn.

Mack quát mấy đứa kia thức dậy. Gã nhảy múa loạn xạ. Bọn choai choai hò hét nhau. Lee Chong nghe tiếng họ rồi khịt mũi lúc ông đem thùng rác ra. Ông bảo vệ Alfred nghe tiếng họ và

nghĩ họ đang có tiệc.

Lúc 9 giờ Darling đã tự mình xoi một quả trứng sống và một phần tư lít kem đánh. Tới đúng Ngọ nó đã mập hơn thấy rõ. Trong vòng một ngày nó hơi nò đùa được, và tới cuối tuần thì nó là con chó khỏe mạnh.

Cuối cùng bức tường ma quái có vết nứt. Dấu nứt khắp nơi. Chiếc tàu kéo vó được hạ thủy trở lại và nổi. Tin nhắn xuống tới Dora cho biết Cờ Gấu mở cửa được rồi. Earl Wakefield bắt được con cá bống biển hai đầu và bán cho viện bảo tàng lấy tám đô la. Bức tường ma quái và rình rập đã vỡ. Nó vỡ từng tảng. Tối hôm ấy màn cửa phòng thí nghiệm khép lại, nhạc lễ Gregory chơi tới 2 giờ sáng rồi ngưng và chẳng thấy ai đi ra. Một lực nào đó đấu tranh trong lòng Lee Chong, và trong một sát na Đông phương, ông tha thứ Mack và đám choai choai và xóa món nợ ếch vốn là vấn đề tiền tệ hắc búa ngay từ đầu. Và để chứng tỏ cho bọn choai choai là ông đã tha thứ tội nó, ông đem nửa lít Giày Quần Vợt Cũ lên tặng họ. Việc họ mua hàng ở Thrift Market làm ông cảm thấy đau lòng nhưng bây giờ bỏ qua hết. Lee tới thăm đúng lúc Darling nổi cơn phá hoại bốc đồng lạnh mạnh lần đầu tiên từ khi nó bệnh. Bây giờ nó được nuông chiều đến hư hỏng hoàn toàn, và không ai nghĩ đến dạy nó tiêu tiểu đúng chỗ. Lúc Lee Chong đem quà vào, Darling đang vui vẻ nhả nhả tàn phá đôi ủng cao su duy nhất của Hazel trong khi các ông chủ vui vẻ hoan hô nó.

Mack chưa bao giờ đến Cờ Gấu để dùng dịch vụ ở đó. Đối với gã điều đó có vẻ gần giống như loạn luân. Gã lui tới một thanh

lâu xa kể bên sân chơi khúc côn cầu. Vì thế, khi gã bước vào quầy rượu phía trước, mọi người nghĩ gã muốn uống bia. Gã bước tới hỏi Alfred: “Dora có đây không?”

Altred hỏi: “Mày cần gặp bà làm gì?”

“Tui có chuyện muốn hỏi bà.”

“Chuyện gì?”

Mack nói: “Chuyện hổng liên quan cóc khô gì tới ông.”

“Được rồi. Tùy mày. Tao đi coi bà có muốn nói chuyện với mày không.”

Lát sau ông dẫn Mack vào biệt điện. Dora ngồi nơi bàn làm việc có nắp cuộn. Mái tóc màu cam chồng chất từng lọn trên đầu. Bà đeo miếng che mắt màu xanh lá cây. Bút mực trên tay, bà đang cập nhật sổ sách, một cuốn sổ kế toán kếp cũ. Bà mặc áo choàng lụa hồng lộng lẫy viền đăng ten ở cổ và cổ tay. Lúc Mack bước vào, bà xoay ghế lại đối diện gã. Alfred đứng chờ ở cửa. Mack đứng chờ tới khi Alfred đóng cửa lại rồi đi khuất.

Dora chăm chú nhìn hẩn một cách ngờ vực. Cuối cùng bà hỏi: “Nào... tôi có thể giúp gì cho anh?”

Mack nói: “Thưa bà... Ô, tôi chắc bà đã nghe vụ tui tôi làm bên nhà Doc bữa hôm trước.”

Dora đẩy miếng che mắt lên đầu và cắm cây bút mực vào ống lò xo giữ quần bút kiểu cổ. Bà nói: “Ừ! Tôi có nghe.”

“Ồ, thưa bà, tui tôi làm vụ đó vì Doc. Bà có thể không tin nhưng tui tôi muốn làm tiệc cho Doc. Có điều ổng về không kịp, rồi... ồ, tuột ra ngoài tầm tay.”

Dora nói: “Tôi cũng nghe như vậy. Nào, anh muốn tôi làm gì?”

Mack nói: “Ồ, tôi với tụi nhỏ nghĩ tụi tôi nên hỏi bà. Bà biết tụi tôi nghĩ gì về Doc. Tụi tôi muốn hỏi là bà nghĩ tụi tôi có thể làm gì cho ông để ông thấy.”

Dora nói: “Hừm,” và bà dựa ngửa lên cái ghế xoay rồi vắt tréo chân, vuốt thẳng áo choàng trên đầu gối. Bà lắc một điếu thuốc ra, châm lửa và ngẫm nghĩ. Bà nói: “Anh đã làm cho ông một bữa tiệc ông không được dự. Sao anh không làm cho ông một bữa tiệc ông được dự?”

Lát sau Mack nói với đám choai choai: “Giê-su ơi, chỉ đơn giản như vậy thôi. Nè, một bà thiệt là dễ sợ. Hèn gì bà là má mì. Một bà thiệt là dễ sợ.”

Chương 24

Mary Talbot duyên dáng, đúng bà Tom Talbot ấy. Tóc bà đỏ, gọn ánh lá cây. Da bà vàng ản màu lá cây, và mắt bà màu lá cây với những đốm vàng nhỏ. Mặt bà hình tam giác, gò má rộng, mắt to, và cằm nhọn. Bà có cặp chân dài của vũ nữ và bàn chân vũ nữ, và dường như bà không hề chạm đất lúc bà bước đi. Khi bà hào hứng, và bà rất thường hào hứng, mặt bà ửng vàng. Bà cố năm đời của bà bị thiêu sống vì là phù thủy.

Mary Talbot thích tiệc tùng hơn bất kỳ điều gì trên đời. Bà thích mở tiệc và bà thích đi dự tiệc. Vì Tom Talbot không kiếm được nhiều tiền nên Mary không thể mở tiệc thường xuyên, do đó bà xúi người khác làm tiệc. Đôi khi bà gọi điện thoại cho bạn rồi nói thẳng: “Đã tới lúc bà mở tiệc rồi chứ nhỉ?”

Thông thường Mary có sáu sinh nhật mỗi năm, và bà tổ chức tiệc hóa trang, tiệc bất ngờ, tiệc ngày lễ. Đêm Giáng sinh ở nhà bà rất sôi nổi. Vì Mary rục rở trong tiệc tùng. Bà cuốn Tom - chồng bà theo với sự sôi nổi của bà.

Buổi chiều lúc Tom đang ở chỗ làm, đôi khi Mary mở tiệc trà cho đàn mèo trong xóm. Bà bày đĩa tách đồ chơi trên chiếc ghế gác chân. Bà gom lũ mèo lại, chúng đông lắm, rồi bà trò chuyện chi tiết đông dài với chúng. Loại kịch đó bà rất thích - một loại trò chơi biếm nhẽ che đậy và giấu kín sự thật không cho Mary

biết là bà không có y phục đẹp và nhà Talbot không có tiền. Gần như lúc nào họ cũng nghèo mạt rệp, và khi họ thật sự bần cùng, Mary sẽ xoay xở bày một thứ tiệc nào đó.

Bà có thể bày ra như thế. Bà có thể tiêm nhiễm niềm vui cho cả nhà, và bà dùng năng khiếu của mình như một thứ vũ khí chống lại sự chán nản luôn rình rập bên ngoài nhà chờ tấn công Tom. Mary thấy đó là việc của bà: giữ cho Tom khỏi nản, vì mọi người đều biết ông sẽ có ngày thành công lớn. Bà thường có thể ngăn không cho ảm đạm vào nhà, nhưng đôi khi nó tấn công Tom và đánh ông ngã gục. Khi ấy ông sẽ ngồi ngẫm nghĩ hàng giờ trong khi Mary hoảng loạn cố nhóm lên ngọn lửa hân hoan.

Một lần vào hôm đầu tháng có tờ giấy báo cộc lốc của công ty nước, tiền thuê nhà chưa đóng, báo *Colliert's* trả lại bản thảo, tạp chí *The New Yorker* gửi trả bức biếm họa, và Tom bị viêm màng phổi khá nặng, ông vào phòng ngủ rồi lên giường nằm.

Mary bước nhẹ vào, vì màu xám xanh từ nỗi sầu của ông đã rỉ qua dưới cánh cửa và qua lỗ khóa. Bà cầm bó hoa mù tạc nhỏ buộc đăng ten giấy.

Bà đưa bó hoa tới mũi ông và nói: “Ngửi xem.” ông ngửi bó hoa và chẳng nói gì. Bà hỏi: “Mình có biết hôm nay là ngày gì không?” và bà nghĩ loạn xạ để tìm lý do làm hôm ấy là một ngày rạng rỡ.

Tom nói: “Sao mình không nhìn thẳng nó một lần? Mình lụn bại rồi. Mình mạt rệp rồi. Tự dối mình thì ích lợi gì?”

Mary nói: “Không, mình không lụn bại. Mình là người có phép thần thông. Luôn luôn như vậy. Nhớ lần anh bắt gặp mười

đồ trong cuốn sách... nhớ hồi bà con của anh gửi cho anh năm đó không? Không có cái gì làm hại mình được cả.”

Tom nói: “Ồ, thế mà có đấy. Anh xin lỗi, lần này anh không thể tự dối mình. Anh chán giả vờ mọi thứ rồi. Anh muốn sống thật một lần... chỉ một lần thôi.”

Mary nói: “Em nghĩ tối nay em sẽ làm một bữa tiệc nhỏ.”

“Tiệc với cái gì? Em không cắt hình đuôi heo nướng trong tạp chí rồi bày trên đĩa nữa chứ? Anh chán trò giả vờ đó rồi. Trò đó hết vui rồi. Trò đó buồn.”

Bà nhất quyết nói: “Em có thể bày một tiệc nhỏ. Nhỏ thôi. Không ai cần y phục chỉnh tề. Hôm nay là ngày kỷ niệm thành lập Liên đoàn Bloomer*... anh thậm chí chẳng nhớ.”

Tom nói: “Vô ích. Anh biết là thô lỗ, nhưng anh không cố được. Em ra ngoài đóng cửa lại để anh yên được không? Anh sẽ làm em buồn lây nếu em không đi ra.”

Bà nhìn ông chăm chú và thấy ông nói thật. Mary lặng lẽ bước ra đóng cửa lại, và Tom nằm sấp lại trên giường úp mặt xuống hai cánh tay. Ông nghe tiếng bà sột soạt ở phòng bên kia.

Bà trang hoàng cánh cửa bằng những món đồ Giáng sinh cũ, các quả bóng thủy tinh và giấy kim tuyến, rồi bà làm một tấm bảng ghi “Chào mừng Tom, người hùng của chúng ta”. Bà lắng tai bên cánh cửa nhưng chẳng nghe được gì. Hơi phiền muộn, bà lấy cái ghế gác chân ra và trải khăn ăn lên. Bà cắm bó hoa của bà vào cốc thủy tinh đặt giữa ghế gác chân và bày bốn bộ đĩa tách nhỏ. Bà vào bếp, cho trà vào bình trà và đun ấm nước. Rồi bà ra vườn.

Kitty Randolph đang sưởi nắng một mình gần hàng rào trước nhà. Mary nói: “Cô Randolph... tôi mời một vài bạn đến uống trà, mời cô vui lòng đến dự.” Kitty Randolph uể oải lăn ngửa ra và duỗi dài dưới nắng ấm. Mary nói: “Đến trước 4 giờ đấy nhé. Vợ chồng tôi sắp đi dự tiệc kỷ niệm 100 năm Liên đoàn Bloomer ở khách sạn.”

Bà rảo bước vòng quanh nhà ra vườn sau, chỗ bụi cây mâm xôi leo lên hàng rào. Kitty Casini đang ngồi xồm trên mặt đất gù gù một mình và vẫy đuôi dữ dội.

Mary mở lời: “Bà Casini,” rồi ngưng bật vì bà thấy con mèo đang làm gì. Kitty Casini có con chuột. Nó dùng bàn chân giấu móng vuốt nhẹ con chuột, và con chuột sợ hãi ngo nguậy để thoát ra, kéo lê hai chân sau đã tê liệt. Con mèo để nó lết lại gần chỗ trốn trong bụi mâm xôi rồi uyển chuyển vươn tới, móng vuốt trắng ngời trên chân nó xòe ra. Nó nhẹ nhàng bấu lưng chuột rồi lôi con chuột quần quai về với nó, và đuôi nó vẫy cực kỳ khoái trá.

Tom hẳn đã ngủ chập chờn lúc ông nghe tiếng gọi tên ông dồn dập. Ông bật dậy hét: “Cái gì vậy? Em ở đâu?” Ông nghe Mary khóc. Ông chạy ra vườn và thấy sự việc đang xảy ra. Ông quát lên: “Em ngó ra chỗ khác,” và ông giết con chuột. Kitty Casini nhảy lên hàng rào giận dữ nhìn ông. Tom nhặt hòn đá ném trúng bụng nó làm nó ngã khỏi hàng rào.

Vào đến trong nhà Mary vẫn còn hơi thốn thức. Bà rót nước vào ấm trà và mang tới bàn. Bà bảo Tom: “Ngồi đó,” và ông ngồi xồm trên sàn nhà phía trước cái ghế gác chân.

Ông nói: “Cho anh tách lớn được không?”

Mary nói: “Em không trách Kitty Casini. Em biết loài mèo. Không phải lỗi tại nó. Nhưng... Ồ, Tom! Em sẽ khó mời nó lần nữa. Sắp tới em sẽ không thích nó nữa dù em có muốn đi chảnh nữa.” Bà chăm chú nhìn Tom, thấy những vết nhăn trên trán ông đã biến mất và ông không hấp háy mắt nữa. Bà nói: “Nhưng dạo này em bạn với Liên đoàn Bloomer quá. Em không biết làm sao thu xếp cho xong mọi việc.”

Năm đó Mary Talbot mở tiệc mừng có thai. Và mọi người nói: “Trời ơi! Đứa con bà ấy sẽ sướng lắm.”

Chương 25

Chắc chắn cả phố Cannery Row và có thể toàn bộ Monterey cảm thấy thay đổi đã đến. Không tin vào vận may và điềm gỡ cũng chẳng sao. Chẳng ai tin. Nhưng đánh cược với may rủi thì chẳng lợi lộc gì và chẳng ai muốn liều. Như mọi nơi khác, Cannery Row không mê tín, nhưng họ sẽ không đi dưới cây thang hay mở dù trong nhà. Doc là nhà khoa học thuần túy và không thể mê tín, nhưng một đêm ông về khuya và thấy một hàng hoa trắng nằm ngang bậc cửa vì vậy ông gặp xui. Nhưng phần lớn cư dân Cannery Row hoàn toàn không tin mấy chuyện đó và cứ thế sống với nó.

Hiển nhiên trong đầu Mack nghĩ Biệt thự Lữ thú đã bị sao quá tạt chiếu. Gã đã phân tích bữa tiệc chết yểu và thấy tai họa đã len vào mọi kẽ hở, vận rủi nổi lên như mề đay lúc chập tối. Và một khi đã gặp vận hạn như vậy thì tốt nhất là đi ngủ cho tới khi tai qua nạn khỏi. Ta không thể cưỡng lại nó. Chứ Mack đâu có mê tín.

Bây giờ có điều gì hân hoan bắt đầu thâm nhập vào Phố và từ đó lan ra. Doc hầu như thành công siêu việt với một loạt khách nữ. Thậm chí ông cũng chẳng cố gắng. Con cún ở Biệt thự lớn như thổi, và với di truyền của hàng ngàn thế hệ được huấn luyện, nó bắt đầu tự huấn luyện. Nó đâm ra ghê tởm nước tiểu

trên sàn nhà và quyết định đi bên ngoài. Hiển nhiên Darling sẽ lớn thành con chó giỏi và xinh. Và nó không mắc chứng giật kinh phong sau cơn sốt loạn óc.

Sao đại cát chiếu mệnh mang điều lành len lõi như hơi đốt khắp Phố. Nó lan xa đến tận quầy bánh mì thịt của Herman, nó lan tới San Carlos Hotel. Jimmy Brucia cảm thấy nó, và Johnny anh bồi rượu ca sĩ của ông nữa. Enea Nổ cảm thấy nó và vui vẻ tham chiến với ba anh cớm mới của thị trấn khác. Thậm chí nó lan đến tận nhà tù của tỉnh ở Salinas, nơi Gay đã sống thoải mái bằng cách để ông cảnh sát trưởng đánh bại hắn trên bàn cờ đam, rồi bây giờ hắn bỗng dung trở chứng tự phụ không chịu thua một ván nào nữa. Vì vậy hắn mất đặc quyền, nhưng hắn cảm thấy mình lại hoàn toàn là mình.

Bầy hải sư cảm thấy nó, và tiếng sữa của chúng mang thanh điệu và nhịp phách làm vui lòng Thánh Francis. Các bé gái đang học giáo lý bỗng ngược lên cười khúc khích chẳng vì lý do gì. Có lẽ nên sáng chế một máy dò điện nào đó đủ tinh vi để có thể tìm tới cội nguồn của tất cả niềm vui và vận may đang lan tràn này. Phép định vị tam giác chắc có thể tìm thấy nó trong Biệt thự Lữ thú và Quán thịt nướng. Rõ ràng nó ngập ngựa Biệt thự, Mack và đám choai choai bị tấn công. Người ta thấy Jones phóng ra khỏi ghế chỉ để nhảy nhanh một điệu gõ đế giày rồi ngồi xuống lại. Hazel mỉm cười băng quơ. Niềm vui phổ quát và tràn lan tới nỗi Mack khó có thể gom nó lại để bắt trúng tâm điểm của nó. Eddie làm việc ở La Ida khá đều đặn và đang tích lũy một hầm rượu nhiều triển vọng. Hắn không đổ bia vào bình rượu vang

đủ loại nữa. Hần nói làm như vậy thì hỗn hợp bị nhạt vị.

Sam Malloy đã trồng cây bìm bìm leo lên nôi súp de. Ông lấp cái mái hiên nhỏ để vợ chồng ông ngồi bên dưới lúc chiều tối. Bà đang móc tấm trải giường.

Thậm chí niềm vui vào đến Cờ Gấu. Làm ăn phát đạt. Chân Phyllis Mae đang lành và cô gần như sẵn sàng làm việc lại. Eva Flanagan từ East St. Louis trở về và rất mừng là đã về. East St. Louis nóng và không đẹp như cô nhớ về nó. Nhưng hồi cô vui chơi đã đời ở đó thì cô trẻ hơn bây giờ.

Người ta không bỗng chốc biết hay tin tưởng về bữa tiệc cho Doc. Biết hay tin không bộc phát. Người ta biết chuyện nhưng họ để nó lớn dần như con nhộng lớn lên trong tổ kén tưởng tượng của họ.

Mack thực tế. Gã bảo đám choai choai: “Lần trước mình gượng ép quá. Làm kiểu đó tội mày không bao giờ có thể có một bữa tiệc ngon lành. Mày phải để nó bò dần lên mày.”

Jones nóng nảy hỏi: “Ồ vậy thì khi nào làm?”

Mack nói: “Tao không biết.”

Hazel hỏi: “Tiệc bất ngờ chứ?”

Mack nói: “Phải bất ngờ, tiệc kiểu đó là hay nhất.”

Darling đem cho gã quả bóng quần vợt nó tìm thấy, và gã ném bóng ra cửa vào đám cỏ dại. Nó nhào theo quả bóng.

Hazel nói: “Nếu mình biết ngày sinh nhật của Doc thì mình có thể làm tiệc sinh nhật cho ổng.”

Miệng Mack há hốc. Hazel liên tục làm gã ngạc nhiên. Gã kêu

lên: “Chúa ơi, Hazel, mày thiệt tình. Ừ, ông ơi, nếu là sinh nhật thì sẽ có quà. Đúng vậy. Mình chỉ cần biết là ngày nào.”

Hughie nói: “Dễ thôi. Sao mình không hỏi ông?”

Mack nói: “Đồ chết tiệt, như vậy ông sẽ đoán ra. Mày hỏi ngày sinh người ta, nhất là khi mày đã làm bữa tiệc cho ông như mình đã làm, như vậy ông sẽ biết mày muốn biết để làm cái gì. Có lẽ tao qua bên dò la một chút nhưng hổng để lộ bí mật.”

Hazel nói: “Tui đi với anh.”

“Đừng... nếu mình đi hai đứa, ông có thể đoán mình định làm trò gì.”

Hazel nói: “Úi trời đất ơi, *í kiếng* của tui mà.”

Mack nói: “Tao biết, khi nào tiệc đâu vào đấy rồi thì tao sẽ nói với Doc đó là *í kiếng* của mày. Nhưng tao nghĩ tao nên qua bên một mình.”

Eddie hỏi: “Ông ra sao... thân thiện chứ?”

“Ừ, ông được.”

Mack tìm thấy Doc ở tuốt tầng dưới của phòng thí nghiệm. Ông mặc tạp dề dài bằng cao su và đeo găng cao su để khỏi bị chất bảo quản dính vào tay. Ông đang tiêm màu vào tĩnh mạch và động mạch của con cá nhám nhỏ. Cái máy nhỏ của ông đang lăn đi lăn lại viên bi để trộn chất màu xanh. Trong ống bơm áp suất đã có chất lỏng màu đỏ. Bàn tay khéo léo của Doc làm việc một cách chính xác, luồn cây kim vào đúng chỗ rồi bóp cò hơi ép để bơm màu vào tĩnh mạch. Ông xếp con cá đã làm xong vào một đồng gọn gàng. Ông sẽ phải làm việc này một lần nữa để

bơm màu xanh vào động mạch. Cá nhám là mẫu phẫu thuật tốt.

Mack nói: “Ê Doc, bận rộn quá hả?”

Doc nói: “Muốn bận vậy thôi, con cún thế nào?”

“Cũng khỏe. Nếu hổng có ông thì nó chết rồi.”

Doc thoáng thấy dè dặt trong tích tắc rồi thôi. Bình thường lời khen làm ông cảnh giác. Ông đã đối phó với Mack từ lâu rồi. Nhưng giọng nói chỉ có vẻ biết ơn. Ông biết tâm tình của Mack đối với con cún. “Trên Biệt thự thế nào?”

“Tốt, Doc, tốt thôi. Tụi tui có hai cái ghế mới. Tôi ước gì ông lên coi tụi tui. Bây giờ trên đó đẹp lắm.”

Doc nói: “Tôi sẽ lên. Eddie vẫn đem bình rượu về chứ?”

Mack nói: “Dĩ nhiên. Nó hổng đổ bia vô đó nữa, tui nghĩ như vậy ngon hơn. Nó đậm hơn.”

Doc nói: “Hồi trước nó cũng đậm lắm.”

Mack kiên nhẫn chờ. Không sớm thì muộn Doc cũng sẽ dính vô, và gã đang chờ. Nếu làm như để Doc tự ý vô đề thì sẽ ít đáng nghi hơn. Phương pháp của Mack luôn luôn như vậy.

“Lâu rồi không gặp Hazel. Nó bình hả?”

Mack nói: “Không,” rồi gã mở chiến dịch. “Hazel khỏe. Nó với Hughie đang cãi nhau dữ lắm. Cả tuần nay rồi,” gã tặc lưỡi. “Mà tức cười là cãi về cái chuyện mà cả hai đứa tụi nó đều hổng biết. Tui né xa vì tui cũng hổng biết, nhưng tụi nó thì cãi. Tụi nó thậm chí nổi khùng với nhau.”

Doc hỏi: “Về chuyện gì?”

Mack nói: “Ôi dào, ông ơi, Hazel cứ mua mấy cái bảng coi

ngày tốt, sao tốt, đại loại vậy. Hughie nói nó toàn là chuyện tào lao. Hazel nó nói nếu biết ngày sinh của ai thì mình có thể nói về người đó, còn Hughie thì nói họ bán cho Hazel mấy cái bảng đó để lấy 25 xu mỗi tờ thôi. Tui, tui hổng biết chuyện đó. Ông nghĩ sao, Doc?”

Doc nói: “Tôi có lẽ đứng về phía Hughie.” Ông tắt máy lăn viên bi, rửa sạch ống bơm màu rồi hút đầy chất màu xanh vào.

Mack nói: “Tối bữa nọ tui nó nổi nóng. Tui nó hỏi tui sinh ngày nào, tui nói với tui nó là ngày 12 tháng Tư. Hazel liền đi mua một tờ ngày đó rồi đọc hết về tui.Ồ, có vẻ nó đúng vài chỗ. Nhưng gần như toàn là điều tốt, người ta sẽ tin điều tốt về mình. Nó nói tui can đảm, thông minh và tử tế với bạn hữu. Nhưng Hazel nói tất cả đều đúng. Ông sinh ngày nào, Doc?” Câu hỏi nghe hoàn toàn tình cờ ở cuối một lời bàn dài. Bạn không thể tóm được nó. Nhưng phải nhớ là Doc biết Mack đã lâu lắm rồi. Nếu không ông lẽ ra sẽ nói ngày 18 tháng Mười hai là ngày sinh của ông chứ không phải ngày 27 tháng Mười. Doc nói: “Ngày 27 tháng Mười. Hỏi Hazel coi ngày đó thì tôi làm sao.”

Mack nói: “Chắc là tào lao, nhưng Hazel nó coi là chuyện hệ trọng. Tui sẽ nói nó xem cho ông, Doc.”

Khi Mack ra về, Doc mơ hồ tự hỏi trò rào đón đông dài này là gì. Vì ông nhận ra nó là đầu mối cho chuyện khác. Ông biết xảo thuật của Mack, phương pháp của gã. Ông nhận ra kiểu của gã. Và ông tự hỏi Mack tìm thông tin này vì mục đích gì. Về sau khi tin đồn bắt đầu lan tới thì Doc mới vỡ lẽ. Bây giờ ông cảm thấy thở phào, vì ông đã tưởng Mack định mượn tiền ông.

Chương 26

Hai thằng nhỏ chơi trong bãi sửa tàu cho tới khi con mèo leo lên hàng rào. Lập tức chúng đuổi theo, lừa nó qua đường ray rồi nhặt sỏi trên nền đường nhét đầy túi. Con mèo chạy thoát vào đám cỏ cao, nhưng chúng vẫn giữ sỏi vì sỏi có sức nặng, hình dáng và kích thước rất vừa vặn để ném. Chẳng biết khi nào mình sẽ cần một viên sỏi như vậy. Chúng rẽ xuống Cannery Row và lia rầm rầm một viên lên tấm tôn mái phía trước nhà máy đóng hộp Morden. Một ông giật mình nhìn ra cửa sổ văn phòng rồi nhào ra cửa, nhưng bọn con trai nhanh hơn ông. Chúng đã nấp sau xà gỗ trong lô đất thậm chí trước khi ông kịp ra tới cửa. Một trăm năm nữa ông cũng không tìm được tụi nó.

Joey nói: “Tao dám chắc ổng tìm suốt đời cũng không thấy tụi mình.”

Một lát sau chúng chán ẩn nấp mà không có ai tìm. Chúng đứng lên rảo bước xuống Cannery Row. Chúng nhìn tủ kính tiệm Lee một lúc lâu, thèm thuồng cái kim, cây cưa sắt, mấy cái mũ thợ và chuối. Rồi chúng băng qua đường, ngồi xuống bậc thang thấp dẫn lên tầng hai của phòng thí nghiệm.

Joey nói: “Nè, cái ông trong đó có em bé đựng trong chai.”

Willard hỏi: “Em bé loại nào?”

“Em bé bình thường, nhưng mà trước khi tụi nó sinh ra.”

Willard nói: “Tao không tin.”

“Ồ, đúng mà. Thằng Sprague thấy, nó nói tụi nó lớn không hơn bây nhiêu, tụi nó có tay chân và mắt nhỏ xíu.”

Willard chất vấn: “Tóc nữa chứ?”

“Ồ, thằng Sprague không nói tới tóc.”

“Lẽ ra mày nên hỏi nó. Tao nghĩ nó là thằng nói láo.”

Joey nói: “Mày đừng để nó nghe mày nói như vậy thì hơn.”

“Ồ, mày cứ kể cho nó là tao nói vậy. Tao hông sợ nó và tao hông sợ mày. Tao hông sợ đứa nào. Mày muốn gây sự không?” Joey không trả lời. “Nè, mày muốn không?”

Joey nói: “Không. Tao đang nghĩ, sao mình không lên hỏi ông là ông có em bé trong chai không? Có thể ông sẽ cho mình coi, nếu ông có.”

Willard nói: “Ông hông có ở đây. Lúc nào ông ở đây thì xe của ông ở đây. Ông đi đâu rồi. Tao nghĩ là nói dóc. Tao nghĩ thằng Sprague là đứa nói dóc. Tao nghĩ mày là đứa nói dóc. Mày muốn gây sự không?”

Một ngày uể oải. Willard sẽ phải cố gắng lắm mới tạo được chút sôi nổi. “Tao nghĩ mày cũng là thằng hèn. Mày muốn gây sự không?” Joey không trả lời. Willard đổi chiến thuật. Nó hỏi bằng giọng gợi chuyện: “Ông già mày hồi này ở đâu?”

Joey nói: “Ông chết rồi.”

“Ồ vậy hả? Tao không biết. Ông chết vì cái gì?”

Joey im lặng một lát. Nó biết Willard biết, nhưng nó không

thể để lộ là nó biết, nếu không nó sẽ phải đánh nhau với Willard, và Joey sợ Willard.

“Ổng tự... ổng tự sát.”

Willard làm mặt khờ: “Ủa? Ổng tự sát cách nào?”

“Ổng uống thuốc chuột.”

Willard ré lên cười: “Ổng nghĩ gì vậy... ổng là con chuột à?”

Joey cười khẩy vì câu nói đùa, vừa đủ, thế thôi.

Willard rú lên: “Ổng phải nghĩ ổng là con chuột. Ổng có bò vòng vòng như vậy không... nè, Joey... như vậy nè? Ổng có nhăn mũi lại như vậy không? Ổng có cái đuôi thiệt dài không?” Willard cười không kìm được. “Sao ổng hổng kiếm cái bẫy chuột rồi chui đầu vô?” Chúng cười sặc sụa về câu ấy, Willard thật là quá đà. Rồi nó tìm một câu đùa khác. “Ổng trông như thế nào lúc ổng uống thuốc chuột... như vậy à?” Nó lé mắt, há miệng và lè lưỡi.

Joey nói: “Ổng bình nguyên ngày. Tới nửa đêm ổng mới chết. Ổng đau lắm.”

Willard nói: “Sao ổng làm vậy?”

Joey nói: “Ổng không kiếm được việc làm. Gần một năm ổng không kiếm được việc. Rồi mày thấy có tức cười không? Sáng hôm sau một ông ghé tới cho ổng việc làm.”

Willard cố trở lại câu đùa của nó. Nó nói: “Tao chắc ổng mới nghĩ ra ổng là con chuột,” nhưng câu đùa thất bại cả với Willard.

Joey đứng lên xỏ tay vào túi. Nó thấy đồng một xu lấp lánh

trong rãnh nước và bước tới, nhưng ngay khi nó cúi xuống Willard đẩy nó ra để nhặt đồng xu.

Joey kêu lên: “Tao thấy trước. Của tao.”

Willard nói: “Mày muốn định gây sự hả? Sao mày hổng đi lấy thuốc chuột mà uống?”

Chương 27

Mack và đám choai choai: Đức Hạnh, Hồng Phúc và Toàn Mỹ. Họ ngồi trong Biệt thự Lữ thứ, và họ là hòn đá thả xuống ao, là lực tạo nên các gợn sóng lan khắp Cannery Row và xa hơn nữa, tới Pacific Grove, tới Monterey, thậm chí vượt qua đồi tới Carmel.

Mack nói: “Lần này mình phải nắm chắc là ổng có dự tiệc. Nếu ổng hồng dự được thì mình hồng làm.”

Jones hỏi: “Lần này mình làm ở đâu?”

Mack dựa ngửa cái ghế đang ngồi vào tường, hai chân gãi móc vào hai chân trước của ghế. Gã nói: “Tao đã nghĩ kĩ rồi. Dĩ nhiên mình có thể mở tiệc ở đây, nhưng ở đây rất khó làm ổng ngạc nhiên. Vả lại Doc thích chỗ của ổng. Ở đó ổng có nhạc của ổng.” Mack cúi kính nhìn quanh phòng và nói: “Tao hồng biết lần trước đứa nào làm bể cái máy quay đĩa của ổng, nhưng nếu lần tới đứa nào chỉ cần đụng một ngón tay vô máy thì chính tao sẽ đập nó chết bỏ.”

Hughie nói: “Tui nghĩ mình cứ phải làm tiệc ở nhà ổng.”

Thiên hạ không có thông tin gì về buổi tiệc - họ cứ dần dần hiểu thêm về nó. Và chẳng ai được mời. Mọi người sẽ đi. Ngày 27 tháng Mười được đóng khung đỏ trong đầu. Và vì là tiệc sinh

nhật nên phải nghĩ tới quà cáp.

Thí dụ các cô ở nhà Dora. Cả bọn họ không lúc này thì lúc khác đều đã tới phòng thí nghiệm để tìm lời khuyên hay xin thuốc hay chỉ để có bạn ngoài nghề nghiệp. Và họ đã thấy cái giường của Doc. Giường phủ tấm chăn cũ màu đỏ bạc phơ dính đầy lông đuôi cáo, bông cỏ và cát, vì ông đem chăn theo trong mọi chuyến đi bắt hải sản. Nếu có tiền thì ông mua dụng cụ thí nghiệm. Ông chưa bao giờ nghĩ mua cho mình cái chăn mới. Các cô nhà Dora đang may cho ông cái chăn lụa chắp, một tác phẩm đẹp bằng lụa. Và phần lớn lụa có sẵn từ đồ lót và dạ phục, vì thế tấm chăn rực rỡ những dải lụa hồng tươi, tím mờ, vàng nhạt và đỏ anh đào. Họ may vào những lúc gần trưa và buổi chiều, trước khi tụi thủy thủ đoàn tàu lưới cá mò về bến. Nhờ nỗ lực chung này, mấy vụ xung đột và giận dỗi luôn luôn có ở chốn lầu xanh đã biến mất hoàn toàn.

Lee Chong lôi dây pháo dài tám thước và một bao lớn đựng củ thủy tiên ra xem xét. Theo ông nghĩ, đó là những thứ cao quý nhất cho tiệc tùng.

Sam Malloy từ lâu đã có ý kiến về đồ cổ. Ông biết bàn ghế, đồ thủy tinh và đồ sành sứ cổ không có giá trị lắm vào thời của chúng, rồi thời gian trôi qua chúng sẽ được ưa thích và tăng giá trị bất kể đẹp xấu và tính hữu dụng. Ông biết một cái ghế bán tới 500 đô. Sam sưu tầm phụ tùng xe hơi cổ, và ông tin rằng có ngày bộ sưu tập của ông, sau khi làm ông cực kỳ giàu có, sẽ được trưng bày trên vải nhung đen trong các viện bảo tàng danh giá nhất. Sam nghĩ rất kỹ về bữa tiệc, rồi ông xem lại kho

bảo vật ông cất trong cái rương lớn có khóa phía sau nổi súp de. Ông quyết định tặng Doc một trong các món đẹp nhất của ông: cây thanh chuyên và pít tông của chiếc Chalmers đời 1916. Ông chà xát và lau bóng bảo vật này cho tới khi nó sáng loáng như bộ áo giáp xưa. Ông làm cho nó cái hộp nhỏ lót vải đen.

Mack và đám choai choai cân nhắc kỹ lưỡng vấn đề và đi tới kết luận là Doc luôn luôn thích mèo nhưng ông gặp khó khăn trong việc tìm chúng. Mack đem cái chuồng hai ngăn của gã ra. Họ mượn một con mèo cái có thai và đặt bẫy dưới cây bách trên đầu lô đất trống. Nơi góc Biệt thự họ làm cái chuồng lưới kẽm để nhốt bộ sưu tập mèo đực cáu giận mỗi đêm mỗi nhiều thêm của họ. Hàng ngày Jones phải đi hai chuyến qua nhà máy đóng hộp để lấy đầu cá về nuôi chúng. Mack xem xét và chính xác là 25 con mèo đực sẽ là món quà hay nhất mà họ có thể biếu Doc.

Mack nói: “Lần này không trang hoàng gì hết, chỉ là bữa tiệc linh đình với cả đồng rượu mạnh thôi.”

Gay từ tận nhà tù Salinas nghe tin bữa tiệc, hẩn điều đình với ông cảnh sát trưởng thả hẩn tối hôm đó và mượn ông ta hai đô la để mua vé xe đò khứ hồi. Gay đã rất tử tế với ông cảnh sát trưởng, và ông không phải là kẻ sẽ quên điều đó, đặc biệt là vì bầu cử sắp tới, và Gay có thể, hoặc hẩn nói là hẩn có thể, làm thay đổi một số lá phiếu. Hơn nữa, Gay có thể làm cho nhà tù Salinas mang tiếng xấu nếu hẩn muốn.

Henri bỗng dưng cả quyết rằng cái gói cắm kim kiểu xưa là một loại hình nghệ thuật nở rộ và đạt tới đỉnh cao hồi thập niên 1890 rồi sau đó bị lãng quên. Hẩn làm sống lại loại hình này và

mừng rỡ thấy điều hần có thể làm được với mấy cây đinh ghim nhiều màu. Bức tranh không bao giờ hoàn thành - bạn có thể biến đổi nó bằng cách sắp xếp lại mấy cây đinh ghim. Trong khi đang chuẩn bị một số tác phẩm cho buổi triển lãm cá nhân, hần nghe về bữa tiệc và lập tức bỏ công việc của hần để bắt đầu làm một cái gối cắm kim khổng lồ cho Doc. Nó sẽ là một đồ án phức tạp và khiêu khích, với mấy cây đinh ghim màu lá cây, vàng và xanh, toàn màu lạnh, và tác phẩm có tên là Ký ức trước thời địa chất Cambrian.*

Eric, bạn Henri, một anh thợ cắt tóc uyên bác chuyên sưu tập bản in đầu tiên của các nhà văn không bao giờ có bản in lần thứ hai hay có cuốn sách thứ hai, quyết định biếu Doc cái máy chèo ghe mà hần nhận được từ vụ kiện phá sản của một khách hàng thiếu nợ ba năm tiền cắt tóc. Cái máy chèo còn tốt. Chẳng mấy ai chèo nó. Chưa ai dùng máy chèo ghe.

Sự thông đồng lớn dần, và có vô số lần tới lui thăm viếng, bàn cãi về quà cáp, về rượu, về lúc nào sẽ bắt đầu, và không ai được kể cho Doc.

Lần đầu Doc nhận thấy có điều gì đang xảy ra liên quan tới ông, ông chẳng hiểu ắt giáp gì. Trong tiệm Lee Chong, đối thoại ngưng bật khi ông vào.

Thoạt tiên ông mơ hồ cho rằng người ta lạnh nhạt với ông. Khi ít nhất năm hay sáu người hỏi ông định làm gì ngày 27 tháng Mười, ông lúng túng, vì ông quên là ông đã nói đó là ngày sinh của ông. Thật ra ông cũng muốn biết về lá số tử vi của ngày sinh giả, nhưng Mack không bao giờ nhắc tới nó nữa vì thế

Doc cũng quên.

Một tối ông ghé Quán Nửa Đường vì có loại bia tươi ông thích và họ giữ đúng nhiệt độ. Ông nốc cạn ly đầu tiên, và khi ngồi xuống thưởng thức ly thứ hai thì nghe một gã say nói với anh bồi rượu. “Mày đi dự tiệc chứ hả?”

“Tiệc gì?”

Gã say thổ lộ: “Ồ, mày biết Doc dưới Cannery Row.”

Anh bồi rượu nhìn lên quây rồi quay lại.

Gã say nói: “Ồ, tui nó định làm bữa tiệc sinh nhật hết sảy cho ông.”

“Ai?”

“Mọi người.”

Doc ngẫm nghĩ. Ông đâu có biết gã say này.

Phản ứng của ông về sự việc này không đơn giản. Ông cảm thấy ấm lòng khi họ muốn làm tiệc cho ông, đồng thời trong bụng ông run khi nhớ tới bữa tiệc họ làm lần trước.

Bây giờ mọi thứ rõ ràng vào đấy: câu hỏi của Mack và sự im lặng khi có mặt ông. Tối hôm đó ông ngồi bên bàn làm việc suy nghĩ rất nhiều. Ông liếc xem vật nào phải khóa lại. Ông biết bữa tiệc sẽ làm ông rất tốn kém.

Hôm sau ông bắt đầu tự mình chuẩn bị cho bữa tiệc. Ông đem mấy đĩa hát hay nhất của ông vào phòng phía sau, nơi có thể khóa lại. Ông cũng dọn luôn các món dụng cụ có thể vỡ vào đó. Ông biết tiệc sẽ ra sao: khách của ông sẽ đói và họ sẽ không mang theo thức ăn. Họ sẽ sớm hết rượu, bao giờ cũng thế. Hơi

uể oải, ông lên siêu thị Thrift Market nơi có ông hàng thịt giỏi và hiểu biết. Họ bàn về thịt một hồi. Doc mua bảy ký bít tết, năm ký cà chua, mười hai bó rau diếp, sáu ổ bánh mì, một hũ lớn bơ đậu phụng và một lọ mứt dâu, năm bình rượu vang bốn lít, và bốn lít rượu mạnh kha khá nhưng không xuất sắc. Ông biết đầu tháng ông sẽ gặp rắc rối với ngân hàng. Ông nghĩ ba, bốn bữa tiệc như vậy ông sẽ mất phòng thí nghiệm.

Trong khi đó kế hoạch trên Phố lên tới đỉnh cao. Doc đúng, chẳng ai nghĩ tới thức ăn, nhưng khắp đây đó người ta để dành nửa lít hay một lít lẻ. Bộ sưu tập quà cáp lớn lên, và bản danh sách khách, nếu có, hơi giống tờ điều tra dân số. Cờ Gấu bàn cãi liên miên về y phục sẽ mặc. Vì không phải là làm việc nên các cô không muốn mặc bộ váy dài đẹp đồng phục. Họ quyết định mặc y phục đi phố. Nghe đơn giản mà đâu phải vậy. Dora nhất quyết giữ một nhóm tạm tạm đủ ở lại trực để tiếp khách quen. Các cô chia thành nhiều ca, một số ở nhà cho tới khi được các cô khác về thay phiên. Họ phải tung sắp ngửa để chọn ai được đi dự tiệc trước. Các cô đi trước sẽ thấy mặt Doc lúc họ biểu ông cái chặn lựa chấp tuyệt vời. Họ căng nó trên khung trong phòng ăn và sắp hoàn thành. Bà Malloy đã tạm ngưng móc tám trái giường của bà. Bà đang móc sáu miếng lót ly bia cho Doc. Bây giờ sự hào hứng ban đầu trên Phố đã qua và được thay bằng niềm thiết tha càng lúc càng chết người. Trong chuồng ở Biệt thự Lữ thứ có 15 con mèo đực, ban đêm tiếng chúng ngao ngao làm Darling hơi bồn chồn.

Chương 28

Sớm muộn gì Frankie cũng sẽ nghe về bữa tiệc. Vì Frankie trôi dạt như cụm mây nhỏ. Nó luôn luôn ở bên lề các nhóm. Không ai nhận thấy hay chú ý tới nó. Bạn không thể nói nó có đang lắng nghe hay không. Nhưng Frankie có nghe về bữa tiệc, nó nghe về các món quà, rồi cảm giác tròn vẹn trong nó căng lên cùng cảm giác nôn nao khao khát.

Tủ kính Tiệm Nữ trang Jacob có một món đẹp nhất thế gian. Nó đã ở đó lâu lắm rồi. Nó là cái đồng hồ mã não đen, mặt số vàng, nhưng vẻ đẹp thật sự nằm ở phía trên. Phía trên là pho tượng đồng: Thánh George giết rồng. Con rồng nằm ngửa, móng nó vươn lên, và ngọn giáo của Thánh George đâm vào ngực nó. Toàn thân vị thánh mặc áo giáp, tấm che mặt mở lên, và ngài cười con ngựa mập mông to. Ngọn giáo của ngài gí con rồng xuống đất. Nhưng kỳ diệu là ngài có bộ râu nhọn và nom ngài hơi giống Doc.

Mỗi tuần Frankie rảo bước tới phố Alvarado vài lần để đứng trước tủ kính nhìn món đồ đẹp này. Nó cũng có mơ ước về món đồ này, nó mơ lướt ngón tay của nó lên pho tượng đồng lỏng lẩy mượt mà. Nó biết pho tượng đã mấy tháng trước khi nó nghe về bữa tiệc và quà cáp.

Frankie đứng một giờ trên vỉa hè trước khi vào. Ông Jacob

nói: “Sao?” Mắt ông rà soát Frankie khi nó vào, và ông biết nó chẳng có đến lấy 75 xu.

Frankie khàn khàn hỏi: “Cái đó bao nhiêu?”

“Cái gì?”

“Cái đó.”

“Mày hỏi cái đồng hồ hả? Năm chục đô... thêm bộ tượng thì 75 đô.”

Frankie bước ra không trả lời. Nó xuống bãi biển rồi chui vào chiếc ghe chèo úp ngược và hé nhìn ra những gợn sóng nhỏ. Vẻ đẹp của pho tượng đồng quá mãnh liệt trong đầu nó tới nỗi như pho tượng đang đứng trước mặt nó. Và cảm giác hoảng hốt vì bế tắc trùm lên nó. Nó phải có pho tượng đẹp. Mắt nó long lên dữ tợn khi nó nghĩ tới điều ấy.

Nó nằm dưới chiếc ghe cả ngày, đến đêm nó mò ra và đi về phố Alvarado. Người ta vô xem xi nê rồi đi ra rồi tới tiệm Golden Poppy, trong khi đó nó đi lên đi xuống dãy phố. Nó không mệt hay buồn ngủ, vì pho tượng đẹp chói như lửa trong nó.

Cuối cùng phố xá thưa người và dần dần không còn ai. Mấy chiếc xe đỗ bên đường lái đi, và thị trấn chìm vào giấc ngủ.

Một ông cảnh sát sầm soi nhìn Frankie. Ông hỏi: “Mày làm gì ngoài này?”

Frankie vọt chạy, thoát qua góc đường và nấp sau cái thùng tròn trong ngõ. Lúc hai giờ rưỡi nó rón rén tới cửa tiệm Jacob và thử vặn nắm cửa. Cửa khóa. Frankie quay lại ngõ, ngồi suy nghĩ phía sau cái thùng tròn. Nó thấy một miếng bê tông vỡ nằm bên

cạnh thùng, nó nhặt lên.

Ông cảnh sát báo cáo là ông nghe loảng xoảng và chạy tới. Tủ kính tiệm Jacob bị vỡ. Ông thấy tù nhân bước vội ra xa và ông đuổi theo nó. Ông không ngờ thằng nhỏ có thể chạy xa và nhanh như thế trong khi ôm theo 25 ký đồng hồ và pho tượng đồng, và tù nhân suýt chạy thoát. Nếu nó không phạm sai lầm chui vào ngõ cụt thì nó đã thoát.

Hôm sau ông cảnh sát trưởng gọi Doc: “Ông tới đây nhé? Tôi có việc muốn nói với ông.”

Họ dắt Frankie rất bần và nhếch nhác ra. Mắt nó đỏ, miệng nó mím chặt, nhưng nó hơi mỉm cười chào khi thấy Doc.

Doc hỏi: “Chuyện gì vậy, Frankie?”

Ông sếp nói: “Tối hôm qua nó đột nhập vô tiệm Jacob. Ăn trộm đồ. Chúng tôi liên lạc với mẹ nó. Bà ấy nói không phải lỗi của bà ấy vì nó luẩn quẩn ở chỗ của ông suốt ngày.”

Doc nói: “Frankie... lẽ ra con không nên làm vậy.” Tim ông cảm thấy nặng trĩu không thể tránh. Doc hỏi: “Ông tạm tha nó cho tôi trông nom được không?”

Ông sếp nói: “Tôi không nghĩ quan tòa sẽ cho. Chúng tôi có tờ báo cáo về tình trạng tâm thần. Ông có biết nó bị gì không?”

Doc nói: “Có, tôi biết.”

“Và ông có biết khi nó tới tuổi dậy thì có thể xảy ra chuyện gì không?”

Doc nói: “Có, tôi biết,” và lòng ông nặng trĩu khôn kham.

“Bác sĩ nghĩ chúng tôi nên nhốt nó. Trước kia chúng tôi chưa

nhốt được, nhưng bây giờ nó phạm trọng tội, tôi nghĩ chúng tôi nên nhốt.”

Frankie lắng nghe, vẻ chờ đón tất lịm trong mắt nó. Doc hỏi: “Nó lấy cái gì?”

“Cái đồng hồ to dùng với bức tượng đồng.”

“Tôi trả tiền cho món đó.”

“Ồ, chúng tôi đã lấy lại rồi. Tôi không nghĩ quan tòa sẽ chịu nghe. Rồi sẽ xảy ra nữa. Ông biết mà.”

Doc nói nhỏ: “Ừ, tôi biết. Nhưng có thể nó có lý do. Frankie, tại sao con lấy.”

Frankie nhìn ông một lúc lâu. Nó nói: “Con thương ông.”

Doc chạy ra và lên xe đi bắt hải sản trong mấy cái hang dưới Pt. Lobos.

Chương 29

Lúc 4 giờ ngày 27 tháng Mười, Doc đóng xong chai sữa cuối cùng. Ông súc sạch bình thuốc ướp, rửa cái kẹp, rắc phấn và tháo đôi găng cao su. Ông lên lầu cho đàn chuột ăn, rồi cất mấy đĩa nhạc hay nhất và kính hiển vi vào phòng phía sau. Rồi ông khóa phòng. Đôi khi có vị khách sáng dạ muốn chơi với rắn chuông. Bằng cách chuẩn bị cẩn thận, bằng cách đoán trước mọi điều có thể xảy ra, Doc hy vọng làm cho bữa tiệc này không chết ai nhưng cũng không làm cho nó chán.

Ông pha một bình cà phê, cho máy hát chơi bài *Grecit Fugue*, và đi tắm. Ông tắm rất nhanh, vì ông đã mặc quần áo sạch và uống cà phê trước khi nhạc dứt.

Ông ngó ra cửa sổ qua lô đất, nhìn lên Biệt thự nhưng chẳng thấy ai nhúc nhích. Doc không biết ai hay bao nhiêu người sẽ đến bữa tiệc của ông. Nhưng ông biết mình bị canh chừng. Ông đã nhận ra điều này cả ngày hôm nay. Chẳng phải ông đã thấy ai, nhưng có người hay vài người đã trông chừng ông. Vì vậy đây phải là bữa tiệc bất ngờ. Ông cũng có thể bị bất ngờ chứ. Ông sẽ làm việc thường lệ hàng ngày của mình như thể chẳng có gì xảy ra. Ông qua tiệm Lee Chong mua hai lít bia. Hình như tiệm Lee đang kìm nén niềm hào hứng Đông phương. Vậy là họ cũng sẽ đến. Doc về phòng thí nghiệm, rót một ly bia. Ông uống

ly đầu để giải khát, và rót ly thứ hai để nhâm nhi. Lô đất và phố xá vẫn vắng tanh.

Mack và đám choai choai đóng cửa ở trong Biệt thự. Bếp sôi ục suốt buổi chiều, nấu nước nóng để tắm. Ngay cả Darling cũng được tắm và cô nàng đeo cái nơ đỏ quanh cổ.

Hazel hỏi: “Anh nghĩ mình nên qua lúc mấy giờ?”

Mack nói: “Tao không nghĩ là trước 8 giờ. Nhưng tao hổng thấy có cái gì cản mình ực một ngum nhỏ coi như làm nóng người.”

Hughie nói: “Cho Doc nóng người luôn nhé? Có lẽ tui nên đem một chai cho ổng giả bộ như hổng có gì.”

Mack nói: “Đừng, Doc vừa mới qua tiệm Lee mua bia.”

Jones hỏi: “Anh nghĩ ổng có nghi ngờ gì không?”

Mack cật vấn: “Làm sao ổng ngờ được?”

Trong cái chuồng ở góc nhà hai con mèo đực bắt đầu cãi nhau, và cả chuồng gầm gừ và cong lưng chỉ trích. Chỉ có 21 con mèo. Họ không đạt được đủ số đã định.

Hazel mở lời: “Tui hổng biết làm sao mình đem đàn mèo này qua đó? Cái chuồng đó lớn hổng lọt qua cửa được.”

Mack nói: “Mình hổng đem đi. Nhớ vụ ếch không. Đừng, mình nói cho Doc biết thôi. ổng có thể qua đây lấy.” Mack đứng lên mở một bình rượu vang đủ loại của Eddie. Gã nói: “Mình cũng có thể làm nóng người.”

Lúc 5 giờ rưỡi ông Tàu già đi lẹp bẹp xuống đồi, ngang qua Biệt thự. Ông băng chéo lô đất, qua đường, rồi biến mất giữa

Phòng Sinh Vật Miền Tây và nhà máy Hediondo.

Các cô ở Cờ Gấu đang sửa soạn. Họ rút thăm chọn ai ở lại coi chừng nhà. Người ở lại sẽ được thay phiên mỗi giờ.

Dora lộng lẫy. Tóc bà mới nhuộm màu cam, uốn quăn chồng chất trên đầu. Bà đeo chiếc nhẫn cưới của mình và chiếc kẹp kim cương lớn trên ngực. Bộ áo lụa trắng của bà có hình cây trúc đen. Trong các phòng ngủ thủ tục thông thường bị đảo ngược.

Các cô ở nhà mặc dạ phục dài, trong khi các cô ra đi mặc váy ngắn in hình và nom rất xinh. Tắm chân lụa chấp đã xong và đã lột vải mặt sau đang nằm trong thùng giấy lớn ở quầy rượu. Ông bảo vệ hơi cầu nhàu, vì quyết định đưa ra là ông không thể đi dự tiệc. Ở nhà phải có người trông coi. Trái với nội quy, mỗi cô giấu nửa lít, và mỗi cô chờ dấu hiệu để làm da dẻ mình hồng thêm một chút trước khi đi dự tiệc.

Dora lộng lẫy sải bước vào văn phòng của bà rồi đóng cửa lại. Bà mở khóa ngăn trên cùng của cái bàn làm việc có nắp cuộn, lấy chai rượu và ly ra, rót cho mình một ngụm. Chai và ly đụng nhau phát lên tiếng keng nhỏ. Một cô lảng tai ngoài cửa nghe tiếng keng và loan tin đi. Bây giờ Dora hết ngửi được mùi rượu trong hơi thở rồi. Và các cô chạy về phòng họ lấy rượu của họ ra. Hoàng hôn đã đến trên Cannery Row, thời khắc nhá nhem giữa ánh nắng và đèn đường. Phyllis Mae nhìn hé qua màn cửa phòng khách phía trước.

Doris hỏi: “Mày có thấy ổng không?”

“Ừ. ổng bật đèn rồi, ổng ngồi như đang đọc. Giê-su ơi, làm

sao ông đọc. Mà y sẽ nghĩ là ông làm hư mắt ông. Ông cầm ly bia trên tay rồi.”

Doris nói: “Ừ, tao nghĩ mình cũng có thể nhấp một chút.”

Phyllis Mae vẫn hơi khập khiễng nhưng cô tươi rói. Cô nói cô có thể đề bẹp mấy ông Nghị viên thành phố. Cô nói: “Coi bộ tức cười. Ông ngồi đó mà hổng biết cái gì sắp xảy ra.”

Doris nói giọng hơi buồn: “Ông chưa hề tới đây thử một lần.”

Phyllis Mae nói: “Nhiều ông hổng muốn trả tiền. Tốn kém cho họ hơn nhưng họ tính kiểu khác.”

“Ôi dào, đồ chết tiệt, có thể ông thích họ.”

“Thích ai?”

“Mấy con nhỏ nào tới đó.”

“Ồ, ừ... có thể. Tao có qua đó rồi. Ông chưa bao giờ gạ gẫm tao.”

Doris nói: “Ông không gạ gẫm mày, nhưng như vậy hổng có nghĩa là nếu mày hổng làm ở đây thì mày khỏi phải chống cự để kiếm đường ra.”

“Mày muốn nói là ông hổng thích nghề của mình hả?”

“Không, tao không hề nói như vậy. Chắc ông nghĩ tính tình tụi con gái đi làm thì khác.”

Họ tợp một ngụm nhỏ nữa.

Trong văn phòng, Dora rót cho mình một ngụm nữa, uống rồi khóa ngăn kéo lại. Bà sửa mái tóc hoàn hảo của mình trước tấm gương trên tường, xem lại móng tay sơn đỏ bóng, rồi đi ra quầy rượu. Ông bảo vệ Alfred đang sưng sả. Chẳng phải ông

nói gì hay về mặt ông không vui, nhưng nom ông cứ như sừng sủa. Dora lạnh lùng quan sát ông. “Tôi chắc anh nghĩ anh sắp lên đoạn đầu đài phải không?”

Alfred nói: “Không, không, chẳng có gì.”

Kiểu đó đủ làm Dora nổi sùng. “Chẳng có gì hả? Thưa ông, ông có công ăn việc làm. Ông có muốn làm hay không?”

Alfred ơ hờ nói: “Chẳng có gì. Tôi đâu có cảm ràm gì.” Ông chống cùi chỏ lên quây và ngắm mình trong gương. Ông nói: “Bà cứ đi vui chơi đi. Tôi sẽ trông coi mọi thứ ở đây. Bà không cần lo.”

Dora mỉm lòng vì ông đau khổ. Bà nói: “Nè, tôi không thích nhà không có đàn ông. Có thể có đứa say nào giở chứng rồi tụi nhỏ không đối phó nổi với nó. Nhưng chút nữa anh có thể qua, rồi anh có thể ngó qua cửa sổ mà coi chừng nhà. Được không? Anh có thể coi chừng lỡ có gì xảy ra.”

Alfred nói: “Ôi dào, tôi muốn đi.” Ông nguôi ngoai vì bà cho phép. “Lát nữa tôi có thể ghé qua chỉ một, hai phút thôi. Tối hôm qua có thằng say xấu. Tôi không biết, Dora... làm như tôi mất tinh thần từ khi làm gãy lưng thẳng nọ. Tôi hết còn tự tin. Một đêm nào đó tôi sẽ ngập ngừng rồi bị đo ván.”

Dora nói: “Anh cần nghỉ ngơi. Có lẽ tôi sẽ nhờ Mack thế chỗ để anh có thể nghỉ hai tuần.

Bà là một mệnh phụ tuyệt vời, đúng, Dora.

Bên phòng thí nghiệm, Doc uống chút rượu mạnh sau ly bia. Ông cảm thấy hơi ngà ngà. Hình như ông thấy vui vì họ làm tiệc cho ông. Ông bật bản *Điều luân vũ cho nàng công chúa qua*

đời và thấy cảm động, hơi buồn. Và vì cảm xúc này ông tiếp qua bản *Daphnis và Chloe*. Một đoạn trong đó làm ông liên tưởng tới chuyện khác. Trước khi xảy ra trận Marathon, toán lính canh ở Athens báo cáo thấy một làn bụi mịn mù băng qua bình nguyên, họ nghe tiếng vũ khí loảng xoảng và điệu Thần ca Eleusis. Một đoạn nhạc gợi ông nhớ tới hình ảnh ấy.

Khi nhạc ngưng ông uống một ly rượu mạnh nữa, và đầu ông cân nhắc bản *Brandenburg*. Nó sẽ lôi ông ra khỏi trạng thái êm đềm và uể oải này. Nhưng êm đềm và uể oải thì có gì là dở? Nó khá dễ chịu. Ông nói lớn: “Mình cứ chơi bất kỳ cái gì mình muốn. Mình có thể chơi *Ánh trăng* hay *Nàng trinh nữ tóc hoe vàng*. Mình tự do mà.”

Ông rót rượu uống. Rồi ông chọn *Ánh trăng*. Ông có thể thấy ngọn đèn neon ở La Ida lấp lánh chớp tắt. Và đèn đường trước Cờ Gấu bật lên.

Một đoàn bộ nâu cánh cứng khổng lồ lao mình vào đèn rồi rơi xuống, chân chúng mò mẫm, râu chúng quờ quạng. Một con mèo cái cô đơn đi men theo rãnh nước tìm cảm giác phiêu lưu. Nó tự hỏi chuyện gì đã xảy ra cho tất cả tụi mèo đực, bọn làm cho đời thú vị và cho những đêm rừng rợn.

Ông Mallow bò lồm cồm nhìn ra cửa nôi súp de để xem có ai đi dự tiệc chưa. Trong Biệt thự đám choai choai ngồi bốn chôn nhìn hai cây kim đen của chiếc đồng hồ báo thức.

Chương 30

Bản chất của tiệc tùng đã bị nghiên cứu một cách không đầy đủ. Tuy nhiên, nói chung người ta hiểu mỗi bữa tiệc có một tật, mỗi tiệc là một loại riêng, và có thể là một thứ rất ngang ngạnh. Nói chung người ta cũng hiểu một bữa tiệc khó mà tiến hành như đã sắp xếp hay như dự tính. Dĩ nhiên, đặc tính cuối cùng này không đúng với những bữa tiệc nô lệ buồn thảm, bị roi vọt, kiểm soát và áp chế, do các bà chủ chuyên nghiệp tàn ác tổ chức. Đó chẳng phải là tiệc mà chỉ là đóng kịch và bày vẽ, vận hành tự phát như hệ thống đường ruột tiêu hóa thức ăn và thú vị như sản phẩm cuối cùng của nó.

Chắc hẳn mọi người ở Cannery Row đã tưởng tượng bữa tiệc sẽ ra sao: tiếng la hét chào hỏi, lời chúc mừng, tiếng ồn ào và cảm giác vui thú. Và bữa tiệc hoàn toàn không bắt đầu như vậy. Đúng 8 giờ tối Mack và đám choai choai, chải chuốt sạch sẽ, cầm mấy bình rượu của họ rồi đi đều bước xuống dốc gà, băng qua đường ray xe lửa, qua lô đất, băng ngang đường và lên thang lầu Phòng Sinh Vật Miền Tây. Mọi người lúng túng. Doc mở cửa, Mack nói một câu ngắn trịnh trọng: “Nhân ngày sinh của ông, tui với tụi nhỏ nghĩ tui tui chúc ông một sinh nhật vui vẻ, và tui tui có 21 con mèo làm quà cho ông.”

Gã dứt lời và bọn họ đứng trơ trên thang.

Doc nói: “Mời vào. Ủa... tôi... tôi ngạc nhiên quá. Thậm chí tôi không biết anh biết hôm nay là sinh nhật của tôi.”

Hazel nói: “Toàn là mèo đực. Tụi tui không đem xuống.”

Họ trang trọng ngồi xuống phía bên trái gian phòng. Im lặng một lúc lâu. Doc nói: “Ôi dào, nhân tiện các cậu tới đây, uống một chút chứ?”

Mack nói: “Tụi tui đem theo chút rượu,” và gã chỉ ba bình Eddie đã tích lũy.

Eddie nói: “Trong đó hồng có bia.”

Doc giấu sự miễn cưỡng hồi hộp tối. Ông nói: “Đừng, các cậu phải uống với tôi. Tình cờ tôi có dự trữ chút rượu mạnh.”

Họ vừa mới ngồi ngay ngắn, đang nhấm nháp rượu mạnh, thì Dora và các cô vào. Họ đưa biếu cái chần lựa chấp. Doc trải chần lên giường, tuyệt đẹp. Và họ nhận uống một chút rượu. Ông bà Malloy mang quà theo sau.

Sam Malloy vừa đưa cái pít tông và thanh chuyên của chiếc Chalmers đời 1916 vừa nói: “Nhiều người không biết giá trị của món này. Có lẽ trên thế giới chưa chắc còn được ba cái.”

Bây giờ người ta bắt đầu lũ lượt tới. Henri đem vào cái gối cầm kim ngang chín tắc dài một mét hai. Hấn muốn giăng về hình thái nghệ thuật mới của hấn, nhưng lần này nghi thức bị phá lệ. Ông bà Gay đến. Lee Chong biếu dây pháo cực dài và mấy củ thủy tiên. Lúc 11 giờ có đĩa ăn mấy củ thủy tiên, nhưng dây pháo tồn tại lâu hơn. Một nhóm tương đối lạ mặt từ La Ida đến. Về gượng gạo trong bữa tiệc nhanh chóng biến mất. Dora ngồi

như trên ngai vàng, mái tóc màu cam của bà rực lửa. Bà điệu nghệ cầm ly rượu, ngón út đưa ra. Và bà đưa mắt ngó các cô để trông chừng họ cư xử đúng đắn. Doc cho đĩa nhạc khiêu vũ lên máy hát, rồi ông vào bếp bắt đầu rán bít tết.

Trận ẩu đả đầu tiên không tệ. Một đứa trong bọn từ La Ida đưa lời đề nghị tồi bại với một cô của Dora. Bà phản đối, Mack và đám choai choai tức giận vì sự thiếu đúng đắn này, họ tổng hấn ra nhanh chóng mà không làm vỡ cái gì. Khi ấy họ cảm thấy phấn khởi, vì họ biết họ có đóng góp.

Trong bếp Doc rán bít tết trên ba cái chảo, ông thái cà chua và bày một đồng bánh mì lát mỏng. Ông cảm thấy rất phấn khởi. Mack đích thân chăm lo cái máy hát. Gã tìm thấy một album của tam tấu Benny Goodman. Khiêu vũ bắt đầu, thật vậy bữa tiệc khởi sự đi vào chiều sâu và sống động. Eddie vào văn phòng nháy một điệu gõ đế giày. Doc đem nửa lít vào bếp và uống thẳng từ chai. Ông cảm thấy càng lúc càng phấn khởi hơn. Mọi người ngạc nhiên khi ông mời họ ăn thịt. Không ai thật sự đói, và họ lập tức ăn hết sạch. Bây giờ thức ăn làm cho bữa tiệc có một vẻ buồn no nề đậm đà. Rượu mạnh đã hết, Doc đem ra mấy bình bốn lít rượu vang.

Dora ngồi trên ngai nói: “Doc, mở thứ nhạc tuyệt vời đó đi. Tôi ngán tới tận cổ cái máy hát bỏ tiền ở nhà.”

Thế là Doc mở *Ardo* và bài *Amor* trong đĩa của Monteverdi. Khách ngồi im, mắt họ trầm ngâm. Dora thì thào: đẹp. Hai kẻ mới tới rón rén lên thang và im lặng vào nhà. Doc cảm thấy một nỗi buồn vàng son dễ chịu. Khách im lặng khi nhạc ngừng. Doc

đem ra một quyển sách, và ông đọc bằng một giọng trầm rõ:

*Ngày cả lúc này
Nếu hồn tôi thấy nàng tiên yêu kiều
Mặt lấp lánh như những vì sao đêm
Dáng nàng chập chờn bên ngọn lửa
Đau đớn vì tình yêu nồng cháy
Ôi người tình son trẻ của tôi
Thì tim tôi sẽ chôn vùi dưới tuyết.*

*Ngày cả lúc này
Nếu đôi mắt sen yêu dấu lại đến đây
Trần trọc vì mối tình son trữu nặng
Tôi sẽ đón nàng bằng vòng tay khao khát
Và uống trên môi nàng chất rượu nồng
Như con ong thâm vổ đôi cánh khẽ
Hút lấy mật trên nhành hoa súng.*

*Ngày cả lúc này
Nếu tôi thấy nàng nằm thao thức
Lệ chảy thành vết dài trên má
Tuôn trào xuống vành tai rụng rở
Nét mặt xanh xao u sầu vì xa tôi
Thì tình yêu của tôi sẽ là sợi dây hoa, và*

Đêm sẽ là người tình tóc đen sung mãn.

Ngay cả lúc này

Mắt tôi sẽ không thấy nữa, nhưng tôi hình dung

Đang hình dung khuôn mặt người yêu xa cách

Ôi nhãn vàng chạm nhẹ lên lá mộc lan nhỏ

Ôi trên tấm giấy da mềm tinh khiết nhất

Môi tôi đã viết lên đó khổ thơ tuyệt vời

Thơ của nụ hôn, và sẽ không viết nữa.

Ngay cả lúc này

Tử thần phủ lên tôi tấm khăn mờ lung linh

Che đôi mắt đại và người yêu mảnh mai

Thì niềm vui mệt mỏi sẽ xóa nhòa tất cả

Đóa hoa đỏ trên ngực nàng sẽ là niềm an ủi

Bay trên tấm khăn, và để xoa dịu nỗi buồn

Là đôi môi mọng đỏ đã từng thuộc về tôi.

Ngay cả lúc này

Khắp hai nhà lồng chợ nói rằng nàng ủy mị

Nhưng so với mối tình mãnh liệt của nàng

Thì bọn mặt phị buôn vàng chỉ là nô lệ

Và không ông hoàng nào chiếm được nàng.

Hỡi em yêu bé nhỏ cô đơn của anh, em yêu

Hãy sát vào anh như tấm áo ôm thân mình.

Ngay cả lúc này

Tôi yêu đôi mắt huyền âu yếm như lụa

Đôi mắt cười tươi và muôn thuở buồn

Mi mắt khép thành bóng mát dịu êm

Tôi yêu miệng xinh, à, miệng thơm

Và mái tóc lượn lung linh như khói

Ngón tay thon, và tiếng cười ngọc bích.

Ngay cả lúc này

Anh nhớ em đã trả lời rất khẽ

Chúng ta là một, tay em trên tóc anh

Kỷ niệm bừng cháy trên môi em kề cận:

Em đã thấy nữ thần tình ái yêu đương khi trăng lặn

Rồi thiếp ngủ bất kể nơi nào trên thảm

Giữa đại sảnh rực ánh đèn vàng **

Phyllis Mae khóc nức nở khi ông ngừng, và Dora cũng thấm nhẹ trên mắt. Hazel *mê mẩn* vì âm thanh của chữ tới nỗi nó đã không lắng nghe nghĩa. Nhưng một nỗi buồn trần thế nho nhỏ đã len vào cả bọn họ. Mỗi người nhớ về mối tình đã mất, mỗi người mỗi nhớ.

Mack nói: “Giê-su ơi, hay quá. Làm tôi nhớ tới một bà...” rồi gã bỏ lửng. Họ rót đầy các ly rượu vang và trở nên im lặng. Bữa tiệc

trượt đi trong nỗi buồn dịu dàng. Eddie ra văn phòng, nhảy một chút điệu gõ đế giày, rồi trở lại và ngồi xuống. Bữa tiệc sắp tàn và trôi vào giấc ngủ, bỗng có tiếng chân thành thịch trên cầu thang. Một giọng quát lớn: “Gái đâu?”

Mack đứng lên gần như sung sướng rồi lao nhanh tới cửa. Và nụ cười mừng rỡ sáng lên trên mặt Hughie và Jones. Mack hỏi nhỏ: “Tụi mày hỏi gái nào?”

“Đây hồng phải là ổ điểm sao? Tài xế taxi nói dưới này có một nhà.”

“Ông ơi, ông lầm rồi.” Giọng Mack vui vẻ.

“Ôi dào, vậy thì mấy mụ nào trong đó?”

Thế là họ xáp trận. Bọn kia là thủy thủ đoàn của chiếc tàu đánh cá ngư ở San Pedro, một bọn sùng sỏ hiếu chiến. Lập tức chúng xông vào bọn dự tiệc. Mỗi cô của Dora tuột một chiếc giày ra và cầm mũi giày. Khi bọn đánh nhau cuồng nộ ngang qua, họ sẽ dùng gót giày nhọn gõ đầu một đứa. Dora nhảy vào bếp và rầm rộ quay ra với cái cối xay thịt. Ngay cả Doc cũng vui. Ông vung cái pít tông và thanh chủy của chiếc Chalmers đời 1916.

Trận đánh đẹp. Hazel trượt chân và bị đá vào mặt hai lần trước khi có thể đứng lên lại. Cái lò sưởi Franklin đổ kêu loảng xoảng. Bị dồn vào góc, bọn mới đến tự vệ bằng những cuốn sách nặng trên kệ sách. Nhưng dần dần chúng bị đẩy lùi. Hai cửa sổ phía trước vỡ. Thành lính Alfred, từ bên kia đường nghe có rắc rối, tấn công từ phía sau với món vũ khí ưa chuộng của ông là cây gậy chơi bóng chày trong nhà. Cuộc ẩu đả ác liệt tràn xuống

thang, ra đường và băng vào lô đất. Cánh cửa trước lại treo lủng lẳng trên một bản lề. Áo của Doc rách, và bên vai yếu của ông bị xước rỉ máu. Quân địch bị đuổi lên tới giữa lô đất đúng lúc còi xe cảnh sát vang dội. Bọn dự tiệc sinh nhật của Doc chỉ vừa kịp quay vào phòng thí nghiệm và chèn cho cánh cửa gãy đóng lại, rồi tắt đèn trước khi xe cảnh sát trở tới. Tụi cớm không thấy gì. Nhưng bọn dự tiệc ngồi trong bóng tối cười khúc khích vui vẻ và uống rượu vang. Cờ Gấu đổi phiên. Đội quân mới nổi trận lôi đình xông vào. Và khi ấy mới thật sự tiệc tùng. Tụi cớm quay lại, nhìn vào, tắc lưỡi rồi gia nhập. Mack và đám choai choai dùng xe tuần tiểu lái tới tiệm của Jimmy Brucia để lấy thêm rượu vang, và Jimmy về theo với họ. Bạn có thể nghe tiếng tiệc ầm ĩ từ đầu phố tới cuối phố Cannery Row. Bữa tiệc có đủ mọi phẩm chất hảo hạng của một cuộc nổi loạn và một đêm trên hàng rào phòng thủ. Bọn thủy thủ trên tàu đánh cá ngủ ở San Pedro rón rén quay lại một cách khiêm tốn và nhập tiệc. Họ được chào đón và khen ngợi. Một bà cách đó năm dãy nhà gọi cảnh sát để than phiền về tiếng ồn ào nhưng chẳng gặp được ai. Bọn cớm báo cáo xe của họ bị lấy cắp và về sau tìm thấy trên bãi biển. Doc khoanh chân ngồi trên bàn, mỉm cười gõ nhẹ ngón tay lên đầu gối. Mack và Phyllis Mae nằm ngược đầu ngoặc chân vào nhau vật lộn kiểu da đỏ trên sàn nhà. Và ngọn gió mát trong vịnh thổi qua các ô cửa sổ vỡ. Đúng lúc đó có người đốt dây pháo dài tám mét.

Chương 31

Một anh chuột vàng cường tráng chọn chỗ ở trong bụi cỏ cầm quỳ trên lô đất trống tại Cannery Row. Chỗ đó lý tưởng. Bụi cầm quỳ xanh thắm thơm ngát vươn cao cứng cáp và rậm rạp, và khi cây lớn những búp nhỏ của nó treo lủng lẳng một cách khô gọt. Đất cũng lý tưởng cho hang chuột vàng, đất đen và mềm nhưng có pha chút đất sét để khỏi bị sập và đường hầm khỏi sập. Chuột vàng mập bóng bẩy, trong má nó luôn luôn có đầy thức ăn. Đôi tai nhỏ của nó sạch và gọn, mắt nó đen như đầu đinh ghim kiểu xưa và cũng cùng kích thước. Tay nó đào khỏe, lông trên lưng nó nâu bóng, và lông ngực vàng mềm và dày không thể tưởng. Răng nó cong dài màu vàng và đuôi nó ngắn. Nhìn toàn bộ nó là con chuột vàng đẹp trong độ sung mãn nhất của nó.

Bằng đồng đến đây, thấy chỗ này tốt, nó bắt đầu đào hang trên một mô đất nhỏ nơi có thể nhìn qua bụi cỏ cầm quỳ và thấy xe vận tải đi ngang Cannery Row. Nó có thể thấy chân của Mack và đám choai choai lúc họ băng qua lô đất về Biệt thự Lữ thú. Khi đào xuống đất đen như than nó thấy còn lý tưởng hơn nữa, vì dưới đất có những tảng đá lớn. Nó làm gian buồng lớn chứa thức ăn dưới tảng đá để không bao giờ có thể bị sập bất kể trời mưa lớn cỡ nào. Chỗ đó là nơi nó có thể an cư và nuôi nhiều

lúa con, và hang có thể nở thêm ra mọi hướng.

Sáng sớm đẹp trời nó mới thò đầu ra khỏi hang lần đầu tiên. Bụi cầm quỳ lọc ánh nắng màu lá cây rơi xuống nó, và tia nắng đầu tiên của vùng hồng chiếu vào làm hang của nó ấm tới nỗi nó nằm đó mãi nguyện và rất thoải mái.

Khi nó đào xong gian buồng lớn với bốn lối thoát khẩn cấp và căn phòng không bị thấm nước, chuột vàng bắt đầu trữ thức ăn. Nó chỉ cắt những cọng cầm quỳ hoàn hảo và xén đúng chiều dài nó cần, rồi đem xuống hang và chất thành đồng gọn gàng trong gian buồng lớn của nó, sắp xếp để chúng khỏi lên men hay hóa chua. Nó đã tìm thấy một chỗ lý tưởng để sống. Quanh đó không có vườn cây vì thế sẽ không có ai nghĩ đặt bẫy nó. Có mèo, nhiều mèo, nhưng chúng đều no kênh đầu và ruột cá từ các nhà máy đóng đồ hộp tới nỗi từ lâu chúng đã bỏ săn. Đất có đủ cát để không đọng nước hay làm hang bị ngập lâu. Chuột vàng mãi miết làm việc cho đến khi gian buồng lớn của nó đầy cứng thức ăn. Khi ấy nó làm nhiều buồng nhỏ bên cạnh cho đàn con sẽ sống ở đó. Trong vài năm có thể có hàng ngàn con cháu của nó từ tổ ấm đầu tiên này lan ra.

Nhưng thời gian trôi qua, chuột vàng bắt đầu hơi sốt ruột, vì không có chuột cái xuất hiện. Buổi sáng nó ngồi ở cửa hang kêu chít chít, có thể làm chói tai con chuột nào ở sâu dưới đất nhưng tai người không nghe thấy, vẫn không thấy chuột cái xuất hiện. Cuối cùng quá sốt ruột nó băng qua đường ray cho tới khi gặp một hang chuột vàng khác. Nó kêu chít chít khiêu khích ở cửa hang. Nó nghe sột soạt và ngửi thấy mùi chuột cái,

rồi một con chuột đực già kinh nghiệm chiến trường ra khỏi hang cắn xé nó tẹt tới nỗi nó bò về nhà nằm trong gian buồng lớn ba ngày để hồi phục, và nó mất hai ngón chân trước vì trận đánh ấy.

Một lần nữa nó đợi và kêu chít chít bên cái hang đẹp của nó ở một chỗ đẹp, nhưng không hề có con chuột cái nào đến, và một thời gian sau nó phải dọn đi. Nó phải dọn qua hai dãy nhà trên đồi tới vườn thược dược nơi mỗi đêm họ đặt bẫy.

Chương 32

Doc thức dậy rất chậm và vụng về như một ông mập ra khỏi hồ bơi. Trí óc ông ngoi lên khỏi mặt nước rồi lại chìm xuống vài lần. Râu ông dính son môi đỏ. Ông mở một mắt, thấy màu chần lựa chớp rục rờ và nhắm vội mắt lại. Nhưng lát sau ông lại nhìn. Mắt ông đi từ cái chần lựa chớp tới sàn nhà, tới cái đĩa vỡ trong góc, tới đồng ly trên chiếc bàn bị lật ngửa trên sàn, tới rượu vang đổ tràn và sách vở như những con bướm nặng rơi xuống. Xác pháo đỏ ngổn ngang khắp nhà và mùi khói pháo hăng hắc. Ông nhìn qua cửa bếp thấy chồng đĩa bát tét chất cao và mấy cái chảo ngập mỡ. Hàng trăm đầu thuốc lá dụi trên sàn nhà. Và lẫn trong mùi pháo là thoang thoảng hỗn hợp mùi rượu vang và rượu mạnh và nước hoa. Mắt ông ngừng lại một lát chỗ có nhúm kim cài tóc giữa sàn nhà.

Ông từ từ lăn lại, chống một khuỷu tay nhòm dậy nhìn ra cửa sổ vỡ. Cannery Row yên tĩnh và đầy nắng. Cửa nôi súp de mở. Cửa Biệt thự Lữ thứ đóng. Một gã ngủ yên bình giữa bãi cỏ dại trên lô đất trống. Cờ Gấu đóng chặt.

Doc đứng lên và đi vào bếp, bật ga máy nước nóng trên đường tới phòng vệ sinh. Rồi ông quay lại ngồi ở mép giường co duỗi ngón chân trong lúc kiểm tra tàn tích. Ông nghe tiếng chuông nhà thờ văng vẳng trên đồi. Khi bình nước nóng bắt đầu kêu

ùng ục ông đi tắm dưới vòi hoa sen, rồi mặc quần jeans và áo vải len. Tiệm Lee Chong đóng, nhưng thấy ông ngoài cửa nên mở ra. Không cần nghe hỏi, Lee tới tủ lạnh lấy ra chai bia một lít. Doc trả tiền ông.

Lee hỏi: “Vui chứ?” Cặp mắt nâu của ông ta hơi sưng dưới bóng.

Doc nói: “Vui!” rồi ông quay về phòng thí nghiệm với chai bia lạnh. Ông trét bơ đậu phụng lên bánh mì để ăn với bia. Phố xá rất yên tĩnh. Không người qua lại. Doc nghe tiếng nhạc trong đầu, ông nghĩ là tiếng viola và cello. Nhạc chơi đều, dịu, êm, không có gì nổi bật. Ông ăn bánh mì, nhấm nháp bia và nghe nhạc. Khi uống hết bia, Doc vào bếp, dọn đĩa bẩn ra khỏi bồn rửa. Ông mở nước nóng vào bồn, đổ bột xà phòng dưới dòng nước để bọt trắng nổi cao. Rồi ông đi vòng quanh nhật tất cả ly không vỡ. Ông bỏ ly vào nước xà phòng nóng. Đĩa bát tẹt chất cao trên bếp, nước sôi nâu và mỡ trắng làm đĩa dính lại với nhau. Doc dọn một chỗ trên bàn để xếp ly sạch sau khi rửa. Rồi ông mở khóa cửa gian phòng phía sau, lấy ra một đĩa nhạc lễ Gregory, đặt *Pater Noster* và *Agnus Dei** lên máy quay đĩa rồi mở máy. Tiếng hát thiên thần là xác thân lấp đầy phòng thí nghiệm. Giọng thanh khiết và dịu dàng không thể tưởng. Doc cẩn thận rửa ly để chúng khỏi chạm nhau lạnh canh làm hỏng tiếng nhạc. Giọng con trai mang giai điệu trầm bổng, giản dị nhưng đầm thắm không thấy ở tiếng hát nào khác. Khi đĩa nhạc hết, Doc lau tay và tắt máy. Thấy một cuốn sách nằm khuất dưới giường ông nhật nó lên, rồi ông ngồi xuống giường.

Ông đọc thầm một lát, nhưng rồi môi ông bắt đầu mấp máy, và một hồi sau ông đọc lớn, chậm rãi, ngưng ở cuối mỗi dòng.

Ngay cả lúc này

Tôi nhớ các hiền giả trên tháp cao đến kể rằng

Họ đã nghiên ngẫm hết thời tuổi trẻ. Và tôi, lắng nghe

Không tìm thấy lời thì thâm mặn nồng của người yêu

Tiếng thì thâm của màu sắc rồi, lúc chúng tôi sắp ngủ

Những lời khôn dại và những lời dí dỏm ngắn thôi

Phóng đãng như nước và ngọt ngào nỗi khát khao.

Trong bồn nước bọt trắng nổi cao nguội lại và lách tách như bong bóng vỡ. Dưới cầu tàu, thủy triều lên rất cao và sóng vỗ tung tóe lên bãi đá từ lâu chúng không vươn tới.

Ngay cả lúc này

Tôi nhớ mình yêu tha thiết cây bách, bụi hồng

Rặng núi xanh hùng vĩ và dãy đồi xám thấp

Âm thanh của biển. Cho đến một hôm

Tôi thấy đôi mắt lạ và bàn tay như cánh bướm

Lúc ban mai bầy chim sẻ bay từ bụi xạ đến tôi

Và đàn trẻ đến tắm trong dòng suối nhỏ.

Doc gấp cuốn sách lại. Ông có thể nghe tiếng sóng vỗ dưới đồng đá, và ông có thể nghe tiếng đàn chuột bạch chạy nhón nháo chạm lưới kẽm. Ông vào bếp và sờ thấy nước trong bồn đã

lạnh. Ông vặn nước nóng vào bồn. Ông nói lớn với bồn rửa và đàn chuột trắng, và cho chính mình:

Ngay cả lúc này

Tôi biết mình đã nếm vị cuộc đời sôi nổi

Nâng chén vàng ly bạc giữa buổi đại yến

Chỉ một khoảnh khắc của thời xa xôi

Tôi thấy rõ trong mắt mình người tôi yêu

Toát ra ánh vĩnh cửu trắng ngần...

Ông dùng lưng bàn tay lau mắt. Và đàn chuột bạch chen chúc nhốn nháo trong chuồng. Còn lũ rắn chuông trong lồng kính nằm yên, con mắt xám cau có của chúng nhìn đăm đăm vào khoảng không.

HẾT

MỤC LỤC

Tác giả
Lời giới thiệu
Mở đầu
Chương 1
Chương 2
Chương 3
Chương 4
Chương 5
Chương 6
Chương 7
Chương 8
Chương 9
Chương 10
Chương 11
Chương 12
Chương 13
Chương 14
Chương 15
Chương 16
Chương 17
Chương 18
Chương 19
Chương 20
Chương 21
Chương 22
Chương 23
Chương 24
Chương 25

Chương 26

Chương 27

Chương 28

Chương 29

Chương 30

Chương 31

Chương 32